Như Thế Mà Trôi

Huỳnh Trung Chánh

---o0o---

Nguồn
http://thuvienhoasen.org
Chuyển sang ebook 08-08-2009
Người thực hiện :
Nam Thiên - namthien@gmail.com
Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org

Mục Lục

TRÒ CHƠI CÚT BẮT
TAN LOÃNG THEO MÂY
LẤY CHỒNG XA XỨ
NHƯ THẾ MÀ TRÔI
CAM LỒ SA MẠC
THẦN TÀI GÕ CỬA
TÌNH NGHĨA XƯƠNG RỒNG
HOẰNG NGUYỆN THÊNH THANG

---o0o---

TRÒ CHƠI CÚT BẮT

Tiếng ho của người bạn nằm cạnh khiến thiếu úy Sơn Điền tỉnh dậy. Anh chàng đang phiêu lưu trong giấc mộng êm đềm với tình nhân Kim Sa bỗng giựt mình ngẩn ngơ trước thực tế phũ phàng. Trọn đêm qua, người lính chiến, đã đưa đồng đội ra giữa cánh đồng, lặng lẽ nằm phục kích, để rồi gần sáng mới có thể dật dờ chợp mắt ngay trên bờ ruộng. Mặt trời đỏ rực vừa hé dạng, tỏa ánh nắng êm dịu sưởi ấm cảnh vật, còn ướt đẫm sương đêm. Không khí tươi mát, hăng hăng mùi rơm rạ mục, mùi đất mới cày, và đây đó, tiếng chim ríu rít trong đám tràm hòa lẫn với tiếng dế gáy dòn tan reo rắt. Tiếng dế nhắc nhở Điền hồi tưởng lại thời ấu thơ vui nhộn, thường lang thang ra đồng, vạch từ luống đất cày, xăm xoi từng lỗ nẻ, để tìm bắt dế chọi, đem về giao đấu với chúng bạn. Nghe tiếng dế gáy, Điền có thể phân biệt được âm thanh thấp lè tè và ngờ nghệch của đám dế mọi khù khờ vô dụng, âm thanh thô đục của thứ dế cơm to xác, chỉ hấp dẫn khẩu vị với tiết mục

dồn đậu phọng lăn bột chiên dòn, và tiếng gáy dòn tan của những chàng dế lửa, dế than hào hùng. May mắn bắt được một chú dế "chì chội", chiến đấu lỳ lợm hạ nhiều địch thủ, Điền cưng quí như báu vật, ra công hái đọt cỏ non, hứng sương ban thưởng. Dế hèn nhát, Điền xử dụng phương pháp "nặng" trừng trị : nhét dế ăn tí thuốc rê cho say hay cột tóc vào chân dế quây "mòng mòng" cho chóng mặt, để kết cuộc rồi, chúng sẽ nổi cơn điên cuồng lăn xả vào cắn xé nhau chí chóe. Một chút hối hận len về, Điền chép miệng : "Tội chúng quá !". Thương phận dế, Điền liên tưởng đến thân phận người dân lành nước nhược tiểu. Chàng chán chường tự hỏi, dân mình đã được đàn anh quây mòng mòng hay nhét cho ăn thứ bã chủ nghĩa hung tợn nào, để bôi mặt cuồng quay hận thù, bắn giết nhau đây. Hào khí của người lính chiến chợt tan biến, chàng rùng mình uể oải bước đến bờ ao, khỏa nước rửa mặt. Làn sóng nhấp nhô lay động đám lá ấu non mơn mởn, thật dễ thương. Loại giây hoang mọc trên nước nầy cung cấp thứ củ đen đúa vùi sâu dước lớp bùn, vị bùi bùi như hột mít, một thức ăn chơi đồng quê rẻ tiền. Trái ấu hình dáng tương tợ như đầu trâu cui với cặp sừng cong cong nhọn hoắt, sần sùi xấu xí, chẳng có nét nào tròn trịa cả, thế nhưng dân quê miền Nam lại có câu hát ru con :

"Thương nhau trái ấu cũng tròn !

Ghét nhau, trái bồ hòn cũng méo !".

Điền tủm tỉm cười. Câu ca dao dễ thương, mộc mạc mà ý vị thâm trầm, đã phản ảnh trung thực tâm trạng của kẻ đang lặn ngụp trong hương vị tình yêu tuyệt vời như chàng. Mang cặp kính tình yêu mầu nhiệm dầy cợm vào thì ma lem cũng biến thành tiên nữ, hung tợn cũng đổi thành hiền thục, thì dĩ nhiê□chua cay, đắng chát gì cũng có thể là mật ngọt. Thật vậy, với chàng thì người tình Kim Sa bao giờ cũng "tròn vo", cũng tuyệt vời, dù đó là lúc nàng nhu mì tươi vui, hay khi nàng cong cớn, giận dỗi, cay chua… Điền làm sao mà quên được vẻ mặt cau có và giọng gắt gỏng của người đẹp đã dành cho chàng trong buổi đầu tiên gặp gỡ vào ngày lễ chôlchnam[1] vừa qua. Như thường lệ, hàng năm dù bận thế nào, Điền cũng cố gắng tìm về ngôi chùa Miên, để tham dự lễ Tết, tức chôlchnam, theo phong tục cổ truyền được tổ chức vào mùa trăng khoảng tháng tư dương lịch. Vì bận hành quân liên tiếp, mãi đến ngày thứ ba lễ Tết, gần bốn giờ chiều Điền mới "dù" về đến chùa Wat Ông, xã Lương Hòa, Vĩnh Bình với bộ đồ tác chiến còn bê bết sình lầy nơi trận mạc. Bấy giờ, đồng bào đang quây quần làm lễ tắm cho chư tăng, dưới bóng cây xoài to. Thiện tín lần lượt long trọng múc nước thơm xối ướt thân thể chư tu sĩ, cử chỉ thành kính như thầm nguyện sẽ tận lực hộ trì cúng

dường tam bảo, hầu tạo đủ cơ duyên cho chư sư "gột rửa thân tâm" thanh tịnh. Điền hấp tấp đến lu nước thơm múc nước, rồi bước nhanh về hướng vị sãi cả. Nền đất sét ẩm ướt trơn trợt, mà Điền lại vội vã vô ý, nên bị chới với ngã nhào, vô tình gáo nước tắm sư tạt thẳng vào mặt cô gái đang lù lù bước tới. Cô gái mím môi, trợn trừng mắt nhìn Điền, khiến cho anh chàng quân nhân ngang tàn bướng bỉnh, bỗng sợ điếng người, luống cuống xin lỗi, mà chẳng phát nên lời. Cũng may, cô nàng có lẽ chợt nhớ là đang tham dự một lễ nghi tôn giáo, nên chỉ "nguýt" một cái dài "thòng", rồi ngoe nguẩy bỏ đi một nước. Ôi ! cái "háy nguýt" sắc bén như mũi gươm báu cắm phập vào quả tim nồng nàn khao khát yêu đương của Điền, khiến chàng đê mê, ngờ nghệch như kẻ mất hồn. Điền lặng lẽ theo sau người đẹp, giữ khoảng cách khá xa để khỏi bị nghi ngờ. Chợt thấy Trung sĩ Kim Hên, người đàn em trong đơn vị đang ba hoa với một cô gái phía trước, Điền sợ bị lôi kéo mất dấu người đẹp, nên vội lẫn vào đám đông để tránh mặt. Ngờ đâu, Kim Hên vừa thấy nàng đã rối rít gọi vang :

- Chị Sa ! Chị Sa ! Chị biến đâu mất nảy giờ vậy !

- Cô cậu ở bên nhau thì còn thấy biết ai nữa ! Chị vừa tham dự lễ tắm sư, rồi đi quanh chờ đến giờ nghe thuyết pháp !

"May thật là may !", Điền thầm nhủ. Rồi chàng lửng thửng bước tới, giả vờ như kẻ vô tình, ngây thơ ngờ nghệch. Kim Hên lại reo vang :

- Thiếu úy ! Thiếu úy !

Đoạn Kim Hên lăn xăn nắm tay Điền kéo lại, xum xoe giới thiệu :

Chị Kim Sa, chị nhà Bác và cô Lọp, giáo viên…, Và đây là thiếu úy Sơn Điền.

Xoay qua Kim Sa, Kim Hên nhỏ giọng nhưng âm thanh cũng vừa cho mọi người cùng nghe : "Người hùng đơn vị mà em thường kể chị nghe đó !".

Điền đỏ mặt, sung sướng lên tiếng :

Nghe Kim Hên ca tụng người chị xinh đẹp mãi…, giờ đây…

Giờ gặp mặt rồi, chắc người hùng hối tiếc phải không ? Người đẹp nhanh nhẩu cướp lời.

Ơ…, ơ, hối tiếc lắm chớ ! Tiếc phận mình kém may mắn, nên mãi đến giờ nầy mới có duyên gặp gỡ !

Kẻ tung người hứng, tán tụng đẩy đưa, đôi thanh niên nam nữ cùng trang lứa càng hàn huyên đối đáp càng dòn dã thân mật.

Tiếng loa thông báo thời pháp của sư Thạch Phen sắp bắt đầu. Kim Sa xăn xái chọn một chỗ gần, tề chỉnh ngồi chè he, nhu mì chăm chú lắng nghe. Điền bám sát bên cạnh, cũng giả vờ nghe, nhưng bao nhiêu tình ý dồn về nàng. Sư Thạch Phen vốn hoạt bát, kể chuyện linh động, dù điều khó khăn khúc mắc cũng biến thành giản dị, rõ ràng, nên tuy mang tâm giải đãi mà Điền vẫn theo dõi được mẫu chuyện đạo[2] :

"- Vua Assaka trị vì một vương quốc thuộc miền Nam Thiên Trúc, vào khoảng hai trăm năm sau khi Phật nhập diệt, là vị minh quân, giao hảo hòa bình với lân bang, lại hết lòng thương yêu chăm sóc thần dân, nhờ vậy đất nước ngày càng thanh bình thịnh trị. Một hôm, vua giả trang thành kẻ thương gia tầm thường, lẫn lộn tham dự các trò vui Xuân tại ngôi chùa vùng ngoại ô, để tìm hiểu dân tình. Trong khi vua đang xối nước tắm chư tăng, thình lình có cô gái chen lấn bước vào rồi bị trợt chân té, tạt nguyên thùng nước vào người nhà vua. Cô gái vừa hoảng hốt vừa thẹn thùng, lí nhí xin lỗi. Vua bàng hoàng nhìn cô gái, rồi bị ngay tiếng sét ái tình, mê man nhan sắc tuyệt vời và giọng nói êm dịu thanh tao của nàng…".

Nghe chuyện người xưa mà như nghe được niềm tâm sự thầm kín của mình, Điền xúc cảm len lén nhìn người đẹp, và bất ngờ bắt gặp nàng cũng vừa trộm nhìn chàng. Mắt nàng chớp chớp như vô tình, mà gò má đỏ bừng vô cùng xinh xắn. Điền sung sướng tiếp tục lắng nghe mẫu chuyện đạo, càng lúc càng hứng thú.

"Nhà vua tức thời tuyển người đẹp, nàng Ubbari, vào cung rồi tấn phong hoàng hậu. Vua đặc biệt sùng ái nàng, không ngó ngàng gì đến cung tần mỹ nữ ngày trước, và cũng lơ là cả việc triều chính nữa. Đối với vua, thì đất nước thần dân đều vô nghĩa, vì tất cả tâm tư của người bây giờ hoàn toàn dành cho hoàng hậu và chỉ vì hoàng hậu mà thôi. Hoàng hậu quấn quít bên vua, vòi vĩnh đủ điều, và dĩ nhiên, luôn luôn được vua cưng chiều, ngay cả trường hợp vì hoàng hậu, vua đã đưa ra những quyết định gây khổ đau cho người khác, một việc mà trước kia vua vẫn tránh.

Mối tình vương giả đang mặn nồng, bỗng nhiên hoàng hậu Ubbari lâm bệnh, rồi đột ngột từ trần. Vua Assaka đau khổ tột cùng. Người kêu gào thảm

khốc, lên tiếng trách Trời, trách Phật ác độc, và cũng lên án bọn y sĩ bất tài bất lực. Rồi vua lại điên rồ, không chịu tin rằng hoàng hậu thực sự chết. Người hạ lệnh tẩm hương hoa xác vợ, tiếp tục đặt nằm cạnh bên long sàn, để tìm phương cứu chữa. Vua hạ lệnh giới tu sĩ phải tụng niệm khẩn cầu Trời Phật cho hoàng hậu sống dậy; mặt khác truyền lệnh cho đòi các bậc lương y đại tài khắp nước về hoàng cung trị bệnh hoàng hậu, hứa chia nửa giang san cho bất cứ ai cứu được nàng. Tuy nhiên, sau mấy ngày chờ đợi vô vọng, vua thịnh nộ kỳ hạn bọn họ phải chữa trị trong bảy ngày, nếu bất lực thì tất cả sẽ bị hạ sát. Tai họa bỗng dưng đổ lên đầu bọn y sĩ, khiến gia đình họ lo sợ cuống cuồng, tiếng kêu thương rền vang cả nước. Giới tu sĩ cũng bị họa lây. Vua trách cứ họ đạo hạnh thấp kém, nên đã không đủ đức độ khẩn cầu "thần linh" buông tha mạng sống hoàng hậu. Vua dọa sẽ bắt tất cả tu sĩ hoàn tục, phá hủy chùa chiền đền miếu trong nước. Quyết định tàn ác của nhà Vua loan truyền nhanh chóng khiến toàn dân xôn xao thán oán, nguy cơ biến loạn trầm trọng có thể bùng nổ bất cứ lúc nào. Các vị đại thần vội vàng hội họp triều kiến long nhan, khẩn trương báo cáo hiện tình đất nước, đồng thời cũng lựa lời khuyên giải : "Tâu bệ hạ ! trên đời nầy, hễ có sanh thì phải có tử, từ xưa đến nay, chưa ai thoát khỏi định luật vô thường đó. Bọn lương y dù thực tài, cũng chỉ cứu chữa một số trường hợp nào đó, chớ làm sao có thể giúp cho con người sống mãi mãi hay cải tử hoàn sanh được ! Hoàng hậu đã chết rồi, đó là sự thật không thể chối bỏ được. Vua có buồn phiền, đau khổ thế nào cũng không cứu vãn nỗi. Chi bằng vua chấp thuận cho chôn cất hoàng hậu rồi nghĩ đến việc tuyển mỹ nữ khác vào cung mà vơi niềm cô độc…".

Càng được khuyên giải, vua càng sanh tâm giận dữ, cương quyết cho thi hành lệnh hành quyết y sĩ và phá hủy chùa chiền ngay ngày hôm sau.

Bấy giờ, có vị tổ sư pháp hiệu Bồ Đề Tát Đỏa đang ẩn tu tại một hang đá sâu thẳm tại đỉnh Hi Mã Lạp Sơn, trong khi tọa thiền nhập định chợt cảm ứng nỗi niềm oán than của người dân mà rúng động toàn thân. Người vội xử dụng thần thông xuất hiện trước cửa ngọ môn, công khai tuyến bố có khả năng trị bệnh cho hoàng hậu. Vua đang nằm rũ riệt trên long sàng chợt được thông báo tin vui, lồm cồm bò dậy cuống quít phóng tìm vị tu sĩ già, lập bập hỏi han :

- Thật vậy sao ? Thật vậy sao ? Nhà ngươi ! Ơ Ngài ! Ngài có thể chữa bệnh cho hoàng hậu… hậu… sống… lại phải không ?

Tổ sư điềm đạm :

- Dạ khải bẩm hoàng thượng ! đúng vậy ! Bần tăng có khả năng cứu sống hoàng hậu, miễn là được hoàng thượng giúp cho một việc !

- Việc khó khăn tốn kém thế nào trẫm cũng sẵn sàng ! đánh đổi cả giang san nầy cho hoàng hậu trẫm chẳng từ nan !

- Bẩm hoàng thượng ! Hoàng hậu lìa đời trên bảy ngày, nên đã đầu thai sang kiếp khác. Bần tăng chỉ có khả năng cứu tỉnh hoàng hậu, nếu bà chấp nhận từ bỏ hiện kiếp để trở về với nhà vua ! Còn trường hợp bà khăng khăng chọn kiếp mới thì bần tăng đành bất lực !

- Hoàng hậu yêu trẫm chí tình dĩ nhiên tâm tâm nguyện nguyện về với trẫm, huống chi, địa vị hoàng hậu cao sang quyền quí tột bực như thế nầy thì ai mà chả ham muốn !

- Dạ ! Nếu hoàng thượng tin tưởng như vậy thì bần tăng xin phép đưa hoàng thượng đến gặp bà trong kiếp hiện tại để thuyết phục bà vậy…

Thế rồi, tổ sư Bồ Đề hướng dẫn nhà vua đến một xó vườn cạnh khu chuồng ngựa, chỉ Vua xem hai con bọ hung đang lay hoay trên đống phân ngựa, rồi lên tiếng :

- Hiện kiếp của hoàng hậu là con bọ hung cái đang nhủi đầu trong bãi phân dơ dáy đó !

- Câm họng ngay tên già xấc láo ! Ngươi lớn gan lớn mật mới dám dở trò trêu cợt hổn láo ta !

Vua giận dữ hét sang, tay run run sờ đốc kiếm như muốn phân thây nhà sư thành muôn mảnh mới hả dạ. Tuy vậy, nhìn phong thái an nhiên tự tại của nhà sư, Vua bỗng phân vân nên chùng tay lại.

- Khải bẩm hoàng thượng ! hạ thần là kẻ tu hành quyết chẳng dám nói lời đặt điều thêu dệt. Nguyên nhân là thuở sinh thời, tuy hoàng hậu nhu mì ngoan ngoãn với Vua, nhưng lại đối xử cực kỳ tàn ác thâm độc với thuộc hạ. Bọn thị nữ cung nô luôn bị bà nhiếc mắng là hạng thúi tha hèn mọn. Do đó, sau khi mạng chung, nghiệp lực xấu đã dẫn dắt bà sanh sang kiếp côn trùng nầy !

Thấy vua tiếp tục lắc đầu bất mãn, tổ sư thở dài rồi dẫn dụ tiếp :

- Nếu bệ hạ vẫn nghi ngờ, thì xin nắm chặt cánh tay nầy, để bần tăng đưa bệ hạ đi xuyên qua nếp sống côn trùng, đích thân tìm gặp hoàng hậu để hiểu rõ nguồn cơn…

- Nhà Vua ngần ngừ rồi nắm tay vị sư già tiến bước. Vừa đến giáp mí vũng nước đái ngựa, Vua bỗng rùng mình rồi chợt thấy mình biến dạng thành một con bọ hung trọng tuổi mang phong thái quyền quí của bậc vương gia. Vua cảm giác như mình lạc vào chốn thần tiên mờ ảo, phong cảnh xinh tươi hữu tình, hồ nước trong vắt thoảng hương ngào ngạt, khiến Vua thích chí hít lấy hít để.

- Nầy khanh, đây có phải "hương hải thủy" mà kinh sách xưa hằng ca tụng chăng ?

- Thưa bệ hạ ! nước nầy chính thực là "hương mã thủy", chỉ thơm tho hấp dẫn với loại tỉ căn tương ưng nào đó mà thôi ! Xin bệ hạ đừng quyến luyến chốn nầy ! Phải mau tìm gặp hoàng hậu để thuyết phục bà trở lại trần thế !

Tổ sư và nhà Vua, trong thân mạng hai con bọ hung già, bì bõm lội qua vùng nước thơm, rồi vất vả leo lên ngọn đồi đất xốp bát ngát hương trầm quế. Sư kéo nhà Vua núp dưới gò đất, chỉ hang động phía trước, khẽ nói :

- Bệ hạ quan sát kỹ cặp vợ chồng trẻ kia. Người đàn bà chính là hoàng hậu kiếp trước đó !

Dưới nhãn quan của loài bọ hung, Vua mê mang ngắm nhìn thân hình kiều diễm tuyệt trần hiển hiện trước mắt. Ôi ! nàng quả thực chính là hoàng hậu Ubbari ngày trước, không thể lầm lẫn được ! Ôi ! trớ trêu thay ! cái thân hình quyến rủ nồng nàn đó giờ lại đang nằm trong vòng tay kẻ khác, lời nói ân tình nũng nịu ngày xưa thủ thỉ bên tai Vua, giờ cũng lập lại cho ai kia… Bao nhiêu yêu thương, hờn ghen bùng nổ tràn ngập, khiến Vua dợm chồm dậy trừng trị bọn "gian phu dâm phụ". Tổ sư ghị Vua lại, nho nhỏ khuyên giải :

- Tên đó khỏe mạnh lắm ! xin bệ hạ ẩn nhẫn chờ hắn ngủ, thì mới có thể tự do thuyết phục hoàng hậu được.

Nhớ đến thân hình lực sĩ của tình địch, Vua cảm thấy "ớn lạnh" xương sống, nên dù tức bực cũng đành nằm ẹp, tiếp tục thấy nghe những điều trái tai, gai mắt.

- Mình ơi ! em thề trọn đời yêu thương mình ! phục vụ cho mình ! mà mình có thương yêu em chút "xíu" nào không !, tiếng người đẹp õng ẹo.

- Ơ ! thương lắm !

- Mình buồn ngủ phải không ? để em gãi lưng và quạt cho mình ngủ nhé !

Nhìn cảnh người đẹp tận tụy chăm sóc, cưng chiều chồng mà Vua đau lòng xót dạ. Cũng may, chẳng bao lâu, thì có tiếng ngáy vang như sấm của tên đàn ông, khiến Vua mừng mừng tủi tủi rón rén lên tiếng :

- Em Ubbari ! em Ubbari !

- Nầy lão già kia ! người lầm rồi ! Ở đây chẳng có ai tên đó cả ! Hãy tránh ra xa, giữ yên tịnh để chồng ta ngủ !

- Ubbari chính là tên nàng đó ! Nàng nguyên là vợ ta…

- Ê ! thằng già dịch ! Ngươi ăn nói bậy bạ, ta vặn họng ngươi bây giờ ! Ta đẹp đẽ sang trọng như vầy mà ngươi dám mở miệng nói ta là vợ của kẻ già khù, sói sọi, xấu xí như ngươi sao ?

- Nàng ơi ! Ta tạm mang thân nầy thôi, chớ thực ra ta là loài người !

- Xí ! Loài người hả ! thứ quái vật xấu xa đó có gì quí giá mà ngươi khoe khang !

- Ta là Vua của loài người, cai trị một đất nước hùng mạnh, phồn thịnh và sung túc. Nàng kiếp trước là vợ ta, là bực mẫu nghi thiên hạ, quyền uy tột bực, được muôn người hầu hạ… Ta thương yêu nàng khôn nguôi, nên tìm đến đây đưa nàng trở lại kiếp người mà an dưỡng giàu sang phú quí…

- Hứ ! Làm gì có xứ sở nào mà đẹp đẽ, thơm tho, sung sướng hơn xứ sở nầy! Làm gì có người chồng nào đẹp trai, anh hùng hơn người chồng nầy ! Dù người nói thật, thì ta cũng chẳng thèm mơ mộng đến người nào khác, thế giới nào khác nữa ! Thôi đi tên già dịch ! đừng có mong bịa chuyện hoang đường để dụ dỗ gái tơ nữa ! Hãy tránh xa đi, nếu cứ nói dang ca ta sẽ gọi chồng ta thức dậy trị tội ngươi đó !

- Ubbari ơi ! ta chính thực là chồng nàng ! chỉ có ta mới thực sự yêu nàng chí tình tha thiết mà thôi !

- Ê ! cha già nầy điên khùng rồi ! ngươi mà lãi nhãi nữa thì đừng trách ta sao ra tay ác độc đó nghe !

- Xin nàng hãy tin tưởng ta ! theo ta trở về với loài người thì sẽ hiểu rõ đâu là sự thật…

- Anh ơi ! thức dậy mau lên ! có thằng cha già nầy nó cứ "thả dê" em hoài nè ! Anh trị tội nó đi !

- Cha già nầy tới số rồi ! tao quyết vặn cổ mầy ! mổ bụng mầy !, tiếng tên đàn ông giận dữ hét vang.

Nhìn vẻ mặt hung tợn, thân hình vạm vỡ của tình địch, Vua đâm ra sợ hãi cuống cuồng nắm tay vị sư già chạy trối chết. Trong vừa vượt khỏi vũng "hương mã thủy", thoát cái Vua biến trở lại hình người, mình mẫy lấm lem sực nức mùi phân và nước tiểu ngựa hôi hám, mà chẳng lưu tâm. Vua vẫn kinh hoàng tiếp tục chạy một mạch về hậu cung, rồi ngẩn ngơ nhìn xác chết đã hôi thúi của hoàng hậu, buông tiếng thở dài.

- Như thế đó, tâu bệ hạ ! người ta tạo tác bao nhiêu ác nghiệp để cưng chiều xác thân nầy, nhưng cuối cùng thì có ai giữ mãi được đâu ? Người ta phải liệng bỏ thân xác, và cả tài sản, danh vọng, thân quyến… để tùy theo nghiệp lực cuốn lôi mà trôi nổi trong lục đạo luân hồi…

Vua sực tỉnh cơn mê, quỳ lạy cảm tạ nhà sư, thì chỉ còn thấy bóng dáng của người lẫn khuất xa xa…

Sư Thạch Phen chuẩn bị mẫu chuyện đạo chu đáo, hi vọng qua câu chuyện Phật tử sẽ nhận chân được lẽ vô thường mà cũng thấm nhuần lý nghiệp báo, hầu luôn luôn khởi tâm niệm làm lành, tránh xa điều dữ. Thấy vẻ mặt vui tươi hớn hở của Điền, sư hi vọng tìm được người góp ý cho thời pháp linh động hơn, nên vội cất tiếng hỏi han :

- Con có nhận xét gì qua chuyện vua Assaka !

Điều trớ trêu là Điền, tuy vẫn thường viếng thăm chùa chiền, nhưng chàng trai trẻ "yêu cuồng, sống vội" đó, trong lòng lúc nào cũng hừng hực chuyện tình yêu nóng bỏng, còn lý vô thường vô ngã, lý nghiệp báo nhân duyên… thì chẳng mảy may nhớ nghĩ đến. Đang lởn vởn trong đầu mối tình vương giả, Điền thành thật đáp :

- Vua Assaka hay thiệt ! Ông dám đánh đổi nửa giang san để cứu mạng người yêu, kể ra cũng đa tình đáo để !

- Đa tình thì có ! nhưng coi bộ hèn quá ! Chẳng dám liều mạng sống chết vì tình thì cũng chẳng ra gì ! Kim Hên thích chí bổ túc.

- Đúng vậy ! yêu thì phải "hùng", dám liều mạng vì tình ! dẫu có chết thì cũng làm thứ ma "phong lưu trang nhã" !

Hai người đẹp : Kim Sa và Lọp rạng rỡ nghe hai chàng trai tán dương thuyết si tình, trong khi sư Thạch Phen ngao ngán thở dài, thương cho kẻ dại khờ, đang mờ mịt đắm chìm trong vòng tình ái nghiệt oan… Để tránh thời pháp khỏi chuyển biến thành buổi mạn đàm về tình ái lăng nhăng, sư Thạch Phen vội cắt ngang phần thảo luận, rồi tiu nghỉu tuyên bố chấm dứt thời pháp.

Trời chiều mát mẻ, bọn trẻ rủ nhau ra ao Bà Om ngoạn cảnh. Vừa đến nơi, hội ý cái nháy mắt ám hiệu của Điền, Hên vội đưa cô giáo Lọp đi riêng về hướng rừng thưa. Điền và Kim Sa, tiếp tục đi chầm chậm trên con đường đất lồi lõm đắp quanh bờ ao. Hai người ngây ngất hàn huyên đủ mọi đề tài, đề tài nào cũng hấp dẫn đặc biệt cả, dù đó là chuyện phấn son duyên dáng hay chuyện lính tráng hào hùng. Mỏi chân thì họ dừng lại dưới tàng cây dầu, cây sao già. Hồ rộng, cây to là hai ưu điểm của ao Bà Om. Loại cây tuổi trên hai trăm năm nầy, vẫn ngạo nghễ vươn mình cao ngất rợp bóng mát cả vùng, mà mớ rễ to chằn chịt trồi lên mặt đất lại chu đáo biến thành thứ ghế ngồi thiên nhiên ngộ nghĩnh dị kỳ. Hai người rủ nhau ngồi lắt lẻo trên một cái rễ nhô cao lơ đảng ngoạn cảnh hồ. Cả hai bỗng chú ý đến đôi le le đang tung tăng bơi ra giữa hồ, trững giỡn lặn hụp trong vùng sen chen chúc lá xanh, điểm vài đóa hoa trắng lác đác. Chàng le le bỗng "nịnh đầm" âu yếm rỉa lông nàng, khiến cô nàng e lệ gục gặc đầu…

- Đôi le le nầy ! hạnh phúc anh nhỉ !, Kim Sa lên tiếng.

- Tuyệt thật ! Ước gì chúng mình…

Điền đáp nửa chừng rồi bỏ lửng, vì thật ra sự lặng yên đó lại chuyên chở tình ý miên man hơn. Tình yêu đến với họ dễ dàng, tự nhiên mà dường như cũng kỳ diệu vô cùng. Chỉ mấy giờ bên nhau, mà Điền nghe nhu mình đã gặp gỡ, yêu nhau, thề thốt tự kiếp nào rồi.

- Điền ơi ! anh hứa suốt đời ta sống bên nhau nghen anh !

- Sống làm vợ chồng ! chết cũng thành ma vợ chồng ! Anh thề chẳng để ai cướp đoạt em đâu !

---o0o---

Kinh nghiệm xương máu từ Tết nguyên đán năm Mậu Thân, lệnh cấm trại một trăm phần trăm nghiêm khắc ban hành. Để bảo vệ cho đồng bào vui hưởng một ngày xuân an vui, đêm ba mươi, đơn vị địa phương quân của Điền cẩn thận chia nhau nằm bờ, ngủ bụi để đề phòng những hành động khủng bố tàn khốc có thể xảy ra. Tình hình nói chung có vẻ yên tỉnh. Ngoài những loạt súng nổ vang dội thay cho tiếng pháp vào lúc giao thừa, không có một vụ đột kích nào xảy ra. Trời sáng dần, không khí chiến tranh chết chóc nặng nề, nhường chỗ cho một ngày Xuân đầy mộng đẹp.

Trại lính nhộn nhịp hẳn lên. Những túp lều ọp ẹp của gia đình binh sĩ rạng rỡ với cụm vạn thọ, cành mai vàng. Đám trẻ con thường nhựt trần trụi cũng xúng xính áo quần mới. Người ta bắt đầu qua lại viếng thăm, long trọng chúc mừng năm mới. Náo nhiệt nhất là đám trẻ con, lo le phong bì đỏ đựng tiền "lì xì", gầm đầu quanh bàn lắc bầu cua cá cọp, cãi vã nhau chí chóe. Điền đang loay hoay diện bộ đồ "vía", chuẩn bị đi viếng thăm chúc Tết đơn vị trưởng, chợt có người cận vệ hấp tấp vào báo cáo :

- Trình thiếu úy ! quốc lộ số 4 tại ngã tư Sambour bị đắp mô ! lệnh tiểu khu giao cho mình phải cấp thời giải tỏa !

Điền tức bực buôn tiếng chửi thề "… Mẹ nó!", rồi đột nhiên chàng bỗng rùng mình, linh tính báo nguy một điềm hung hiểm khó lường. Chàng bức rức nghĩ mình đã sơ hở không cử người nằm kích ở điểm đó, và lo ngại, tai họa có thể đột ngột xảy ra cho người dân lành ngày đầu năm nếu họ bất cẩn vượt mô khi lính chàng chưa phá hủy kịp. Điền hấp tấp ra lệnh đàn em di chuyển ngay, mà vẫn chưa yên lòng, nên lại tất tả bước nhanh theo.

Niềm lo lắng của Điền vơi dần khi cảnh tượng những chiếc xe kiên nhẫn đậu dài dài, tương phản với vẻ mặt nhăn nhó sốt ruột của giới hành khách lăn xăn qua lại, hiện ra trước mắt. Chợt có chiếc xe lam ba bánh đầy người từ đàng xa trờ đến. Người tài xế thắng xe lại, ngần ngừ giây phút, rồi táo bạo lái xe leo lề chạy sát mí mô đất hung hiểm. Điền hốt hoảng, cất tiếng la ngăn cản nhưng chỉ còn kịp nghe thấy một tiếng nổ long trời, hất tung chiếc xe lam lên cao, bụi đất văng mù mịt. Điền hối hả phóng nhanh đến cấp cứu. Chiếc xe sụp bẫy mìn gãy đôi, thì con người có lẽ khó lòng sống sót. Thảm cảnh máu đổ, thịt rơi, tiếng kêu la khóc thét hãi hùng, đến nỗi những người

lính chiến từng quen thuộc cảnh chết chóc nơi chiến trường vẫn lợm giọng buồn nôn. Người tài xế cắm đầu dưới ruộng, ruột gan lòng thòng. Trên mặt lộ lầy nhầy thân xác người hành khách bị gãy cổ, đứt lìa cánh tay chết tốt. Mấy người hành khách khác may mắn, thương tích đầy người nhưng tình trạng có lẽ không đến nỗi nguy kịch, đang rên rỉ, kêu khóc thảm thiết. Trong khi đó, dưới thùng xe lam lật úp, một nạn nhân còn bị kẹt cứng, chẳng biết mệnh hệ như thế nào ? Toán lính tự động phân chia nhau cứu cấp người sống sót, thu dọn xác chết và giải tỏa mô. Điền đích thân hô hào kẻ hiếu kỳ tiếp tay nâng thùng xe lam hi vọng cứu mạng kịp thời nạn nhân đang bị xe đè. Nhìn bàn chân kẻ xấu số vừa lộ ra, Điền liền cảm thấy có nét gì quen thuộc, gần gũi quá. Chàng muốn trốn tránh sự thật, dối lòng, không dám suy nghĩ gì cả, nhưng hình dáng Kim Sa vẫn lảng vảng ám ảnh chàng. "Còn sớm quá ! chắc nàng chưa rời nhà viếng thăm mình đâu !". Điền cố gắng tự thuyết phục mình, nhưng nỗi sợ hãi cũng tràn ngập khiến chàng run rẩy cả toàn thân. Điền bối rối lôi nhanh xác nạn nhân ra ngoài, rồi bỗng thất thanh ôm chầm gào thét : "Trời ơi ! em Kim Sa ! Ôi sao em lại ra nông nỗi như thế này !". Điền hốt hoảng kêu gọi nàng tỉnh dậy, sờ mũi, thăm dò nhịp tim của nàng… mà chẳng thấy tăm hơi. Điền khẩn cấp mang nàng về bệnh viện tỉnh cứu chữa nhưng chỉ nhọc công vô ích.

Niềm khổ đau hành hạ không nguôi, nhất là càng suy nghĩ, Điền lại càng tự trách mình là nguyên nhân để Kim Sa xuất hành ngày Tết rồi tử nạn. Đầu óc chàng căng thẳng như sắp nổ tung trước những ý tưởng dồn dập biến hiện đổi thay vùn vụt. Khi chàng bỗng mềm yếu khóc lóc thương cảm, lúc mơ ước tự sát theo nàng, và khi thì hùng hổ mưu tính việc sống chết báo thù bọn ác nhân. Dù vậy, Điền cũng tươm tất tham gia việc chung sự cho người yêu, với thái độ vừa trầm tỉnh vừa lạnh lùng.

Theo tục lệ người Việt gốc Miên, thân xác nàng sẽ được hỏa táng, nhưng gia đình nàng thương con không chọn thứ áo quan ván tạp thông thường, mà tẩn liệm nàng trong cái đỉnh[3] gỗ đắc giá, đặt người chết vào theo kiểu ngồi chồm hỗm, tay chân co lại, đầu chúi xuống, dáng điệu của một hài nhi trong bụng mẹ.

Ba ngày sau, quan tài nàng được đưa đến nhà thiêu Pachha cạnh chùa Wat Ong, để chuẩn bị lễ hỏa táng. Ông Acha[4] thay mặt thân nhân thỉnh sư Thạch Phen chủ lễ. "Giờ phút nghiêm trọng sắp đến, xác nàng rồi sẽ thành mớ tro tàn", Điền thầm nghĩ. Cơn khổ đau cùng tận bỗng bừng bừng nổi dậy dày xéo tâm tư khiến chàng ràn rụa nước mắt. Điền cắn chặt răng để đè nén khối hận thù đang muốn bật thành tiếng hét nguyền rủa bọn sát nhân khát máu,

nguyền rủa cuộc chiến dơ bẩn và nguyền rủa cả cuộc đời phi lý vô nghĩa nầy. Sư Thạch Phen lặng lẽ chấp tay rồi lần lượt nhìn từng người, như để khuyên lơn, an ủi và chia xẻ niềm khổ đau của họ. Trong ánh mắt từ bi của sư, Điền còn cảm nhận được sự bình an vô bờ, bắt nguồn từ giòng suối đạo pháp tươi mát.

Sư Thạch Phen bắt đầu thuyết pháp và đây là lần đầu tiên trên đời Điền thực sự nghe pháp. Ngày trước, Điền ngồi cạnh người yêu nghe sư dẫn dụ về cái chết của hoàng hậu Ubbari, mà lòng hờ hững coi như sự sống chết chẳng chút liên hệ gì với mình. Giờ đây đang cơn oằn oại khổ đau, nội tâm rung chuyển kỳ lạ đã thúc đẩy chàng biết thành khẩn lắng nghe, hầu đón nhận diệu lý thâm trầm thấm sâu vào tâm tư mình. Sư kể câu chuyện Uraga Jãtaka[5], theo đó, cả gia đình của người chết đều ý thức rốt ráo lẽ vô thường nên đã đón nhận tin lìa đời của thân nhân bằng thái độ điềm nhiên thanh thản. Lời phát biểu của bà mẹ về cái chết của con, nhẹ nhàng và thâm thúy, đã ban cho chàng niềm an ủi sâu xa :

"Không ai mời mọc, nó đã đến !

Không ai đuổi xô, nó vội ra đi !

Đến như thế nào, nó đi như thế ấy !

Có gì mà tôi phải âu sầu phiền muộn ?

Khi con tôi hoàn tất đoạn đường nó đã trải qua !"

Thuyết pháp xong, sư bắt đầu tụng kinh siêu độ "Trây lak Khana Sotta" ba lần để nhắc kẻ sống người chết về lý vô thường, vô ngã. Sư rưới nước dừa lên cổ áo quan, rồi ra hiệu cho ông Acha châm lửa.

Ngọn lửa bùng lên cao. Cha me Kim Sa khóc ngất lên và Điền cũng ràn rụa nước mắt. Trong một thoáng Điền nghĩ là từ đây chàng sẽ vĩnh viễn mất nàng. Khổ đau và hận thù lại đùng đùng nổi dậy. Điền nghiến răng đè nén, mắt căm hờn long lên. Phiền não đang chất ngất dày xéo, bỗng Điền bắt gặp ánh mắt dào dạt từ bi của sư Thạch Phen nhìn chàng. Tình thương của sư, phong thái an nhiên của sư lần lần thu phục chàng, xoa dịu cơn khổ đau thù hận trong lòng. Nhờ tiếp nhận được nguồn suối bình an của sư, Điền bắt đầu lặng lẽ suy niệm những lời Phật dạy về cái chết, Điền lẩm bẩm : "Nàng đã đến, nàng đã hoàn tất cuộc hành trình, và nàng lại ra đi. Có ai sống mà không chết đâu ? Cớ sao mình lại phải đau buồn ?". Điền bình tỉnh nhìn dàn

hỏa, chàng hình dung lại hình dáng nàng khi liệm. Tư thế ngồi như một bào thai trong đỉnh, bỗng gợi chàng một biểu hiện của tư thế sẵn sàng chuyển kiếp. Thế rồi, Điền chợt có cảm tưởng như mình đã khám phá ra ý nghĩa sâu xa của sự sống và chết. Sanh và tử chỉ là một chuỗi chuyển biến miên miên bất tận, nên thật ra cũng không sanh cũng không diệt, chàng chẳng hề được mà cũng chẳng vĩnh viễn mất nàng. Ôi tử sinh như thế đó : một cửa ngõ ra vào, một trò chơi cút bắt trêu ghẹo khách trần ai. Trên hỏa đài lửa vẫn phừng phực đốt cháy thân xác Kim Sa, nhưng hình như Điền cảm thấy lòng mình nhẹ hẳn ra. Trong ánh lửa lung linh, chàng cảm tưởng như từ tư thế bào thai, nàng Kim Sa đã bàng hoàng sống dậy. Nàng chẳng hề chết. Nàng vẫn an nhiên tự tại cất tiếng ca vang bài kinh "Không đến không đi"[6], một nhạc phẩm mà chàng và nàng đã có lần nghe những anh em Thanh niên Phụng Sự Xã Hội trình bày :

"Thân nầy không phải là tôi, tôi không kẹt vào nơi thân ấy.

Tôi là sự sống thênh thang, tôi chưa bao giờ từng sinh mà cũng chưa bao giờ từng diệt.

Nầy kia, biển rộng, trời cao, muôn vàn tinh tú lao xao, tất cả đều biểu hiện tôi từ nguồn linh tâm thức.

Từ muôn đời tôi vẫn tự do
Tử sinh là cửa ngõ ra vào
Tử sinh là trò chơi cút bắt.
Hãy cười cùng tôi, hãy nắm tay tôi
Gặp lại hôm nay, gặp lại ngày mai,
Chúng ta sẽ gặp nhau nơi suối nguồn
Chúng ta sẽ gặp nhau từng phút giây trên muôn ngàn nẻo sống……"

Tháng 1.1992

---o0o---

TAN LOÃNG THEO MÂY

Sừng sững trên cánh đồng lúa chiêm vùng bắc ngạn sông Đuống, thuộc huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, tụ hội năm ngọn núi khôi vĩ Ma Khám, Nguyệt Hằng, Đông Sơn, Bát Vạn và Lạn Kha. Lạn Kha dịch nghĩa là rìu nát, địa danh bắt nguồn từ sự tích người tiều phu lên núi đốn củi, tình cờ

theo dòi một ván cờ tiên, cho đến khi cờ tàn, tiên đi mất, người tiều phu nhặt lại chiếc rìu mới khám phá cán rìu mục nát, còn mình thì cũng biến thành cụ già, lạc bước cô đơn về làng cũ. Núi Lạn Kha vì vậy còn có tên là Tiên Du, nổi tiếng với ngôi cổ tự Phật Tích, một tổ đình đã đào tạo bao đắc đạo cao tăng khắp các triều đại, nên quanh năm suốt tháng dập dìu tài tử giai nhân đăng sơn viếng chùa, ngoạn cảnh. Nguyệt Hằng đối diện với Lạn Kha, đường đi trắc trở cheo leo, phong cảnh xinh tươi hùng vĩ, cũng hiện hữu ngôi thiền viện cổ xưa, nhưng sơn môn nầy lại vắng vẻ tiêu điều. Nguyệt Hằng chỉ nổi tiếng về trà, trà "hoàng tước thiệt" do Thanh Hư thiền viện sản xuất được giới trà gia "cao thủ" xếp vào hạng lừng danh, chính vì vậy mà Nguyệt Hằng còn mang tên nôm na là núi chè. Giống trà nầy, như tên tự miêu tả, lá thon nhỏ như lưỡi chim sẻ, màu mạ non phơn phớt lớp lông tơ mịn óng ánh vàng. Trà "hoàng tước thiệt", phát xuất từ vùng núi non trùng điệp của tỉnh Triết Giang, Trung Hoa, mà theo truyền thuyết đã do vị cơ tổ, trong chuyến chiêm bái ngôi chùa Từ Thọ mang hạt giống về gieo trồng. Giống trà quý lại được chư sư chăm sóc cẩn trọng, tuyển lựa từng đọt trà, chỉ hái thuần búp non và một lá nhỏ, nên phẩm chất phải thanh cao đặc biệt. Trà cho nước màu xanh nhạt, thoang thoảng hương thanh nhẹ, vị hơi chát đắng mà tươi tỉnh, hậu dịu ngọt, khiến người uống trà cảm giác lâng lâng sảng khoái. Khoảng năm mươi năm về trước, thiền viện giữ tục lệ tổ chức hội trà vào tiết Thanh Minh, để chư Thiền sư thân hữu thưởng thức chung trà đầu mùa quý giá. Hình ảnh mấy mươi vị lão sư trang nghiêm nâng chung trà nghi ngút khói lên đỉnh sương mù mây trắng lửng lơ, vẫn còn được nhắc nhở.

"Khói trà quyện với ngàn mây…
Chung trà tỉnh thức đong đầy tam thiên…"

Theo đúng thanh qui của tổ Bách Trượng "nhất nhựt bất tác, nhất nhựt bất thực", ngoài hoa lợi vườn trà, thiền viện còn trồng vài loại màu phụ để có thể tự túc kinh tế. Do đó, chư tăng phải chấp tác không ngừng, nhứt là vào mùa xuân, tất cả nỗ lực đều phải tập trung vào việc sản xuất trà. Trà được hái từ sáng tinh sương, rồi mang về cho vào sàng xấy sơ, đoạn trộn đều và đánh cho mềm ra, kế đó, lại phải xấy khô ráo thì mới hoàn tất. Dù bận rộn như thế nào, chư tăng vẫn chuyên cần tọa thiền, và tụng niệm hai thời công phu đều đặn. Sơn môn tuy là một chi phái thiền, nhưng lại có truyền thống quan tâm đặc biệt đến lễ nhạc, phẩm mà vài giới tu sĩ chê bai là "thanh âm sắc tướng". Theo sơ tổ, rung động của âm thanh có thể tạo nên những sự rung động sâu xa nơi tâm thức. Âm điệu tán tụng đúng mức có diệu dụng thức tỉnh kẻ mê đắm dục lạc, hóa giải tham sân si, trao truyền an lạc. Nhịp mõ khoan thai phá tan loạn động, hồi trống dồn dập triển khai tinh tấn, và tiếng chuông thanh thoát nhiệm mầu. Âm ba đặc thù của tiếng chuông : ngân

nga, bàng bạc, trầm sâu, xoáy chuyển, có công năng thẩm thấu tận đáy nguồn tâm thức, vừa cao vút thông suốt tam thiên, vừa xuyên thủng cõi u minh địa ngục. Điều đó đã giải thích tại sao, tiếng thác đổ ầm ì, tiếng trời long đất lở, tiếng trống kèn rầm rập của ba quân… không lay chuyển chư thiền sư trong cơn đại định, nhưng một tiếng chuông nhỏ lại có diệu dụng thức tỉnh vị ấy. Tiếng chuông gắn liền với sự nghiệp giải thoát, phản ảnh trình độ tu tập của hành giả. Đạo đức càng cao thì tiếng chuông càng thâm trầm đạo vị. Lặng lẽ lắng nghe tiếng chuông của bậc giác ngộ, đôi khi người hành giả gặt hái được lợi ích hơn cả mấy năm chuyên cần tu tập. Do đó, tuy thiền tông tuyên bố là "bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền" và phủ nhận mọi hình thức lễ bái, mà tiếng chuông, tiếng mõ, tiếng khác, tiếng tụng niệm, tiếng hét… của chư thiền tổ đều hàm chứa một diệu dụng vô song.

Đặc biệt quan tâm đến âm thanh, nên sư Viên Thắng đã đảm trách hai thời thỉnh đại hồng chung vô cùng thận trọng. Sư thong thả thỉnh một trăm lẻ tám tiếng chuông khuya. Vừa thỉnh chuông, sư vừa ngâm kệ phục nguyện "âm siêu, dương thới" cho pháp giới chúng sanh. Từ lầu chuông chót vót đỉnh núi, sư cất tiếng ngân cao vút thiết tha, thành khẩn mong hạnh nguyện mình nương theo tiếng chuông trôi xuống thôn xóm xa xôi dưới chân núi phổ độ dân làng. Sư Viên Thắng thường được các vị sư thúc khen ngợi có năng khiếu thiên phú về lễ nhạc. Khí cụ nào, dù là chuông, mõ, khánh… hay trống, trong đôi tay sư cũng chuyển biến thành những âm thanh nhịp nhàng, điêu luyện và tràn đầy đạo vị. Giọng của sư lại ấm và truyền cảm, nên khi xướng, tán hay tụng kinh âm điệu thoát tục cũng khiến người nghe lắng lòng nương tiếng kệ, mà thơi thới rủ bỏ hết mọi hệ lụy triền phược của cuộc đời. Sư thúc khuyến dụ sư mang sở trường xuống núi làm phương tiện hữu hiệu hoằng hóa chúng sanh, nhưng sư một mực chối từ. Sơn môn đơn chiếc, thương thầy già yếu và sư đệ dại khờ, sư Viên Thắng không mảy may nghĩ đến việc ra đi. Đêm nay, nhìn sang núi Lạn Kha, thấy hàng ngàn bó đuốc của khách hành hương sáng rực góc trời, hốt nhiên sư cảm thấy niềm hối tiếc vương vấn trong lòng. Sư bỗng ước mơ ngày sư có cơ hội thi thố tài năng tụng niệm của mình. Giây phút huy hoàng ấy, thỉnh thoảng vẫn được sư phát họa trong tâm, là cảnh tượng sư đang lẫm liệt uy nghi cử hành nghi lễ trọng thể cho những bậc vua chúa tại ngôi chùa vĩ đại chốn đế đô. Giấc mơ tương lai cứ vẩn vơ ám ảnh khiến sư trằn trọc bất an suốt đêm và thời tọa thiền cũng lơ mơ loạn động.

Sau thời công phu sáng, sư cụ Tịnh Chiếu nghiêm trọng gọi hai đệ tử vào tăng phòng dạy việc. Sự kiện bất bình thường khiến hai đệ tử Viên Thắng,

Viên Thông lo lắng, căng thẳng chấp tay chờ đợi thầy quở trách. Bất ngờ, sư cụ biểu lộ vẻ tươi vui, rồi ngọt ngào lên tiếng :

- Thắng con ! Con hầu thầy hai mươi năm kể ra là quá đầy đủ ! Thầy dự định đến ngày rằm sẽ làm lễ hạ sơn cho con xuống núi đem sở học để hoằng dương chánh pháp !

Sư Viên Thắng nghĩ đến vọng tưởng hư đốn của mình vừa qua, vội vã dập đầu thành khẩn thưa :

- Bẩm thầy, con xin sám hối đã loạn tưởng buông lung khi hành thiền. Xin thầy thứ tha cho con được tiếp tục ở lại tu tập !

- Thắng con ! Hễ rời vọng tưởng chấp trước là chứng được chân tâm. Các pháp môn Phật giáo sai khác đều qui về một mối là chỉ bày hành giả phương pháp diệt trừ vọng tưởng mà thôi. Phương pháp thẳng, gọn của lục tổ là : "Vạn duyên buông hết, một niệm không sanh", nói khác, nếu biết buông bỏ toàn thân như người chết : căn trần thức tan biến, tham sân si diệt sạch, họa phước vinh nhục danh lợi chẳng màn, thì sao chẳng xa lìa được vọng tưởng, chân tâm chẳng hiển bày…

Lặng yên giây phút cho đệ tử lắng tâm suy gẫm, sư cụ ôn tồn tiếp lời :

- Thắng ạ ! Con vốn có duyên hoằng pháp chốn đế đô, thầy nghĩ đã đến lúc con nên tùy thuận ra đi gánh vác Phật sự. Sư cụ chùa Trấn Quốc[7], sư thúc tổ của con, bấy lâu nay khẩn thiết yêu cầu thầy giới thiệu một môn sinh tín nhiệm đỡ đần Phật sự, và thầy đã hứa cử con về hầu người. Nay mùa chè đã hoàn mãn, đến lúc con có thể lên đường nên thầy thông báo con chuẩn bị hành trang. Ngoài ra, nhân dịp nầy thầy cũng muốn cho hai con biết vài điều bí ẩn trọng đại của sơn môn ta. Sơ tổ, trong thời gian du phương cầu đạo tại Ngũ Đài Sơn đã được một vị thánh tăng vô danh tặng viên ngọc ma ni vô giá…

Sư cụ mở cái hộp gỗ lim để dưới bộ kinh Đại Bát Nhã, chỉ hai đệ tử xem viên kim cương lớn bằng trứng chim sâu long lanh sáng chói, rồi nói tiếp :

- Ngọc có đặc điểm là tùy tâm người cầm giữ mà ảnh hiện màu sắc. Tâm trong sáng thì ngọc trong sáng, tâm nhơ bẩn xấu xa thì ngọc cũng đen đủi xấu xa. Vì vậy, nên mới được gọi là như ý châu tức ma ni châu. Đây là tín vật chưởng môn, dành trao truyền cho người tiếp nối trụ trì ngôi Thanh Hư thiền viện.

Xây qua Viên Thắng, sư cụ dặn dò :

Con là đại đệ tử là người kế vị thầy tiếp nhận viên ngọc nầy, nhưng con còn duyên hoằng hóa chốn đế đô, nên ta đành đình hoãn mười năm, chờ ngày con trở về mới chuyển giao trách nhiệm môn phái.

Viên Thắng bùi ngùi :

Thầy hứa với sư thúc tổ thì con phải vâng lời đến chùa Trấn Quốc một thời gian. Tuy nhiên, con hy vọng trong vài năm, khi sư thúc tổ có người khác đỡ đần thì con xin về, chớ xa thầy đến mười năm thì lâu quá !…

Viên Thông cũng cất tiếng năn nỉ :

Thầy can thiệp với sư thúc tổ cho sư huynh trở về sớm thầy nhé !

Ơ ! Việc đó tùy duyên mà thu xếp, đề cập lúc nầy có phần quá sớm. Vả chăng, thầy muốn dành thời giờ kể hai con hiểu rõ nguyên nhân tục lệ lên xuống núi khắc khe của sơn môn ta, để mà suy gẫm. Truyền thống này liên hệ đến câu chuyện thầm kín từ năm mươi năm trước. Ngày đó, Thanh Hư đang thời hưng thịnh, tăng chúng hàng trăm vị, do tổ thứ tám, pháp danh Từ Nhẫn làm viện chủ. Tổ cao đức trọng, tuổi đã bảy mươi mà vẫn không ngừng phát triển sơn môn, đào luyện tăng tài. Một hôm, tổ khẩn cấp truyền gọi các đệ tử vân tập đến rồi long trọng cử người đại đệ tử kế vị viện chủ, sau đó tổ tường thuật họ nghe câu chuyện bí mật trọng đại của mình. Tổ tham thiền nhập định tự biết mình sắp nhập diệt, nên hai ngày trước, nhân đêm trăng sáng đã đi dạo quanh tu viện để giả từ. Vô tình tổ đi lần xuống chân núi, rồi dừng chân bên bờ suối, ngắm bóng trăng in trên mặt nước. Thình lình có cô bé, tuổi chừng đôi tám, te te đến bên giòng suối, yên chí đó là chốn không người, nên cởi phăng chiếc váy, thản nhiên xuống tắm. Diễn tiến xảy ra thật bất ngờ, không cách gì ngăn chận kịp, khiến tổ phải giữ yên lặng, cho cô bé đỡ thẹn thùng. Tổ nhắm mắt lại, nhưng không biết do oan nghiệp tự kiếp nào, trong một thoáng tổ bỗng mống niệm ý nghĩ hiếu kỳ là muốn nhìn cho rõ. Vọng niệm phát khởi từ sự tò mò tưởng chừng vô hại mà hậu quả nguy hiểm không phương cứu vãn. Trở về hậu liêu tọa thiền nhập định, tổ khám phá mình sẽ sớm lìa đời với cận tử nghiệp ác hại đeo đuổi khiến tổ phải đọa sanh làm thân con rận, sống trong chiếc váy cô bé để thỏa mãn vọng niệm nhìn cho rõ trước kia. Kết luận tổ khẩn thiết yêu cầu chúng đệ tử hoàn thành hai điều tâm nguyện giúp tổ sớm được siêu thoát[8]. Trước hết, tổ ủy thác người đại đệ tử, chờ đợi đúng ba ngày sau khi tổ mệnh chung, phải đích thân tìm đến nhà người tiều phu ngụ dưới chân núi mua chuộc

chiếc váy cô bé đang mặc, đem về đặt bên cạnh thi thể tổ, luân phiên tụng kinh nghiệp báo bốn ngày, đoạn đem hỏa thiêu chung với nhục thân người. Thứ đến, tổ dặn dò chôn bình hài cốt tổ trên lối đi duy nhất lên xuống núi, hầu mỗi khi dẫm chân lên đó, chúng đệ tử sẽ nhớ đến oan nghiệp của tổ mà xa lìa vọng niệm sàm sỡ. Chúng đệ tử nghe thầy kể chuyện vừa kinh dị, vừa thương cảm, mà chỉ biết răm rắp tuân lời. Thương thầy, các đệ tử nghĩ đến việc hạn chế đi lại dẫm trên bình hài cốt thầy. Lệ không tiếp khác tăng lẫn tục và lệ ngăn cấm đệ tử chưa làm lễ hạ sơn chánh thức lên xuống núi được đặt ra.

- Thưa thầy ! chú Viên Thông bức rức lên tiếng, tổ Từ Nhẫn trọn đời tu hành chân chính, chỉ mống tí vọng niệm tò mò mà rơi vào ác đạo thật là khó hiểu?

Các con ạ ! Cận tử nghiệp là yếu tố quyết định hướng dẫn thân trung ấm trôi nổi theo lục đạo luân hồi. Giới tu hành thường nhắc nhở chuyện một vị lão hòa thượng, trọn đời tu hành chơn chất, nhưng khi sắp chết lại mống niệm tiếc rẽ bụi mía tươi tốt trồng mà chưa ăn được, nên đã đọa lạc làm thân con sâu mía để thỏa mãn nguyện vọng lúc lâm chung. Vào thời Đức Phật tại thế, có vị Tỳ kheo vừa được thí chủ cúng dường bộ y mới, chưa kịp mặc thì trúng gió chết, nên luyến tiếc chẳng rời. Cận tử nghiệp đó đã lôi kéo vị tỳ kheo nầy thác sanh thành ngạ quỷ lẩn quẩn bám giữ của. Biết rõ sự kiện trên, Đức Phật dạy chư tỳ kheo phải chờ đến bảy ngày, sau khi kẻ mạng chung nguôi ngoai lòng tham tiếc, thiện căn phục hồi thoát kiếp ngạ quỷ, thác sanh lên cõi trời, mới được phân chia tài sản người chết.

Viên Thông chống chế :

Thưa thầy ! Trường hợp của tổ không thể kể là cận tử nghiệp, vì sau đó tổ vẫn còn giữ vững chánh niệm để tọa thiền, để họp chúng kia mà !

Viên Thắng cũng góp ý :

Con lại tin tưởng câu chuyện nầy chỉ là một phương tiện, một khế cơ, mà tổ nhằm sử dụng để giáo huấn đệ tử !

Quan niệm của con rất hợp ý thầy. Đúng vậy ! ngay thời Đức Phật còn tại thế, chư thánh tăng đôi khi đã cố tình tạo điều lầm lỗi, hầu Đức Phật có cơ hội nhắc nhở, khuyên dạy và đặt giới luật ngăn ngừa kẻ phàm nhân vấp phải. Thuở ấy, đệ tử bản môn thường bị nữ sắc quyến rủ, do đó, có lẽ tổ đã cố tình tạo ra biến cố này, như một phương pháp "khổ nhục" để giáo hóa đệ tử tinh tấn tu tập, xa lìa vọng niệm mà thôi. Có điều tự phỉ báng thanh danh mình để

làm bài học sống động cho kẻ hậu sinh, thì chỉ có tâm nguyện của bậc Bồ tát không còn chút ngã chấp mới hành xử nỗi !

Tuy vẫn ước mơ ngày hạ sơn vùng vẫy ngang dọc một phen, nhưng khi sắp ra đi, sư Viên Thắng vẫn cảm thấy bùi ngùi tấc dạ. Sư thương thầy, mến sư đệ chẳng rời. Sư quyến luyến tự viện, đỉnh núi, đồi thông. Sư tần ngần ngắm từng khóm đá, gốc trà, gốc đào, cội mai… tất cả đều chứa chan bao kỷ niệm ấm êm. Thời giờ trôi nhanh quá, lật bật đã đến ngày rằm, sư cụ Tịnh Chiếu cử hành lễ hạ sơn cho đệ tử, rồi đích thân tiễn đưa đệ tử thương yêu lên đường. Khi sắp chia tay nhau bên giòng suối Tiền Định, Viên Thắng bịn rịn thỉnh cầu thầy ban cho một lời ẩn ngữ làm hành trang tu tập sau cùng. Sư cụ lơ đảng nhìn cuộn mây trắng đong đưa bay đến, thò tay hí hoáy thảo vài nét vô nghĩa trong không khí, rồi khoác tay giã biệt. Sư Viên Thắng ngẩn ngơ quán sát thông điệp lạ lùng đó. Sư biết thầy vừa trao truyền cho mình một thứ công án thâm sâu, nhưng trong cơn xúc động xa thầy xa bạn, lòng dạ rối ren, tạm thnời sư chưa nghĩ ra được. Sư đành rưng rưng nước mắt, lặng lẽ quì lạy từ tạ thầy, rồi lấy hết can đảm, theo đúng tục lệ bản môn, khắc khoải lê gót dẫm lên bình hành cốt của tổ Từ Nhẫn mà ra đi.

---o0o---

Sư cụ chùa Trấn Quốc có lẽ thiếu duyên lành nuôi đệ tử. Sư cụ dễ dãi thâu nhận đệ tử xuất gia khá đông, nhưng những kẻ tạm có tư cách, tinh tấn tu hành lại cứ rơi rớt lưới tình hoàn tục. Người đệ tử duy nhất mà sư cụ đặt trọn niềm tin, thì bất ngờ lại yểu mệnh. Sư Viên Thắng được thầy cho xuống núi về với sư thúc tổ thật đúng lúc. Sư cụ tuổi trên bảy mươi, bệnh hoạn yếu đuối, mà bấy lâu phải vất vả với bao Phật sự đa đoan nên sức lực mỏi mòn như ngọn đèn cạn dầu. Viên Thắng chững chạc đạo đức, mà kỹ thuật tụng kinh, sử dụng chuông mõ lại siêu việt, nên sớm thu phục cảm tình Phật tử các giới. Sư cụ liền chuyển giao lần lần công việc trụ trì cho sư Viên Thắng, để dành thời giờ lo phát họa kế hoạch tái thiết ngôi chùa thêm khang trang đẹp đẽ. Ngờ đâu, công tác xây cất chưa kịp khởi công, thì sư cụ trở bệnh nặng, nên chỉ biết ủy thác tất cả mọi việc cho Viên Thắng rồi lìa trần.

Chùa Trấn Quốc là ngôi chùa cổ kính, dính liền với sự thịnh suy của đất nước. Chùa đã được xây dựng từ đời Lý Nam Đế, với danh hiệu Khai Quốc, tọa lạc tại bãi An Hoa, giáp sông Hồng Hà. Đến triều đại Hậu Lý, công nghiệp khai quốc, - dựng nước -, thuộc về chùa Cổ Pháp, nên ngôi chùa nầy được đổi tên là Trấn Quốc. Khi đất nước lâm cảnh ly loạn huynh đệ tương tàn, thời Trịnh Nguyễn phân tranh, bờ sông Hồng lở khuyết làm sụp đổ

chánh điện, chùa phải di tản về một giải đất nổi trong hồ Tây, tức Hồ Lăng Bạc, thuộc xã Yên Phụ, phía Bắc ngoại thành Thăng Long. Ngôi chùa tạm, mái tranh vách đất sơ sài, tọa lạc giữa vùng trời nước mông mênh, thanh nhã núp sau hàng cây anh đào, cội mai, khóm trúc… hiện hữu mờ ảo như cảnh mộng. Sư thúc tổ đã trụ trì vào thời điểm chùa suy sụp, nên bao nhiêu năm trời hành đạo, đã bền bĩ quyên góp, cân nhắc chi tiêu, tiện tặn từng đồng xu một, để tích lũy thành một số tiền to, hầu hoàn thành tâm nguyện phục hưng ngôi chùa cổ. Tiền của nầy đã gây phiền nhiễu cho sư cụ không ít. Sư cụ khổ sở lo lắng đám đệ tử thâm lạm, phí lạm của tam bảo nên không thích gần gũi ai. Sư cứ nghi ngờ đánh giá mãi nên không bao giờ tìm được một kẻ kế thừa vừa ý. Trường hợp sư Viên Thắng là một ngoại lệ đặc biệt. Có thể vì sư cụ không còn cách chọn lựa nào khác, mà cũng có thể vì Viên Thắng là một sơn tăng, quen nếp sống đạm bạc, lại là hậu bối bản môn, có căn bản tu học vững chắc, xứng đáng được tín nhiệm.

Thế là chỉ xuống núi trong một thời gian ngắn sư Viên Thắng đã nghiễm nhiên thừa hưởng trọn vẹn cơ nghiệp cả đời của sư thúc tổ. Không phụ lời ủy thác của sư thúc tổ, sau khi lo tang ma cho người, sư Viên Thắng liền nghĩ đến công cuộc trùng tu toàn diện ngôi chùa. Thoạt đầu, sư âm thầm tiến hành việc xây dựng cổng tam quan uy nghi, lộng lẫy nên danh hiệu Trấn Quốc tự màu hoàng kim, với những câu đối hàm súc ý đạo. Mái tam quan ba từng uốn cong phơn phớt, lợp ngói âm dương sơn đỏ au, trên có cặp rồng xanh biếc tranh ngọc, vừa cổ kính vừa đẹp xinh. Cổng tam quan nổi bật giữa vùng trời nước Hồ Tây tạo tiếng vang khá sâu rộng. Phật tử khắp huyện Thọ Xương đồng tán thán công đức vị sư trẻ, rồi đua nhau tận lực yểm trợ công của cho chùa. Từ đó, bao năm trời liên tiếp sư chỉ cần cù lo kiến thiết chùa. Vừa hoàn thành chánh điện khang trang, mái ngói, vách gạch, cột gỗ chạm trổ công phu, sư đã nghĩ đến việc tu bổ hậu đường, tòa thiên hương, bảo tạng, gác chuông, gác trống… Âm vang bàng bạc của chuông chùa Trấn Quốc đi sâu vào lòng người, thoát thành tiếng hát dân gian :
"Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Trấn Quốc, canh gà Thọ Xương" [9]
Để tạo thêm nét trang nhã, sư cũng sắp xếp lại khu vườn cây kiểng phía trước, tô điểm vài cụm lan, trồng hàng cây si lá xanh mướt dọc bờ hồ, thả sen mọc chen chúc, hoa trắng, hoa đỏ nở nhởn nhơ tỏa hương thoang thoảng. Chùa càng xinh đẹp thì khác hành hương càng rộn rịp. Phật tử của chùa không còn thu hẹp trong phạm vi Hồ Tây và Hồ Trúc Bạch nữa, mà còn lan rộng đến nội thành. Rồi giới danh gia vọng tộc cũng lục tục hướng về qui ngưỡng. Khi Chúa Trịnh Sâm thích cảnh chùa, hàng tháng tổ chức du ngoạn hồ, sư liền cho xây cất ngôi thủy đình rộng rãi để Chúa có nơi đón gió mát

trăng thanh. Để thỏa mãn nghệ thuật thưởng thức trà Tàu của Chúa, sư cũng nhờ bọn lái buôn tìm cho được loại ấm Nghi Hưng vô giá, tuyển mua loại trà Long Tĩnh thượng hảo hạng giá mắc hơn vàng, mà cung phụng. Sư cũng lo thủ sẵn loại rượu "mai quế lộ" đặc biệt để tươm tất hầu Chúa. Nhờ gần gũi với Chúa mà uy danh của sư Viên Thắng và chùa Trấn Quốc lấn áp các ngôi tự viện đồ sộ trong nội thành. Chùa sung túc, tiền cúng dường thu được tràn ngập, mà việc tái thiết chùa đã hoàn mãn, khiến sư Viên Thắng không tìm phương pháp gì tiêu xài cho hết. Sư ăn xài phong lưu, chỗ xây cất nào không vừa ý thì đập phá làm lại, nếu phải đập phá nhiều lần cũng chẳng ngại ngùng. Từ lâu, sư đã chuyển giao mọi công tác Phật sự cho đám đệ tử phụ trách, sư tiêu dao nhàn nhã tháng ngày. Sư chỉ phải bận bịu tíu tít một cách thích thú khi tiếp đãi giới cao sang quyền quí. Gần gũi họ sư cảm thấy cũng phải tự sửa sang, tô điểm hình tướng đôi chút. Sư tung tiền cho đám thương gia qua tận Trung Hoa thỉnh cho sư một xâu chuỗi cẩm thạch màu thiên thanh to tướng, mấy bộ y hậu gấm nhung trang bị khoen móc y hậu vàng chạm trổ tinh vi, mũ hiệp chưỡng gấm thêu, cùng với chiếc chăn vô giá thêu trọn bài "Tâm kinh bát nhã"… Ngoài ra, tuy mới hơn bốn mươi tuổi, sư tự chăm sóc sẵn sàng phần hậu sự : tích trữ tấm đà la ni và trầm hương dược liệu lẫn liệm đắc giá, đồng thời cũng xây dựng một bảo tháp nguy nga cho chính mình. Một hôm nhìn thấy viên kim cương đính trên mũ chúa Trịnh lóng lánh, bất giác lòng sư rúng động. Sư bỗng ao ước trên mũ hiệp chưỡng của mình cũng hiện hữu viên ngọc tương tợ. Điều nan giải là tuy sư đã vận dụng đủ mọi cách nói úp úp mờ mờ mong đệ tử tại gia cúng dường ngọc mà đợi hoài vẫn chưa tìm ra được thí chủ đáp ứng. Sư dự định nhờ bọn lái buôn mua giúp, nhưng lại lo sợ tiếng xấu đồn xa là sư mua nữ trang cho gái nên đành thao thức thèm thuồng. Sư đang buồn rười rượi thất vọng, thì bỗng vụt nhớ đến viên ngọn ma ni trấn sơn của Thanh Hư thiền viện ngày trước. Sư mừng khấp khởi thầm nhủ : "Bản sư Tịnh Chiếu đã hứa khả trao truyền viên ngọc chưởng môn cho ta kia mà !. Viên ngọc ma ni đó "chễm chệ ngự" trên mũ hiệp chưỡng thật danh chánh ngôn thuận, nó tạo nên nét quyền quí cao sang của hàng vương giả mà cũng phô trương được đạo đức ngất trời của bậc tôn sư".

---o0o---

Sư Viên Thắng rộn ràng, tiền hô hậu ủng, thẳng đường quay trở về núi Nguyệt Hằng. Mười lăm năm trước, dưới chân núi chỉ lấp ló vài chiếc lều tranh xệch xạc của bọn tiều phu, không ngờ ngày nay quanh chân núi lại là một thôn xóm trù mật, với những căn nhà xinh xinh ngăn nắp xúm xích bên nương khoai, nương sắn. Điểm lạ lùng nhất là nhà nào cũng trồng trà, những

vườn trà xanh um thẳng tắp trải dài lên tận sườn núi, đỉnh đồi. Tần ngần trước một ngã ba vắng vẻ, sư Viên Thắng đảo mắt tìm người hỏi thăm đường, chợt nghe tiếng trẻ con văng vẳng hát ca :
"Ta có thần châu một hạt
Lâu nay bụi mờ che khuất
Giờ đây sạch bụi sáng trưng
Soi thấy nghìn trùng non nước"[10]
Nhìn qua hàng dậu thưa, sư khám phá ra cảnh vui nhộn của đám trẻ con đang cười giỡn, ca hát với một thanh niên áo nâu, đầu trọc. Thanh niên cũng chợt nhìn thấy đoàn người xa lạ vội chấp tay kính cẩn chào. Bất ngờ, sư Viên Thắng nhận diện ngay được người quen, vội vàng lên tiếng :

- Phải chú Viên Thông đó không ?

- Ô ! không ngờ lại là sư huynh ? sư huynh hồng hào và sang trọng quá ! nên em nhìn không ra…

Mấy ngày đi đường, hồi tưởng thuở hàn vi, Viên Thắng chợt nảy sinh chút tình huynh đệ, thầm dự định sẽ đưa sư đệ về thành đô mà an hưởng giàu sang, nay diện kiến cảnh sự đệ quê mùa, ăn mặc lôi thôi lếch thếch, chẳng lộ chút uy nghi đức độ của giới tu hành, nên đại sư ngao ngán đổi ý…, tuy vậy, người vẫn vui vẻ lên tiếng :

- Ta về thăm sư phụ và sư đệ đây !

- Sư huynh ơi ! Thầy đã thị tịch gần hai năm rồi ! Em có nhờ người đưa tin cho sư huynh mà !

Thật ra, thì Viên Thắng cũng được báo tin, nhưng thời gian đó Chúa Trịnh thường tổ chức du ngoạn Tây Hồ, sư cần phải chầu chực đón rước Vương gia đâu rảnh rang rời thành đô về lo tang ma thầy được. Sư dửng dưng đáp :

- Thế à ! Ta co hay biết gì đâu ! Thôi lỡ rồi thì ta đành lên núi, lạy mộ thầy sám hối vậy… Đệ hướng dẫn huynh lên đường nhé !

Viên Thông ngại ngùng nhìn phái đoàn hành hương, rồi ấp úng đáp :

- Vâng ạ ! nhưng chắc sư huynh vẫn nhớ truyền thống dè dặt tiếp đón khác của sơn môn…

Thiếu thốn kẻ hầu hạ thật khó chịu, nhưng về đến chốn nầy, Viên Thắng không thể bất chấp tục lệ xưa, đành phải sắp xếp cho đám tùy tùng chờ đợi dưới chân núi, rồi uể oải bước theo chân sư đệ.

Trên đường đi, Viên Thắng thuật cho pháp đệ sự nghiệp của mình tại Thăng Long thành, đồng thời cũng hỏi han tìm hiểu những diễn biến của sơn môn sau ngày sư giã biệt :

- Lạ nhỉ ! Chỉ mười mấy năm mà vùng núi đồi nầy đã biến thành vườn chè xanh tốt !

- Gia chủ những vườn chè đó nguyên là những gia đình nghèo lam lủ dưới chân núi ngày trước. Thời gian sau khi huynh rời núi, sư phụ ốm yếu liên miên, nên đệ thường xuống núi lo thang thuốc nhờ vậy mời tiếp xúc với họ. Nhận thấy đời sống họ kham khổ, tăm tối, chỉ biết an phận với nghề đốn củi hoặc bẫy thú rừng sống qua ngày, đệ khuyên họ phá rừng núi làm rẫy, thỉnh cầu thầy ban cấp cho họ hạt giống, rồi hướng dẫn họ phương pháp trồng chè, hái và xấy ướp chè… Thoạt tiên, mỗi gia đình trồng vài khoảnh chè nho nhỏ làm thí điểm, gặt hái được hoa lợi khả quan nên họ thi đua nhau bành trướng thêm mãi. Dân chúng vùng khác cũng lục tục kéo đến lập nghiệp, nên chẳng bao lâu vùng nầy đã biến thành xóm làng thịnh vượng… Vào những ngày mà dân làng đổ xô lo vụ mùa, đệ thường xuống núi trông nom dùm con cái họ, và nhờ vậy hôm nay mới may mắn đón gặp sư huynh…

Ai đời thiền viện chỉ độc quyền về trà, mà thằng bé vô dụng bày vẽ hết cho người ngoài thật là quá đỗi khờ khạo. Bực bội người pháp đệ ngu xuẩn Viên Thắng im lặng chẳng thèm hỏi han gì nữa. Vả chăng, đường núi cheo leo, đại sư lại quá đẫy đà và bẵng một thời gian không vận động, nên chỉ đi một phần ba đoạn đường là kiệt sức. Sư thở chẳng ra hơi nên đâu còn bụng dạ nói năng đối đáp nữa. Mệt quá, sư muốn bỏ cuộc, quay xuống núi ngay, nhưng nghĩ đến viên ngọc vô giá, sư đành gắng sức lê lết. Nhờ Viên Thông hết lòng nâng dắt và cuối cùn cõng vác một đoạn đường dài, khi vầng thái dương vàng ửng trời tây thì ngôi Thanh Hư thiền viện bắt đầu xuất hiện.

Viên Thắng được sư đệ đưa vào tăng phòng của sư phụ ngày trước nghỉ ngơi. Sư vừa đó vừa mệt, nằm lả người rên rỉ. Bỗng Viên Thông mang vào một khay nhỏ chỉ có vài củ khoai mì gầy guộc, rồi lên tiếng :

- Mời sư huynh sơi sắn đỡ đói !

Tưởng không thể ngóc dậy nỗi, không ngờ mấy củ khoai mì lại có giá trị như loại sâm thượng hạng, khiến sư cảm thấy khỏa khoắn trở lại. Đúng lúc đó, sư đệ lại mang vào chung trà nghi ngút khói.

- Sư huynh sơi chè nhé !

- Sư đệ cứ tự nhiên. Ta nào phải là người lạ mà phải khách sáo ! Đệ ạ ! Trời sắp tối mà huynh cũng nhọc mệt, có lẽ ngày mai mình mới ra thăm mộ sư phụ được !

- Vâng ạ !

- Nầy sư đệ ! bỗng dưng sư huynh muốn nhìn lại những kỷ vật của thầy ! Ơ! viên ngọc chưởng môn cất nơi nào vậy đệ !

- Sư phụ vẫn giữ trong hộp gỗ dưới bộ Đại Bát Nhã đó huynh !

Chờ Viên Thông bước ra ngoài, Viên Thắng bồn chồn mở hộp lấy ngọc. Viên ngọc biến mất, và bị thay thế bằng hòn sỏi nhỏ đen đen. Liên tưởng đến lời ca khoe ngọc mà đám trẻ ca hát, Viên Thắng tin chắc rằng sư đệ đã tráo ngọc, tuy vậy sư chẳng chút bối rối. Sư sớm tiên liệu trường hợp nầy, nên đã chuẩn bị kế hoạch vẹn toàn đối phó mọi bất trắc. Sư vốn bon chen chốn phồn hoa đô hội, nắm vững uy lực của đồng tiền, nên đã mang sẵn một số tiền khá to nhằm lung lạc sự đệ, mua chuộc ngọc. Ngoài ra, trong trường hợp không sử dụng được phương thức mềm mỏng, sư cũng dự phòng phong thơ gởi gấm của Chúa cho viên Tri Phủ địa phương. Do đó, nếu cần đến biện pháp mạnh, nhờ thế lực của triều đình hỗ trợ, sư vẫn vận dụng được. Điểm Viên Thắng hơn khó chịu là cảm giác bị sư đệ lường gạt, "hắn" giả dạng khù khờ quá tài tình khiến sư lầm lạc tin là kẻ thật thà chân thật. Sư vội đóng hộp lại, nhỏ nhẹ mà lạnh lùng, cất tiếng :

- Nầy sư đệ ! dường như viên ngọc nầy có điểm gì khác lạ phải không đệ ?

Viên Thông trở vào phòng, mở hộp gỗ, chỉ cho Viên Thắng thấy viên kim cương sáng chói lóng lánh màu sắc, lễ phép thưa :

- Em chẳng thấy điểm nào khác lạ cả ! Vẫn viên ngọc ngày xưa mà huynh !

Viên Thắng sửng sờ nhìn viên ngọc long lanh, gượng gạo đáp :

- Ờ ! Ờ !

Chờ cho sư đệ bước ra ngoài, Viên Thắng mới dám cầm hộp gỗ xăm xoi viên ngọc lần nữa, và đúng như sư lo sợ, viên ngọc lại biến đổi thành viên sỏi đen như trước…

Viên Thắng choáng váng chết lặng người. Sư không muốn tin mắt mình, không tin viên ngọc ma ni kỳ quái lại ảnh hiện tâm sư tối đen như vậy ? Bấy lâu nay sư luôn luôn được mọi người tranh đua nhau cung thỉnh, tán tụng sư là bậc chân tu, đạo cao đức trọng. Sư cũng yên chí mình đạo đức ngất trời, dẫu đi, đứng, nằm, ngồi, hay phán dạy điều gì cũng không ra ngoại đạo, nên chẳng hề thấy có nhu cầu tu sửa tâm gì nữa. Sư bối rối ngồi bệt xuống giường, hồi tưởng lại những hành vi của mình trong mười mấy năm qua. Ngày mới về chùa Trấn Quốc, sư luôn thực hành lời dạy của chư tổ là đề cao cảnh giác không để tâm buông lung theo trần cảnh, một niệm tham sân si vừa khởi là sư đã thấy rõ chân tướng nên không bị cuốn lôi theo vọng niệm thường tình. Thấm nhuần gia phong thiền viện, sư sống khiêm cung đạm bạc, một mảnh cơm vụn dính vào chén còn không dám phí phạm, huống chi hoang phí của tín thí. Sự tận tụy chăm lo hoằng dương đạo pháp, đào tạo tăng tài, đồng thời, cũng kiên trì tiến hành công cuộc đại trùng tu ngôi cổ tự. Sư đã tha thiết tu tập đến thế, nhưng chẳng biết lý do gì, nếp sống tu hành của sư lại rẽ sang hướng khác ? Sư phân vân tìm hiểu nhưng mù mịt chẳng hiểu rõ nguồn cơn ? Làn gió nhẹ xua đuổi chùm mây trắng len vào khe cửa, nhắc nhở sư áng mây tan loãng bởi nét chữ vô nghĩa của thầy trong buổi chia tay ngày trước. Hốt nhiên, một tia sáng vụt lóe lên xóa tan trọn vẹn mối hoài nghi trĩu nặng. Sư thầm thở than : "Ôi ! Thầy dạy mình nghệ thuật buông bỏ như người viết chữ trên nước, trên mây… mà ta, lại ôm ấp, dính mắc như kẻ khắc chữ vào đá[11]. Mới bước đầu thuận duyên, được chút danh vọng hư ảo thì ta bám chặt vào, để rồi tự cao, tự mãn mà lơ là quán sát tâm tánh, nên tam độc tham, sân, si… có điều kiện âm thầm bành trướng. Tham, sân, si dấy lên đó, lúc đầu ta cũng thoáng tự phát hiện được, nhưng ta lại lấp liếm viện dẫn chiêu bài "vì đạo pháp" bao che, hầu được an tâm "say men chiến thắng", đến nỗi buông lung như người thế tục…

Càng suy tư, càng hổ thẹn, về những hành vi lố bịch ngày trước. Sư bức rức bồn chồn, thao thức suốt đêm không chợp mắt được. Gần sáng, vừa thiêu thiêu ngủ bỗng sư cảm giác như có điều gì đang biến chuyển lạ lùng tại chánh điện, nên vội choàng dậy rón rén mò ra tìm hiểu.

Sư đệ Viên Thông đang long trọng lễ Phật. Thời công phu sáng diễn ra tại Thanh Hư thiền viện là thông lệ bình thường, nhưng lần đầu tiên trên đời, Viên Thắng bỗng chứng kiến được khóa lễ tụng sống động nhiệm mầu. Viên

Thông chỉ chấp tay cung kính rồi lễ xuống nhẹ nhàng vậy thôi, thế nhưng Viên Thắng lại trực nhận được sự tươi mát, an lạc tỏa rộng ra từ động tác chân thành tha thiết đó. Lạ lùng hơn nữa, là dường như cả thế giới cũng chuyển mình đổi khác. Đồi núi cỏ cây trở nên lung linh sống động, tiếp xúc cảm thông với hành giả trong từng nhịp thở. Và tượng Phật bỗng sáng rực hào quang, mỉm cười từ ái đáp ứng lòng dạ trong sáng của người hành lễ.

Đọc truyện một vị tổ xưa, thuyết pháp cho đá nghe mà lòng dạ chân thành cũng khiến những viên đá cảm ứng đối đáp vang rền, Viên Thắng không cho là thật, không ngờ ngày nay, sự tương ưng "tình dữ vô tình" lại hiện hữu rõ ràng trước mắt.

Sư nín thở theo dõi từng tiếng chuông, từng tiếng mõ, từng lời tụng niệm của sư đệ. Càng lúc sư càng tiếp xúc sâu xa với trạng thái thần bí nhiệm mầu, đến nỗi nước mắt sư ràn rụa.

Chờ cho sư đệ chấm dứt phần công phu, Viên Thắng chấp tay vái sư đệ, rồi nói :

Xin cảm tạ sư đệ đã trao cho huynh kinh nghiệm an lạc ngày hôm nay. Chẳng hay, đệ có bí quyết tu hành đặc biệt nào mà đạt được những thần thông cái thế như vậy ?

Đệ chỉ biết sống với tâm bình thường rỗng rang không dính mắc, lấy việc gánh nước, bửa củi làm thần thông diệu dụng vậy thôi…

Trong trạng thái ray rức vì đã buông lung đánh mất công án "nét vẽ tan loãng theo mây" của sư phụ, kế đó lại bàng hoàng chứng kiến thời khóa tụng niệm nhiệm mầu, Viên Thắng cực kỳ xúc động tìm hỏi sư đệ với tất cả nỗi khẩn thiết trong lòng. Câu trả lời giản dị bất ngờ cũng xoáy quanh mấu chốt buông bỏ và dính mắc khiến Viên Thắng sửng sờ. Đúng thời điểm đó, Viên Thông lại ngâm nga :

"Ở đời vui đạo, mặc tùy duyên
Hễ đói thì ăn, mệt ngủ liền.
Báu sẵn trong mình thôn chạy kiếm !
Lặng lòng đối cảnh chẳng tham thiền…"[12]
Sư Viên Thắng mỉm cười. Bao ngày qua, sư giống như người cùng tử trong kinh Pháp Hoa, lăn lộn ganh đua tranh dành báu vật bên ngoài, mà quên mất viên kim cương trong nhà. Khám phá ra kho tàng của mình, sư tràn ngập niềm vui, cất tiếng ca hát mênh mang :

"Ta có thần châu một hạt
Lâu nay bụi mờ che khuất
Giờ đây sạch bụi sáng trưng
Soi thấy nghìn trùng non nước."

Tháng 4 năm 1992

---o0o---

LẤY CHỒNG XA XỨ

Khí hậu Texas cũng di truyền được giòng máu ngang tàng hoang dại của những chàng cao bồi ngổ ngáo miền Tây thuở nào, nên đôi khi đang nắng thiêu đốt, chợt sấm sét nổi vang lừng, rồi thì mưa ồ ạt tràn ngập lụt lội đường xá, cuốn phăng xe cộ, nhà cửa, cầu kỳ… Mưa bão lụt lội Texas gây tai họa hơn cả những cơn động đất dữ dằn tại tiểu bang California, thế nhưng thím Mít lại cảm tình với giông bão chốn nầy. Xuyên qua màn nước trắng xóa, thím mường tượng ra hình ảnh cây dừa, cây cau ngả nghiêng đẫm mình trong cơn mưa đầu mùa tại quê hương yêu dấu. Ngồi trong câu lạc bộ, bao quanh bởi đồng nghiệp Việt, nói nghe tiếng mẹ, quan sát cơn mưa rào, thím cảm thấy mát mẻ, an ổn như đang sống tại quê nhà.
- Chị Mít ạ ! có chuyện gì mà con Sue rối rít chạy theo xin lỗi chị hoài vậy?, Thủy lên tiếng.

- Ơ ! nó giỡn mặt gọi tôi là "banana" chứ !

- Sao chị không "giũa" cho nó một trận !

- Dĩ nhiên là có ! Tôi nổi sùng gây : "Tên tao là Mít, đánh vần là M, I, T. Mít là jackfruit trong ngoài đều vàng lườm cả. Tao là thứ Á đông tự hào về màu da vàng, chớ chẳng phải là hạng mất gốc ham hố màu da trắng đâu ! Đừng giở giọng kỳ thị với tao !. Con Sue xin lỗi, đính chánh mãi là nó chỉ cà rỡn không hậu ý kỳ thị, nhưng ai tin được nó !

Trên nguyên tắc, thì không có vấn đề kỳ thị chủng tộc lộ liễu trong xí nghiệp, nhưng ai ngăn nỗi chuyện ngấm ngầm, nhứt là từ trong đám thiểu số xô bồ nảy sanh ra lắm kẻ "cà chớn" vô nhân cách. Hiện tượng thấy rõ trong giờ giải lao tại câu lạc bộ là dân tộc nào quây quần theo dân tộc nấy : Mỹ trắng tán gẫu với Mỹ trắng, Mỹ đen tụ tập với Mỹ đen, Mễ quấn quít Mễ và Việt Nam cũng xúm xích bên nhau để kháo ba điều bốn chuyện. Dĩ nhiên, gần gũi với người cùng chủng tộc, ai cũng cảm thấy hòa hợp và thoải mái

hơn, huống chi sau những giây phút căng thẳng thần kinh, bắt buộc phải nghe, phải nói tiếng nước người rắc rối, nhóm tị nạn tung tăng hội nhập với môi trường tiếng mẹ, sung sướng an lành như được tự do lặn hụp trong giòng nước mát. Trường hợp nàng "Mary Chuối" là một ngoại lệ. Tuy là người Việt chính cống, nhưng nàng chỉ muốn biến hóa thành trắng. Nàng sửa mũi cho cao, lột da mặt cho trắng, nhuộm tóc vàng óng ả, mang kính sát tròng mắt màu xanh… để tạo lốt Mỹ, và do đó, học đòi nói toàn tiếng Mỹ, lắng quắng chạy theo người Mỹ. Nàng lơ là tránh né người đồng hương, nên chẳng mấy ai thích dây dưa với nàng. Bọn Mỹ gán cho nàng biệt danh là "Mary Banana", tên Mỹ rặc nầy dĩ nhiên thời trang hơn cái tên cúng cơm Vũ Thị Gái khiến nàng tỏ ra vô cùng hãnh diện. Tên "Mary Chuối" phát xuất từ đó, chứ không ai có ác ý gợi đến gánh hàng rong chuối chiên, chuối nấu của nàng tại ngã ba Ông Tạ ngày nào. Chữ "banana", nguyên là một trong những tiếng lóng[13] mà người Mỹ dành cho dân Á đông : "Chink" và "Nip" vì chúng nhìn bọn da vàng nào cũng thành người Trung Hoa hay Nhật; "Slope" để chỉ chung cho đám mắt xếch; gọi "Guke" để chê bai hạng ngọng nghệu cù lần. Banana là trái chuối màu vàng, lột vỏ trắng tươi, nên gọi là "Banana" nhằm biếm nhẻ thứ da vàng mất gốc đua đòi Mỹ hóa mong lột xác thành trắng. Thấy công khai khinh lờn giỡn mặt mà Mary Chuối vẫn lốc cốc chạy theo, Sue nổi hứng ghẹo đến Mít không ngờ lại bị phản ứng khá mạnh.

Tránh nhắc nhở lại câu chuyện bực mình, Mít hỏi bâng quơ :

- Mưa Texas có nét tương đồng với cơn mưa tầm tã nước mình phải không các chị ?

- Đúng vậy ! thuở ấu thơ mà được mưa to như thế nầy tắm vui biết mấy ! tranh dành được chỗ máng xối, nước đổ ào ào như thác chảy hấp dẫn làm sao ấy !, Thanh lên tiếng.

Thủy góp ý :

- Với em, tiếng mưa rơi là điệp khúc buồn khôn nguôi ! Có lẽ em chịu ảnh hưởng của bà già ! Thấy trời mưa là mẹ rưng rưng nước mắt. Quê ngoại gần xịt, cách có giòng sông Hậu, mà bà cứ than thở "thân phận lấy chồng xa xứ" nhớ nhà, nhớ quê ! Bà thường áo não cất tiếng ru :

Chim đa đa, đậu ở cành đa

Chồng gần không lấy, lại lấy chồng xa

Nhỡ sau cha yếu, mẹ già

Chén cơm, đôi đũa, bộ kỷ trà ai dâng ?

- Có gì lạ đâu ! thuở xưa đường giao thông trắc trở, chỉ có người đàn ông thỉnh thoảng còn đi đó đi đây, chớ người đàn bà luôn luôn an phận lúc thúc trong nhà. Lấy chồng xa, đã bước ra đi thì coi như vĩnh biệt, chẳng có ngày về !, Mít giải thích.

Tuổi càng lớn càng nhớ quê hương "kịch liệt", Bác Tám nghe lóm đám đàn bà tán chuyện thẩm thía nỗi niềm riêng, bùi ngùi chen vào :

- Ơ ! thân phận tị nạn của chúng mình, đàn ông hay đàn bà gì, thì cũng chẳng khác thân phận người đàn bà lấy chồng xa xứ ngày xưa bao nhiêu ? Khi vượt biên là đã đứt đoạn đường về, đâu còn dịp nhìn lại cha mẹ, họ hàng, xóm làng, bè bạn… nữa. Ôi !…

Bác Tám cất giọng lâm ly như sắp vô sáu câu vọng cổ hoài lang, chợt thắng đứng lại, khi thấy nàng Mary Chuối lừng khừng bước đến. Sự hiện diện của nàng Mỹ lai căn nầy quá đỗi lạ lùng, khiến cả bọn ngạc nhiên nghi ngại, nên ai cũng dè dặt lặng yên chờ đợi.

Mary Chuối xề đến ghế trống cạnh Mít, ngập ngừng lên tiếng :

- Em xin phép ngồi đây góp chuyện với các chị nhé !

"Ối giời", Mít thầm nghĩ, "Mụ nầy chịu nói tiếng Việt quả là chuyện động trời ! thảo nào mà mưa gió bão bùng ngoài kia ! Hay là mụ ta định dò thám vụ đụng độ của mình với con Sue chớ gì". Mít hơn khó chịu nhưng vẫn nhỏ nhẹ mời mọc :

- Xin chị cứ tự nhiên !

Trước thái độ lạnh nhạt của mọi người, Mary Chuối khép nép ngồi xuống rồi ngượng ngập mở lời :

- Em có chuyện rối lòng, rất mong được thỉnh ý quý chị !

- Sao không vấn kế các bà Mỹ, nước non chữ nghĩa của họ, họ rành rẽ, chớ bọn nầy khú khờ đâu biết gì !, Thanh mỉa mai.

- Lòng dạ người Mỹ khác người mình mấy chị à ! Họ đâu có thể cảm thông nỗi đau khổ của em ! Số là mấy ngày trước, sau bữa tiệc rộn rịp mừng sanh nhựt thứ mười tám của con gái em, thì nó liền bỏ học, rồi cuốn gói theo thằng bạn trai sống công khai như vợ chồng. Em khuyên răn, năn nỉ, dọa nạt, ngăn cản nó bằng đủ mọi cách đều không hiệu quả, vì nó khăng khăng cho rằng nó đã thành niên nên được tự do định đoạt số phận của nó… Em than thở và nhờ đám bạn Mỹ liệu kế giúp đỡ, mà tụi nó chỉ bàn chuyện ăn trớt gì đâu không hà ! Con Sophia cười hô hố: "Mầy khờ khạo quá ! Nó dọn đi mầy vừa đỡ tốn hao lại được tự do bằng thích mà phàn nàn nỗi gì ! Con tao đúng mười tám tuổi, không ra khỏi nhà tự lo thân thì tao cũng đá đít đuổi đi tức khắc…". Con Wendy bĩu môi chê : "Đầu óc mầy lạc hậu quá, con nít nó cũng có quyền tự do của nó chớ !". Con Laura thì ra giọng dạy đời : "Ôi ! đừng thèm nuôi con nít làm gì ! Tụi nó phá phách, đòi hỏi đủ điều, tốn hao phiền muộn cho chúng rồi chúng cũng phản phé bỏ mình đi mất. Bởi vậy tao khoái nuôi chó với mèo, nó ở mãi với mình, trung thành với mình, mà chẳng tốn kém là bao !…". Các chị cũng có con cái, các chị có kinh nghiệm gì chỉ dẫn em thể thức nhờ Cảnh Sát hay Tòa án đem con em về, chớ để nó sống đói rách với thằng bồ đó em điên mà chết…

Từ lâu, người ngợm Mary Chuối là một hiện tượng quái đảng, một mục nhọt nhức nhối cộng đồng Việt nhỏ bé tại xí nghiệp nầy. Mít thầm khinh khi và xa lánh con người mất gốc đó. Bất ngờ, trong con người tưởng chừng như không còn một chút xíu gì là Việt Nam đó, khi thương con, lo lắng cho con thì cũng tràn trề tình mẹ, như bất cứ người mẹ Việt Nam nào khác. Cảm thông với người mẹ khổ đau, Mít dịu dàng an ủi :

- Chi ạ ! sống ở xứ nầy, chị em mình ai mà chẳng bạc đầu vì con ! Em chỉ có thằng con trai mà cũng điêu đứng nghẹt thở với nó !

Xây qua Thanh và Thủy, Mít tiếp lời :

- Hai chị đều có con gái, đã có kinh nghiệm đầy người, sao không góp ý giúp chị Mary đi !

- Luật lệ nước nầy qui định mười tám tuổi là đã thành niên, tự do chọn nếp sống, nên theo nguyên tắc thì chị không thể ngăn cản con chị ra riêng được. Chị chỉ có phương cách duy nhất là năn nỉ, giải thích cho nó hiểu để nó tự động về nhà mà thôi !, Thanh lên tiếng.

- Ôi ! em đã năn nỉ đủ mọi cách mà nó vẫn cương quyết bỏ học theo thằng đó, hai đứa đi làm bồi bàn sống bữa đói bữa no, thế mới đau xót chớ !

- Theo tôi thì mình phải hướng dẫn, răn dạy chúng từ lúc chúng còn nhỏ kia, chớ đợi đến lúc nầy thì khó lắm !, Thủy góp ý.

- Em cũng muốn dạy bảo chúng nó chớ ! nhưng nói tiếng Việt thì chúng ngẩn ngơ, còn mới sử dụng một câu tiếng Mỹ thì chúng đã ào ào viện dẫn đủ mọi lý lẽ, em không hiểu nỗi thì còn tranh cãi gì với chúng được ! Có một lần bố chúng nổi nóng, vừa dợm cầm roi thì chúng đã chụp điện thoại đe sẽ gọi cảnh sát 911, nên đâu còn dám hó hé gì nữa !

Bác Tám già lại chen vào bàn chuyện với đám đàn bà :

- Thật ra, mình phải thấy cái nguyên nhân sâu xa kìa ! Lũ con cháu chúng mình, phải sử dụng hơn hai phần ba thời giờ, sống trong môi trường Mỹ, học hành, sinh hoạt, tiếp xúc thầy bạn… Mỹ, nên đương nhiên chúng phải tiếp nhận nền văn hóa xứ người; đó là việc không tránh được ! Vấn đề của chúng mình là làm sao vạch rõ chúng thấy văn hóa Việt Nam mình có những điểm cao quý như tình gia đình, lễ nghĩa, hiếu kính… phải gìn giữ, và ngoài ra, tuy cũng cần hội nhập văn hóa xứ người, nhưng phải biết tránh tiêm nhiễm thói hư tật xấu của họ…

Mỗi người nói một câu, tuy không ai trực tiếp giải quyết điều gì, nhưng được mọi người quan tâm chia xẻ nên Mary có lẽ cũng nguôi ngoai nỗi niềm đau. Giờ giải lao chấm dứt, thợ thuyền kéo nhau trở lại cơ xưởng làm việc. Mít đi sát bên Mary, khẽ an ủi :

- Cháu nó đi bụi đời một thời gian, nếm chút đau khổ thì mới biết thương mái ấm gia đình, chừng đó, cháu sẽ quay về với chị, chị đừng buồn lo lắm ! Mà ở xứ nầy, đâu ai coi chuyện trinh tiết là quan trọng ! Chị thương yêu chăm sóc thì cháu sẽ làm hại cuộc đời tốt đẹp chớ chẳng có điều gì nguy hại lắm đâu !

---o0o---

Tan sở ra về, trời tiếp tục mưa to, nhưng Mít vẫn cương quyết lái xe đi xa hằng mươi dặm đến chợ Việt Nam mua vài món gia vị đặc biệt, chuẩn bị những bữa cơm đón đứa con trai học Đại Học Austin, về nhà sum họp trong mấy ngày lễ Tạ Ơn. Suốt ngày làm việc cực nhọc, lại lái xe đường xa, thời tiết cực kỳ nguy hiểm, nên khi về đến nhà Mít đã mệt nhoài. Tuy nhiên, vừa tưởng tượng đến vẻ mặt thích thú của thằng con khi thưởng thức món ăn khoái khẩu, lòng Mít rộn ràng sung sướng, thím tung tăng xách giỏ thực phẩm nặng trĩu vào nhà, tíu tít hỏi han chồng để che dấu nỗi mỏi mệt, rồi

phóng ngay vào bếp, lăng xăng nấu nướng. Mít vẫn trung thành với truyền thống của người mẹ Việt Nam ngàn đời, là luôn luôn gói ghém tình thương ngọt ngào của mình cho chồng con qua việc tận tình chăm sóc những bữa ăn tươm tất. Thằng bé lớn lên xứ người, nhưng Mít vẫn cố gắng dạy con sống theo nề nếp dân Việt, nói tiếng Việt, cũng như tập cho con ghiền thức ăn thuần túy Việt. Ghiền món ăn của mẹ, thì dẫu già đời, đứa con cũng thích quay về nhà, nếm hương vị ngày xưa, chớ không xa lìa biền biệt như con cái xứ người. Chính vì vậy, Mít đã đón con bằng một nồi "mắm sặc và rau", một món ăn quê mùa rẻ rề xứ mình nhưng lại cầu kỳ rắc rối tại xứ người.

Cơm nước chuẩn bị sắp xong vẫn chưa thấy con về, thím Mít bồn chồn trông ngóng. Thím luống cuống hỏi chồng :

- Anh Năm ơi ! Sao đến giờ nầy mà thằng Sơn chưa về ?

- Ơ ! có gì đáng lo lắng đâu ! thời tiết xấu nên nó về trễ một chút vậy thôi !

Mít chợt nghe đau nhói ở ngực, ngột ngạt xuýt khuỵu xuống, khi nghĩ đến điều gỡ có thể xảy đến cho con trên xa lộ hiểm nghèo. Cơn đau của thím vụt tan biến, khi có tiếng chân bước rầm rập, rồi thằng bé phóng vào mang theo niềm vui rộn rịp cho cả nhà. Thằng bé reo vang khi nghe mùi vị mắm quen thuộc. Sơn tíu tít kể chuyện, vừa phụ giúp mẹ dọn bàn. Thế rồi, cha con chồng vợ, sau mấy tháng mới có dịp kề cận bên nhau trò chuyện, vừa thưởng thức bữa cơm gia đình ấm cúng và tràn đầy hạnh phúc. Nhìn cảnh hai cha con tận tình chiếu cố món ăn khoái khẩu, mà người nội trợ mát lòng mát dạ. Cùng ngồi ăn, nhưng thím chỉ nhai và nuốt. Bao nhiêu tâm trí thím đều đổ dồn cho con, thím say sưa thưởng thức con, như một người nghệ sĩ thưởng thức danh tác của họ. Tác phẩm của thím toàn bích, từ dung mạo cho đến tánh tình, từ chuyện học hành đến chuyện chơi đùa… chuyện gì cũng khiến thím hỉ hả hãnh diện trong lòng.

- Má ơi ! má !…, thằng bé đả đớ鳴gọi mẹ.

Mít vẫn thích thú được con nhỏng nhẻo, dẫu cho đến ngày đứa con biến thành cụ già. Thím xây qua bẹo càm con, ngọt ngào lên tiếng :

- Gì đó con trai cưng !

- Ơ ! con Pat nó muốn đến nhà mình chơi ngày mai !

Mít giật nẩy người như đĩa chạm phải vôi. Thím hơi sẵn giọng :

Con Pat nào ? Phải con tóc vàng, miệng rộng… đến nhà chào má một cái, rồi phóng tuốt vào phòng con đóng cửa kín mít phải không ?

Sơn bẻn lẻn :

- Dạ !… con gái xứ nầy mà má. Đứa nào cũng tự nhiên, bạo dạn như vậy cả. Mấy đứa Việt Nam như Lyly, Mimi… đến nhà mình cũng chui vào phòng con kia mà !

Dĩ nhiên Mít dư biết điều đó, nhưng linh tính đàn bà báo cho thím biết nguy cơ ngấm ngầm bắt nguồn từ cô gái Mỹ nầy, nên thím đã phải lưu ý từng chi tiết.

- Ừa ! đến chơi thì đến ! mà việc gì phải xin phép ba má !

- Ơ ! tụi con thương nhau…, tính chuyện thiệt tình, nên nó muốn con giới thiệu ba má…

Viễn ảnh về một cô dâu Mỹ từ lâu vẫn ám ảnh Mít, nhưng thím đâu ngờ thảm trạng ghê gớm đó xảy ra đột ngột đến thế. Sau một thoáng sửng sờ chết lặng, thím run rẩy gắt gỏng hét :

- Má không đồng ý ! không có vụ giới thiệu giới thiết gì hết ! Má không muốn thấy mặt con đó đến nhà nầy !

Thấy thằng bé buồn hiu, xụi lơ… và có lẽ cũng tự biết phản ứng của mình quá quyết liệt, Mít dịu giọng :

- Con còn nhỏ lắm ! nghĩ đến chuyện bồ bịch làm cái gì ?

- Con đâu còn nhỏ nhít nữa. Con đã lớn khôn, đối đáp với người ngoài con đâu có thua sút ai đâu ?

- Ý má là con phải chuyên tâm học hành, chớ bày đặt dính líu tới con gái thì tương lai lỡ dở đi !

- Vậy miễn là con học giỏi thì má cho con tự do luyến ái hén !… Nè, xin má xem bảng kết quả học vấn của con đây ! môn nào con cũng được A cả mà !…

Nhận thấy đứa con vốn ngoan ngoãn vâng lời mình, nay mới dính líu tới đứa con gái Mỹ đã cù cưa đối đáp, Mít giận dỗi hét vang :

- Giao thiệp với ai cũng được ! mà tuyệt đối cấm liên hệ với con đó. Thứ con gái gì trơ trẽn, không chút lễ độ, ưa hổng vô… Mà tại sao đám con gái Việt, con bà Thanh và bà Thủy đứa nào cũng ngoan ngoãn dễ thương sao con không chọn…

- Má kỳ thị người Mỹ ai mà chẳng biết ! Đám bạn con đến nhà : gái Việt thì má vồn vã, gái Mỹ thì má lạnh lùng, má không cho người ta có cơ hội thân thiện thì làm sao đánh giá người ta được !

Tiếng Sơn nói càng lúc càng lớn, lộ vẻ uất ức nhưng không đến nỗi hỗn hào :

- Con nói thiệt, con thương má con nghe lời má mọi chuyện nhưng chuyện yêu đương của con thì con sẽ làm theo ý con. Má không thể ép con được đâu ! Con cưới vợ cho con chớ đâu phải cưới vợ cho má, mà má muốn chọn lựa người đúng theo ý má…

Mít uất ức khổ đau vô hạn, thím không ngờ đứa con mà cả đời thím hi sinh, thương yêu dạy dỗ, nay lại có thể đôi co cãi lý với thím. Trong một thoáng chán chường, thím bỗng có ý nghĩ chết quách cho rồi, hoặc trốn đi biền biệt hay vĩnh viễn từ con, coi như không hề sanh ra nó.

- Sơn con ! - chú Năm bỗng nhiên lên tiếng, giọng chú chậm nhưng nghiêm nghị - dĩ nhiên trong việc hôn nhân, con được tự do chọn lựa người con thương, dù đó là người Việt hay ngoại quốc…

Mít sa sầm nét mặt thầm trách ông chồng lè phè không chịu dạy con, giờ nầy mới lên tiếng thì lại "bắt dàn cho nó leo". Thím phiền ông xã bao nhiêu thì thằng con hí hửng khoái "ông già" bấy nhiêu.

Chú Năm ngọt ngào nói tiếp :

- Tuy nhiên hôn nhân là việc quan trọng, ảnh hưởng đến suốt đời con, nên ba má phải lưu ý một chút, mà nếu má con có quan tâm hơi nhiều, chẳng qua vì bả thương con quá sức, lo sợ con bị lầm lạc đau khổ vậy thôi. Dù sao, ba cũng xác nhận ba má chỉ góp ý, còn con mới chính là người quyết định chuyện hôn nhân của con, con đồng ý không ?

- Dạ !

- Vấn đề trước mắt là chuyện học của con, đó là ưu tiên hàng đầu mà cả đời ba má lo lắng cho con. Năm qua con học khá, nhưng con còn đến ba năm nữa mới ra trường, mà ba không muốn chuyện tình ái ảnh hưởng đến việc học của con. Vậy ba quyết định như thế nầy : Bây giờ con có thể giao thiệp, nhưng không yêu đương sâu đậm, không hứa hẹn, không chung sống…, đợi đến khi ra trường thì con tự do chọn ai kết hôn cũng được, ba má không ngăn cản gì hết… Con đồng ý không?

- Dạ !

Thấy thằng bé tuy đồng ý mà có vẻ gượng gạo, chú Năm tiếp tục thuyết phục :

- Ba biết rằng con tự tin con đủ khôn ngoan để đương đầu đủ mọi vấn đề rồi! Điều đó dĩ nhiên chẳng có gì sai quấy, vì đúng ra, ba còn có thể xác nhận là con khôn và hiểu biết về nước Mỹ hơn ba nhiều. Nhưng chắc con đồng ý với ba điểm nầy : so với năm qua, mức độ khôn ngoan của con năm nay tiến xa vượt bực phải không ?

- Dạ ! quả thật như vậy !

- Đó ! cứ mỗi năm con sẽ khôn hơn một bực, ba năm nữa ra trường rồi, con sẽ khôn ngoan, hiểu biết hơn năm nay nhiều lắm. Chừng đó, con muốn yêu ai, kết hôn với ai, ba má cũng tán đồng tất cả. Chớ bây giờ con lậm tình quá sớm, học hành chễnh mãng, thì làm sao có nghề nghiệp vững chắc nuôi vợ nuôi con. Con có tin chắc rằng con Pat vẫn thương con, nếu con là kẻ vô gia cư, vô nghề nghiệp chăng ?

Ngưng một chút để cho con suy tư, chú Năm mới tiếp tục, giọng nghiêm trang quyết liệt :

- Tóm lại, nếu con thương ba má, biết vâng lời ba má, thì con hãy chấm dứt chuyện yêu đương lẩm cẩm: không hứa hôn, không chung sống… với ai trong lúc nầy. Con hẹn với con Pat ba năm nữa, nếu nó vẫn thương con như bây giờ thì ba rất vui lòng, còn má con dẫu không vui nhưng rồi cũng sẽ chấp nhận tác thành hai đứa…

Tuy không tin chắc đứa con hoàn toàn nghe lời mình, nhưng thấy vẻ mặt nó hòa hoãn, không còn lộ nét bất mãn nữa, chú Năm tạm yên lòng. Chú

nghĩ, chuyện dạy con cần phải uyển chuyển, từ từ giảng giải mới mong thấm sâu, nên chú đổi đề tài sang hướng khác. Chú cười vui vẻ rồi cất tiếng :

- Nè ! con nên nhớ nằm lòng rằng má con là thứ "Mít" chánh cống, tuy sinh sống ở nước ngoài mà lòng dạ, tư tưởng của bả vẫn rặc ròng là "Mít" ! Ơ ! mà con có hiểu rõ ý nghĩa sâu xa của chữ "Mít" chưa ? Chuyện dài dòng xa xưa lắm, thuở mới xâm lăng nước ta người Pháp gán dân Việt là "Ăn nam mít", tiếng lóng gọi tắt là "dân Mít", danh xưng nầy là một sự mạ lỵ, nhắc nhở tủi nhục của thời lệ thuộc Trung Quốc khiến người Việt yêu nước phẫn uất chống đối. Tuy nhiên, sau một thời gian tranh đấu không xóa bỏ được chữ nầy, người xưa nghĩ đến giải pháp là hiên ngang tự nhận mình là dân "Mít" với tất cả niềm tự hào dân tộc. Điều nầy cũng tương tợ như chuyện gần đây, có những người bị gọi xỉ nhục là "ngụy", bèn ưỡn ngực chấp nhận mình là "ngụy" với sự hãnh diện trong lòng. Ông cố ngoại con là nhà nho yêu nước khi bôn ba xứ người cảm thấy thương nhớ gốc mít đậm đà : Mít là dân Việt và cũng là hình dáng quê hương gầy guộc qua gốc xoài, gốc mít. Ông cố ngoại đặt tên má con là Mít chính vì lẽ nầy…

Chú Năm vỗ vai con cười hề hà :

- Nè con ! Ba má đâu thể giữ con trong vòng tay ba má mãi được, rồi đây, có ngày con sẽ xa ba má, như con chim đủ lông đủ cánh vươn mình bay cao. Niềm ước mơ của ba má là mong con giữ chút đạo đức gia phong và đừng bao giờ chối bỏ gốc "mít" của mình, vậy thôi !…

---o0o---

Mít thất vọng chán chường. Bao nhiêu tình thương và tin tưởng thím đặt trọn vào đứa con trai cưng. Thím hi sinh tất cả cho con, dẫu phải tan xương nát thịt để chăm sóc cho con, thím chẳng hề ngần ngại. Ước mơ đơn giản của thím là được gần gũi con cháu, một nhà vui vầy vậy thôi. Thế nhưng coi bộ chuyện đó có vẻ gay go mù mịt lắm ! Ôi dâu Mỹ làm sao thấu hiểu tình gia đình quấn quít, đâu dễ gì cảm thông tình mẫu tử thả lỏng chồng về thăm nom cha mẹ. Con quên mẹ nhưng mẹ làm sao quên con được ! Rủi ro thím nhớ con, lò dò đi thăm nó cũng đâu phải chuyện dễ dàng : con dâu nó dám viện cớ không có hẹn trước, bận rộn, thiếu chuẩn bị… cấm cửa không cho vào nhà thì lại bẽ bàng ! Thím lại nghĩ đến đám cháu nội tương lai mà lo lắng chẳng biết bà nội có quyền bồng ẵm, tưng tiu chăng? Và dù giận con, nghĩ đến chuyện ăn uống của nó thím lại bồn chồn rối rắm : thằng

nhỏ quen được chiều chuộng, chăm sóc…, thế mà sẽ bị đày đọa, cho "dộng" toàn bộ đồ hộp ngán ngẫm thì chịu đời sao thấu ?

Chú Năm ái ngại nhìn dáng dấp thiểu não của vợ, ân cần an ủi :

- Em à ! chuyện đâu còn đó ! rầu rĩ làm gì cho nhọc xác ! …

- Nè em ! thằng con mình tương đối cũng ngoan ! thủng thẳng dạy dỗ rồi nó cũng nghe lời mình mà !

Vỗ về đôi phen, mà mụ vợ vẫn bùng thụng hờn dỗi, chú Năm bèn trổi giọng cười cợt trêu ghẹo :

- Chà ! coi bộ người ta sắp có con dâu Mỹ nên làm tàng quá hén ! Nè ! tui báo cáo cho bà biết : bọn Mỹ yêu cuồng sống vội, đâu đứa nào chịu hẹn hò ! vài tháng chờ đợi là nó đã kiếm thằng khác rồi. Bà dễ dầu gì có được dâu Mỹ đâu mà lộ vẻ đắc chí quá sớm như vậy ?

Té ra ông chồng chỉ dùng kế "hoãn binh" chớ không hùa theo phe với thằng con, hiểu ra. Mít thấm ý tủm tỉm cười :

- Rủi như ba năm nữa, mà con đó vẫn còn thương thằng Sơn thì ông quyết định ra sao ? Mít vẫn còn lo lắng.

- Trường hợp đó hiếm hoi a ! Ơ… mà rủi ro hai đứa nó thương nhau chân tình, ba bốn năm chẳng đổi thay thì cũng đáng khen, thôi thì mình cũng nên tác hợp cho chúng nó.

Đang hớn hở Mít bỗng tiu nghĩu, rồi chắt lưỡi thở than :

- Ôi ! Con cái thời buổi nầy chỉ toàn gây phiền não cho cha mẹ mà thôi !

- Em ạ ! thật ra ở thời đại nào giữa con cái và cha mẹ cũng có những điểm cách biệt. Đòi hỏi của con cái bao giờ cũng bị coi là quá trớn, là nguyên nhân gây khổ đau cho cha mẹ cả ! Uốn tóc quăn, mặc quần trắng, áo eo, quần ống túm ống xòe, mang guốc cao gót… ngày nay là việc bình thường nhưng có thời cũng bị lên án là đua đòi chuyện động trời động đất !… Thôi em ạ ! bỏ qua chuyện thằng nhỏ đi ! Thông cảm nó như ba má đã bao dung, tha thứ biết bao hành động lỗi lầm sai trái của mình ngày xưa. Mình cũng làm cho ba má điêu đứng "y chang" như ngày nay thằng con gây

ra cho mình ! Không nói dông dài, chỉ riêng chuyện chúng mình lẹo tẹo với nhau cũng đã làm cho ổng bả nhức đầu nhức óc lắm rồi !

Chuyện tình của Mít lâm ly, gay cấn từng hồi, Mít ghi nhớ không sót một chi tiết nhỏ. Bà già vốn mơ ước con rể là một giáo sư đạo mạo, hiền lành, lại hiểu rõ xuôi gia… chớ đâu chấp nhận bản mặt "du côn", đi sĩ quan Biệt Động hiểm nghèo như "cái ngữ" đó. Điều éo le là Mít lại mê cái bản mặt "ba gai" ngang tàng của chàng quân nhân Biệt Động, nên nhất quyết sống chết vì tình, dọa bỏ nhà bỏ cửa, bỏ học, tự tử…, để cuối cùng biết không thể khuyên lơn cấm cản được ổng bả đã phải nhượng bộ cô con gái. Từ chuyện nầy dắt dây qua chuyện khác, thím hồi tưởng cả quãng đời niên thiếu, thực sự quán sát mình, để bàng hoàng khám phá rằng mình cũng là đứa con tội lỗi ngập trời, chớ không phải là người con hoàn toàn hiếu thuận, ngoan ngoãn như từ trước đến nay thím từng yên trí.

Ôi ! không biết thời bú mớm Mít đã đày đọa mẹ thế nào, nhưng thời bé thơ còn nhớ được, Mít là đứa con cưng được nuông chiều, nên nhỏng nhẻo và bướng bỉnh ngoại hạng. Đòi hỏi nào của con bé cũng có giá trị như mệnh lệnh để mẹ phải cuống quít hầu hạ. Mẹ mà chậm chạp một chút, thì bé giận dỗi, bỏ ăn bỏ uống cho mẹ phải năn nỉ ỉ ôi. Ăn uống mẹ phải đích thân đút, ngủ mẹ phải ru, phải quạt…, thế mà, bé vẫn thường dẫy nẫy khóc la làm tình làm tội mẹ. Bé yếu đau nhẹ nặng gì cũng có mẹ âu yếm chăm sóc chẳng rời, đã vậy, bé còn cố ý rên to, cho bà cuống cuồng sợ hãi.

Lớn lên, tánh nào tật nấy, mình cũng ham hố ganh đua với bè bạn, đòi hỏi cho được áo quần, giày dép, xe gắn máy thời trang, để cha mẹ phải sói đầu quần quật kiếm tiền cung phụng. Đã vậy, tuổi dậy thì tâm tính biến đổi kỳ hoặc, chợt vui, chợt buồn, chợt lầm lỳ quạu quọ. Nhưng vui là vui với bè bạn, chớ về nhà chỉ biết câu mâu, nhăn nhó, đày ải mẹ, thế mà mẹ vẫn vui vẻ xum xoe bên con để cưng yêu chiều chuộng và cũng để chầm chập kiểm soát giữ gìn. Mẹ kềm kẹp kể ra khá nghiêm nhặt : mẹ cấm đoán giao du, kiểm soát giờ giấc, lục lọi thơ tín, mà lại còn ron ren dò xét cả chuyện kinh nguyệt trồi sụt nữa. Thời đó, Mít bực bội, oán giận bà, lên án bà cổ hủ, vô lý, bất công…, nhưng giờ đây, có con lớn, từng nơm nớp sợ con sa vào băng du đảng, vướng xì ke ma túy, bệnh Aids nan y… Mít mới thấu hiểu được nỗi phập phòng âu lo canh cánh của mẹ đối với đứa con gái thơ ngây hơ hớ trước bẫy rập của cuộc đời. Cũng nhờ nhớ lại tâm trạng mình khi tiễn con đi học đại học xa nhà, đường liên lạc thuận tiện, mà đã đờ đẫn như chết nửa thân người, thì Mít mới hình dung được nỗi đớn đau ruột gan quặn thắt của

mẹ, khi bà phải gượng gạo dối lòng cắn răng khuyên con vượt biên chọn con đường sống.

Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Mít đã học thuộc làu làu câu ca dao từ thuở lên năm, nhưng phải đợi đến hơn bốn mươi tuổi, thực sự nuôi con, thực sự lo lắng đau khổ vì con, thím mới "thực chứng" được tình cha mẹ cao sâu diệu vợi như thế nào.

Ngày xưa, mỗi khi ru con cháu, mẹ thường rưng rưng lệ, thiết tha cất tiếng đong đưa "

à荊 ơ,…

Cha mẹ ơi, sanh con là gái
Biết chừng nào trả ngãi mẹ cha !
Chừng nào cho cá hóa rồng
Đền ơn cha mẹ, ẫm bồng thuở xưa !

Thuở đó, Mít ngạc nhiên chẳng hiểu câu ca dao tầm thường, vần điệu lệch lạc đó đâu có hay ho gì sao lại gây xúc động nơi bà. Té ra, tâm trạng bà như tâm trạng Mít hôm nay. Nuôi con mới thấu rõ được ân nghĩa cao sâu của cha mẹ, để bất chợt khám phá rằng chuyện trả ơn cha mẹ chỉ là chuyện không tưởng xa vời như chuyện cá hóa rồng mà thôi. Và, do đó, thương nhớ cha mẹ ngập tràn mà chỉ biết ngậm ngùi thở than…

Không cất tiếng ru, mà Mít cũng rưng rưng nước mắt, thím thầm thì :

- Ba má ơi ! công ơn củ cha mẹ vô biên không ngần mé, thân con dẫu bâm vằm cũng chưa chuộc nỗi lỗi lầm huống chi viễn vông nghĩ đến chuyện báo đền ân nghĩa. Con chỉ có một ước mơ nhỏ nhoi, mơ một lần gần gũi ba má, được nghe, được nhìn, được rờ… được ấp ủ trong vòng tay gầy gò của ba má như thuở ấu thời. Rồi con sẽ hôn ba má và thưa rằng "Con thương ba má lắm ! ba má ơi !". Thế nhưng ước mơ của con mong manh quá, đời con vô phần bạc phước có lẽ chỉ có thể vô vọng trách than thân phận mình, thân phận kẻ lấy chồng phương xa :

"Than ôi ! cha yếu mẹ già !
Chén cơm đôi đũa, bộ kỷ trà ai dâng !?"

- Vừa nhắc tới ba má thì bà lại "mít ướt"[14] nữa rồi !, chú Năm ái ngại hỏi han vợ.

Sụt sùi một lúc lâu, Mít ngập ngừng cất tiếng :

- Anh Năm à ! có bao giờ cá hóa thành rồng không anh ?

- Chà ! điển tích ngư hóa long tui không mấy rành đa ! Chỉ biết trong thiền viện, chuyện con cá chép lội ngược giòng, vượt qua bậc tam cấp để thành rồng được so sánh như người hành giả lội ngược giòng đời, vượt qua ba ải tham, sân, si… thành bậc chánh đẳng chánh giác. Thành Phật thì cha mẹ đời đời kiếp kiếp cũng cứu độ được, ân nghĩa thâm sâu thế nào cũng đền đáp vẹn toàn phải không em ?

- Ôi ! anh đề cập chi chuyện không tưởng đó ! mình là con người tội lỗi, tham sân si mờ mịt làm sao dám ước mơ thành Phật ?

- Sao bà bi quan như vậy ? Theo lời Phật dạy thì bà là Phật sẽ thành[15] kia mà. Còn nói theo ngôn ngữ bộc trực của chư thiền sư thì bà đã là Phật sờ sờ[16] ra đó, tại bà chưa nhận chân ra được mà thôi !…

Rồi chú cất tiếng ngâm nga :

"Là cá hóa long tự thuở giờ !
Mê mờ nước đục dập dờ nổi trôi !"

---o0o---

NHƯ THẾ MÀ TRÔI

Chú Năm di cư vào Nam từ thuở lên sáu tuổi, nên hình ảnh chốn chôn nhau cắt rún, xã Thư Lang, tỉnh Hà Nam hoàn toàn xa vắng trong ký ức của chú. Trái lại, miền Nam, khắp bốn vùng chiến thuật, nơi nào cũng có vết chân của chú, nơi nào cũng đậm đà giăng mắc bao kỷ niệm khó phai. Do đó, tuy thân thích bên chú không còn ai trong nước, tất cả đều nhanh chân chạy ra nước ngoài trong cơn biến động năm 1975 - chú vẫn nôn nóng đưa vợ trở về thăm lại miền Nam, sau mười tám năm trời xa cách.

Chú Năm bỡ ngỡ bước xuống sân bay, xúc động nghẹn ngào. Có cái gì khô héo, tàn tạ phủ giăng trên phi trường loang lỗ, thành phố lở lói tiêu điều. Có nỗi niềm bâng khuâng, chua xót triền miên đè nặng trên ánh mắt của thân nhân bè bạn… chuyển biến nụ cười gượng gạo của họ thành những cái mếu máo ngỡ ngàng. Hình ảnh Saigon thơ mộng năm xưa mà tháng ngày xa xứ chú vẫn mường tượng, vẽ vời bỗng tả tơi tan biến. Niềm háo hức được nhìn, được thấy quê hương chợt chùn nhụt rã rời. Chú vồn vã hội nhập với phái đoàn đón rước của gia đình bên vợ, nói nói, cười cười không ngừng, mà nỗi niềm khắc khoải thương đau vẫn mang mang vương vấn. Ôi ! Saigon giờ

đây chẳng còn gì để nhớ ! họa chăng chỉ còn tình người, tình đồng bào, tình gia đình tha thiết đậm đà. Chú Năm đón nhận tình họ hàng đó, qua hình ảnh của thím đang rộn ràng chào đón từng người, mừng mừng tủi tủi, nước mắt lưng tròng. Vợ chồng chú được đưa về ngôi nhà người anh vợ tại xóm Cây Quéo, Gia Định. Tại đây, bao nhiêu món ngon quí giá, bao trái cây hấp dẫn đã chuẩn bị sẵn sàng cho khách phương xa, nhưng thím Năm lại thèm những thứ tầm thường như trái cóc, chùm ruột, mắm sặc, mắm còng…, những thứ không ai ngờ tới. Vả chăng, chú thím đâu còn bụng dạ nào để an nhiên thưởng thức, khi phải liên tục trong mấy ngày, bận rộn tiếp đón thân hữu gần xa, viếng thăm nườm nượp. Mỗi người là một bầu tâm sự, mỗi tâm sự là một chuỗi đắng cay não nề. Chú thím xốn xang nhận thấy mớ tiền bạc mang về, phân manh mún ra thành những món quà nhỏ nhoi chẳng thấm tháp gì đối với nhu cầu của họ. Chú thím chỉ biết nhẫn nại lắng nghe kể lể. Lắng nghe với tất cả lòng thành, với tất cả lòng thương yêu san sẻ… để hi vọng nỗi khổ đau trĩu nặng của người đối thoại được vơi chút nào chăng ? Chú thím đã chọn lối phục sức tầm thường giản dị để dễ hòa hợp với mọi người, nhưng vẫn cảm thấy mình kỳ cục chẳng giống ai. Điểm khác đó có lẽ đã phát xuất từ môi trường sống, nên thân nhân bên nhà ai cũng có nét chịu đựng pha lẫn vẻ ngơ ngác, khô cằn. Ngay như anh Hai, gia đình có con ở nước ngoài chu cấp, không phải bương chải ngày đêm tìm sống, mà con người bặt thiệp, hiếu động trước kia đã trở nên lầm cầm, rụt rè, sợ sệt bâng quơ. Lắng nghe và quán sát từng người để thấy tình thương tràn ngập, chú thím lại bồi hồi tự trách mình, đã ung dung sống trong lãng quên nơi xứ người, mà làm ngơ, bưng tai, bịt mắt trước những niềm đau tại quê nhà…

Bốn ngày sau, anh Hai thuê được chiếc xe "lô" đưa vợ chồng cô em về Bình Điền viếng thăm mộ song thân. Xe đi trên quốc lộ số 4 giữa những cánh ruộng đồng rồi tẽ vào con đường làng lồi lõm đưa về chốn cũ. Chú thím say mê ngắm nhìn lại hình ảnh quen thuộc ngày xưa, với tất cả lòng thương nhớ ấp ủ bao năm xứ người. Những mái nhà lá tiều tụy, đồng lúa hàng hàng lớp lớp, rặng dừa lêu nghêu, buồng chuối mập ú, ao bông súng lơ thơ, … cho đến bụi mắc cỡ, vầng chầu, cỏ may, cỏ cú hoang dại, tất cả đều hiển hiện thành những bài thơ mộc mạc, giản dị mà đậm đà tình nước. Thím Năm lặng lẽ nhìn vào khu vườn cây ăn trái và ngôi nhà ngói của cha mẹ ngày xưa, nay do người ngoài chiếm giữ. Thím thầm nhủ : "Ai chiếm cũng được, không bỏ hoang là quí rồi". Thím không mảy may phiền giận, tiếc rẻ, nếu tiếc chẳng qua chỉ ước mơ được đứng tựa vào gốc mận, vú sữa…, những cây mà thuở ấu thời thím leo trèo hà rầm trên đó. Phần mộ gia đình tuy phải thu hẹp nhưng may mắn không bị xâm phạm. Thím Năm quét dọn, dẫy cỏ, rồi đốt nhang, đảnh lễ từng ngôi mộ ông bà, cha mẹ. Thím vẹt giây nhãn lồng mọc

lang qua nền xi măng, chợt khám phá một trái con con vừa "hườm", vội ngắt bỏ vào miệng. Vị cũng chua chua ngọt ngọt, nhưng cái hương vị tuyệt vời mà thuở lên năm thím nếm, để rồi mường tượng nhớ nhung cả đời không còn nữa. Tất cả đều tan biến, đều qua đi, thì làm sao thím có thể tìm lại được vòng tay ấp ủ tình thương của mẹ ngày trước. Thím trầm ngâm thật lâu bên mộ mẹ, nghẹn ngào tủi phận mình bất hiếu không ở cạnh bà trong phút lâm chung. Mẹ ra đi trơ trọi bên cạnh con trai và dâu, dẫu bà rất hả dạ về hoàn cảnh đó nên đã yên tâm nhắm mắt nhẹ nhàng sau khi đón nhận tin đám cháu nội cưng đã an toàn trên đường vượt biên hiểm nghèo.

Xa trở về Gia Định. Chú thím Năm yêu cầu được "thả" tại chợ Bà Chiểu, để hai người có thể tự do tung tăng trên đoạn đường phố quen thuộc. Thím rẽ về ngõ hẻm xéo rạp Cao đồng hưng tìm lại tổ ấm hai vợ chồng ngày trước, hi vọng nhìn lại cây mận hồng đào mà thím đã đích thân lấy giống từ ngã ba Trung Lương về trồng. Đầu hẻm là quán cà phê "ôm" mới mọc, cạnh đó là xửng lẩu đồ lòng, gánh chè, rổ chuối nấu… Con bé chuối nấu gầy gò, đói rách quá gợi thím hình ảnh trơ xương của trẻ con Ethiopia và Somalia thường chiếu trên màn ảnh truyền hình, khiếm thím sửng sờ đau nhói cả tim. Thím nhét vội cho em mớ tiền rồi níu tay chồng quày quã trở ra. Thím không còn nhu cầu nhìn lại tổ ấm, và cây mận nữa. Những mất mát của thím, dầu là thứ kỷ niệm vô giá, đều nhỏ nhoi vô nghĩa so sánh với những mất mát của người khác, những mất mát của "tuổi nhãn lồng" hồn nhiên thơ dại.

Lửng thửng trở về hướng Lãng Ông, không hội ý mà hai vợ chồng đồng rảo bước về tiệm cơm ngang Tòa Hành Chánh, nơi một thời là điểm hò hẹn của cặp tình nhân. Vào quán, trong khi chờ đợi món ăn, thím nhận thấy mươi người ăn xin lố nhố bên ngoài, phần lớn là trẻ em đang hau háu nhìn thực khách ăn xong, để nhào vô sớt miếng ăn thừa, trước sự đuổi xô hung hăng của những người bán quán. Cảnh tượng đó khiến lòng thím nao nao, nhớ lại quãng đời bất hạnh của mình thuở trước. Năm xưa đó, thân phụ thím tham gia vụ trí thức Caravelle rồi lâm cảnh tù tội, nhà cửa bị tịch thâu. Mẹ con bơ vơ về nương náu tại một chái lá, che bên vỉa hè nhà người bà con xa tại một hẻm lầy lội sát chợ Vườn Chuối, đường Phan Đình Phùng, Saigon. Mẹ suốt ngày bận bịu thăm nuôi và dò la chạy chọt tìm phương giải cứu chồng, bỏ mặc con bé Mít lang thang nô đùa với đám trẻ con bụi đời ở đầu đường xó chợ. Trong đám trẻ đó, Mít thân thiết với "thằng Bắc kỳ", thằng bé danh lợi, nói giọng Bắc, sáng dẫn bà già mù đi lòng vòng ăn xin tại chợ, tối ngủ lây lất trên các sạp. Xế chiều, chợ tan dần, thằng Bắc kỳ rảnh rang tìm đám con gái trong xóm rủ rê chơi các trò nhảy giây, đánh đũa, cò cò… Điều lạ, là hắn rất

giỏi các trò chơi con gái. Nhảy cò cò thì hắn ác ôn cất nhà liên tiếp cho thiên hạ phải phóng xa trối chết. Mít không nhảy nổi, phụng phịu thì hắn xẻ cho một "cái chái", rồi dỗ dành : "Ơ hay ! sao lại hờn mát rồi ! tớ cất nhà thì cũng dành cho đằng ấy ở chung kia mà !". Chỉ một thời gian ngắn, thân phụ thím được phóng thích, tài sản phục hồi, và do đó hoàn cảnh cơ cực của gia đình thím sớm chấm dứt. Dù vậy, kỷ niệm tháng ngày bụi đời đó không bao giờ phai nhạt trong tâm khảm thím. Thím luôn luôn giữ tình thương đặc biệt, lân mẫn với những kẻ khốn cùng, và sau nầy, gặp gỡ chú, "cảm" chú như bị tiếng sét ái tình, có lẽ vì chú đã có đôi mắt láu lĩnh của thằng bé Bắc kỳ năm xưa. Mê miết thả hồn về dĩ vãng, thím mới ăn được một góc nhỏ dĩa cơm tấm bì, thì chú đã vét sạch sành sanh phần chú rồi. Một thằng bé ăn xin chờn vờn chờ chú buông đũa thì a vào chuẩn bị sớt cơm thừa, khiến người bồi bàn hét vang :

- Để yên cho khách ăn uống mầy ! Láng cháng tao đá cho dập mật bi giờ !

Miếng cơm đang nuốt bỗng nghẹn ngang, thím lên tiếng can thiệp :

- Tôi ăn xong rồi !

Ngoắc thằng bé vào, đưa dĩa cơm của mình cho nó, thím dịu dàng tiếp lời :

- Ngồi đây ăn dĩa cơm nầy đi cháu !

Thằng bé thoạt ngần ngại, lấm lét ngước mặt nhìn thím Năm dò xem phản ứng thế nào, rồi mới rụt rè nhích tới, vồ lấy dĩa cơm lùa nuốt ngấu nghiến ngon lành. Đang ăn ngon trớn bỗng thằng bé ngưng ngang, rồi cẩn thận sớt phần cơm còn lại vào một túi ny lông bẩn thỉu đã có chút đỉnh cơm thừa cá cặn xà bần trong đó.

Thím Năm sốt ruột ngăn cản :

- Nè cháu ! cứ từ từ mà ăn ! dì chờ cháu ăn xong mới đi, không ai đuổi xô cháu đâu !

Dạ ! con ăn xong rồi ! phần nầy con đem về cho em của con !

Cảm thấy đôi mắt cay cay, thím mang vội cặp kiếng mát che đậy, nhét cho thằng bé mớ tiền, căn dặn nho nhỏ :

- Con mang tiền nầy về cho má mua gạo !

Thím Năm thờ thẩn ra về, nhưng vừa ra khỏi cửa liền bị vây quanh bởi hơn mười người ăn mày xòe tay van xin rên rỉ. Chẳng chút đắn đo, thím Năm ưu ái mở ví trao tặng tiền cho những kẻ khốn cùng thật rộng rãi. Điểm bất ngờ là số lượng người ăn xin cứ tăng lên mãi. Kẻ may mắn thông báo người đồng cảnh ngộ tìm đến, và có người nhận tiền rồi lại bôi mặt quanh lại mong kiếm chác đợt hai. Do đó, dù đã chuẩn bị mang theo số tiền khá to, cuối cùng thím Năm cũng nhẵn túi.

- Tôi hết tiền mang theo rồi ! hẹn dịp khác nghen ! thím Năm lúng túng giải thích và cũng chìa cái bốp trống không ra để minh chứng.

Thế nhưng coi bộ không ai tin tưởng thím, người ta vẫn tiếp tục xòe tay van nài than thỉ, khiến thím bối rối chẳng biết xoay trở cách nào. Đến khi biết chắc chẳng còn chút hi vọng gì, tiếng rên rỉ van xin bỗng biến thành tiếng xỉa xói chửi thề. Có kẻ còn hung hăng níu cả tay thím Năm dục dặc đòi tiền, kẻ quơ tay múa chân làm dữ, khiến thím hốt hoảng mặt mũi xanh xao, cơ hồ sắp ngã xỉu.

Chú Năm chứng kiến cảnh vợ bị xô đẩy dằn kéo không chịu đựng lâu hơn nữa. Máu "du côn" của chú nổi dậy, chú hét lên một tiếng, vẹt đám người ăn xin qua bên, lôi vợ đi một bước.

Lên xe về tới xóm Cây Quéo rồi mà mặt mày thím vẫn ủ rủ khiến chú Năm xốn xang, cất tiếng vỗ về.

- Em à ! bỏ qua chuyện hồi nãy đi em ! buồn giận những kẻ bất hạnh đó làm chi cho nhọc xác vậy em !

- Không ! em chẳng buồn phiền hờn giận họ đâu ! Những người khốn khổ đó trọn đời đã phải hứng chịu bao nỗi bất công, bị khinh khi, chửi mắng…; họ thường bị lường gạt, nghe hứa "cụi" hoài nên mất niềm tin… vậy nếu họ thô lỗ cũng đáng thương hơn đáng trách. Em buồn vì khả năng mình hạn hẹp không giúp đỡ họ nhiều hơn mà thôi !

- Khó thật là khó ! nhưng em nghĩ còn điểm khác khó hơn là phương thức bố thí phải làm sao cho người nhận cảm thấy được niềm an ủi và tình thương chân thật ngập tràn. Chớ xem ra dường như em đã không an ủi gì họ ! họ túng cùng thì phải nhận tiền, nhưng lòng họ chắc khổ đau khó chịu vô cùng, họ vừa cảm thấy tự ái thương tổn, vừa tủi thân, ganh tị… với kẻ may mắn hơn họ, và như vậy thì kết quả hành động của em rất đáng nghi ngờ !

- Chính vì vậy nên Phật giáo mình chủ trương tứ nhiếp pháp. Bố thí phải được thi hành kèm với ái ngữ, lợi hành và đồng sự thì tình thương mới đủ chất liệu ngọt ngào, xoa dịu được niềm đau của kẻ khác ! Ngày xưa, quốc sư Đại Đăng[17], đang được vua và toàn dân sủng ái cung kính cúng dường, mà bỗng bỏ đi làm kẻ ăn mày sống lam lủ dưới gầm cầu, thực sự chung đụng với giới ăn mày để cảm hóa họ, sự bố thí của người mới thật là toàn vẹn…

- Ôi ! chỉ có bậc bồ tát hành hạnh từ bi mới có đủ dõng mãnh để làm việc phi thường, chớ tuy tu sĩ nào cũng tự coi mình là khất sĩ, nhưng khất sĩ theo kiểu nhận cúng dường thì dễ, chớ dám đi ăn xin để gánh chịu sự khổ nhục, khinh khi rẻ rúng của người đời thì mấy ai làm nỗi !

- Ở nước mình cũng có những tu sĩ hành hạnh nguyện đó. Gần nhất, vào thời chúa Nguyễn, có "ông ba bị"[18], là vị khất sĩ vô danh đi ăn xin thực sự, người luôn luôn mang ba bị : một bị đựng đồ chay để Ngài dùng, một bị đựng đồ mặn để chia cho bè bạn ăn xin khác và một bị lớn để treo trên mái đình mà ngồi ngủ; do đó Ngài còn được người đời tôn xưng là Trung Đình hòa thượng. Ngài sống lang thang lây lất đầu đường xó chợ, đầu bù tóc rối, quần áo không có phải đóng khố che thân, nhơ nhớp hôi hám, đến nỗi người đời ghê tởm mượn bí danh "ông ba bị" để dọa nạt trẻ con… Còn xưa hơn nữa, vào cuối đời nhà Trần có vị tu sĩ khác, cũng hòa mình chung sống với những kẻ ăn mày để tu dưỡng thân tâm và cũng để cảm hóa họ nữa…

---o0o---

Từ gác chuông, chùa Vân Yên, núi Yên Tử, sư Trí Lâm bâng khuâng nhìn xuống cánh đồng mênh mông trải dài tận chân trời rồi ngâm nga hai câu thơ của thi hào Tô Đông Pha :

"Ca sa vị trước hiềm đa sự

Trước dĩ ca sa, sự cánh đa !"[19]

Sư tấm tắc cảm phục người xưa, tuy không xuất gia mà có thể thấu rõ những bí ẩn nghịch thường tại tự viện, điều mà chỉ riêng giới tu sĩ mới thấm thía khám phá. Sư thở dài tự hỏi lòng mình, không hiểu mình còn gượng gạo bám víu vô vọng vào nếp sống đa sự nầy mãi đến bao giờ ?

Sư lăn lóc bon chen chốn quan trường đã chán ngắt cảnh xâu xé tranh dành mùi danh lợi tanh hôi, những tưởng nương cửa Phật cho tâm hồn thanh tịnh, ngờ đâu khi chánh thức xuất gia sư lại khám phá rằng nơi nầy cũng đa sự

chẳng kém chốn trần tục là bao. Sư tục danh Phạm Ngũ Thư, người làng Phù Ủng, Hải Dương là cháu ba đời của tướng Phạm Ngũ Lão, bậc đại công thần tài kiêm văn võ tiền triều. Thân phụ Thư mất sớm, nhưng người đã gởi gấm con côi cho bạn đồng liêu là Thái Bảo Trần Nguyên Hảng nâng đỡ. Nhờ vậy, mới vừa tròn hai mươi tuổi, đỗ kỳ thi hội, Thư đã được thụ bổ làm Lĩnh úy[20], huyện Mỹ Đức, Hà Đông, rồi chỉ trong vòng ba năm, đã được thăng chức chánh An phủ sứ[21], trấn Thiên Hưng. Vị phụ tá của Thư, Ngô Văn Liễu, tuổi hơn tứ tuần, cả đời lận đận học hành thi cử, tận tụy theo đuổi công danh mà chỉ mới được thăng chức phó An phủ sứ, thường bày tỏ lòng khâm phục thanh thế của Thư và thiết tha mong Thư nâng đỡ, giới thiệu mình gần gũi chư đại quan tại chốn kinh sư, hầu dễ thăng quan tiến chức. Thời bấy giờ, vua Trần Nghệ Tông mù quáng tin yêu Hồ Quí Ly, nghe lời dèm siểm của y mà giết hại và xa lánh trung thần. Do đó. Hồ Quí Ly ngày càng lộng quyền, công khai gài kẻ thân cận giữ các chức vụ có quyền lực để mưu sự thoán đoạt mà chẳng úy kỵ gì cả. Bản chất cương trực và trung thành, dĩ nhiên, Thư oán ghét hành vi của Hồ Quí Ly và hằng nôn nóng mong các bậc trung thần tại kinh đô ra tay trừ khử kẻ gian manh. Thư thường mang tâm sự mình giải bày cho viên phụ tá, và được người nầy nhiệt liệt tán dương coi như kẻ đồng tâm đồng chí. Trái với niềm ước mơ của Thư, Thái Bảo Trần Nguyên Hảng, Thượng tướng quân Trần Khát Chân, mới vừa liên kết được một số trung thần âm mưu khôi phục uy quyền vua Trần thì công việc bị bại lộ. Hồ Quí Ly liền ra tay tàn sát nhóm trung thần, kể cả đàn bà, trẻ con…, số người bị giết lên đến 370 mạng người. Vừa khổ đau đón nhận tin dữ. Thư đã điên đầu với tình trạng nội bộ bất thường. Viên phụ tá Ngô Văn Liễu, xưa nay vốn tùng phục, nịnh bợ Thư… bỗng trở chứng ngang ngạnh lấn áp kẻ chỉ huy. Hắn hiu hiu đắc chí bật mí là đã móc nối được phe cánh họ Hồ, và bóng gió dọa nạt sẽ thẳng tay trừng trị những kẻ dại khờ không biết xoay sở theo thời thế. Thư hiểu địa vị mình đã lung lay, ngay mạng sống cũng khó bảo toàn, vì chắc chắn tên thuộc hạ phản trắc đã báo cáo cho đám Hồ Quí Ly thái độ bất mãn của chàng. Sau mấy ngày ăn ngủ không yên, Thư quyết định viện cớ bịnh tim di truyền, để xin từ quan dưỡng bịnh. Thỉnh nguyện của Thư được nhanh chóng chuẩn chấp, và không ngoài sự tiên liệu của chàng, tên Ngô Văn Liễu được thăng chức chánh An phủ sứ. Thư rời quan trường âm thầm không kèn không trống, bên mình chỉ có tên gia nhân trung thành lủi thủi quảy túi đồ quí giá theo sau. Trĩu nặng lòng tận trung với Vua, Thư đắn đo suy nghĩ những phương kế nhằm phục hưng cơ nghiệp nhà Trần, mà mãi chưa tìm được đáp số thỏa đáng. Bước đầu là phải tổ chức và kết hợp, nhưng mấy ai là kẻ có lòng ? Thư ngổn ngang suy tính, rồi vô tình lần về huyện Mỹ Đức, Hà Đông, địa phương chàng trấn nhậm đầu tiên, từng thi ân bố đức cho bao người, để dọ xét dân tình. Từ bến Vân Đình, Thư xuôi đò về

bến Đục, đoạn đổi đò ở bến Suối để viếng thăm chùa Long Vân, ngôi chùa xinh xắn cạnh giòng suối, nổi tiếng với động thạch nhủ óng ánh màu sắc tuyệt vời. Thuở ấy, Thư yểm trợ việc trùng tu ngôi chùa đắc lực, được hòa thượng Hoằng Khai thương quí đặc biệt. Sư thường cầm giữ chàng ở lại để thọ trai, uống trà đàm đạo tương đắc. Lòng dạ đang rối ren, Thư định thỉnh ý thầy về giải pháp cứu nước, vừa mong được gần gũi vị thầy đạo cao đức trọng để an hưởng lần nữa giờ phút thanh thản như ngày xưa ấy… Người thị giả vẫn nhớ mặt vị huyện quan ngày trước, reo vang chào đón rồi hấp tấp chạy biến vào phòng hòa thượng để thông báo. Bỗng y trở ra, khép kín cửa liêu phòng, rồi bẻn lẻn lên tiếng :

- Xin lỗi thượng quan ! hòa thượng con đang bận tiếp chuyện với khách quí ! Xin thượng quan hoan hỉ chờ một lúc !

Dĩ nhiên là Thư rất hoan hỉ, nhưng sự hoan hỉ của chàng đã tan biến hết cả rồi mà vẫn chẳng thấy hòa thượng mở cửa tiếp đón. Thư hối thúc chú tiểu mấy lần thì chú lại trốn biệt. Thư tức tối điên người, thắc mắc chẳng biết khách quí là nhân vật tối quan trọng như thế nào, nên bực bội mà gắng gượng nhẫn nại chờ xem khách lạ là ai. Chờ đợi cả giờ, bụng dạ đói meo, Thư mới thấy cửa liêu phòng rộng mở. Bất ngờ kẻ bước ra lại là tên lý trưởng làng Yến Vỹ, viên xã quan nầy vốn là tên lính hầu cận của chàng ngày xưa, hắn cúc cung phục vụ nên được chàng thương yêu nâng đỡ cho làm lý trưởng. Thư vẫn yên chí hắn là "tên đệ tử suốt đời trung thành" sẵn sàng sống chết với mình, nên dự tính sẽ liên lạc với hắn… Tình cờ gặp nhau tại chùa, Thư vừa chớm mừng rỡ, chợt sượng sùng ngay khi thấy người thuộc hạ xưa lại vênh váo ngoảnh mặt làm ngơ như người xa lạ. Thư thất vọng não nề trước sự thật quá ư phũ phàng đó ! chàng buồn cho tình đời đen bạc vừa khám phá rằng việc dấn thân đi kết nạp kẻ đồng chí hướng chỉ việc không tưởng xa rời. Giờ đây, quê nội chàng tại Hải Dương, cũng như bất cứ quê quán nào của các bậc công thần xưa, có lẽ đều bị bọn tai sai họ Hồ kềm kẹp. Chúng cũng theo dõi chàng từng bước, dò dẫm, dọa nạt những kẻ quen biết xưa để không ai chứa chấp chàng. Ôi ! tìm đâu ra chốn dung thân bây giờ ? Suy cùng nghĩ cạn, Thư dặn dò người gia nhân mang tín vật, tài sản của chàng về Hải Dương cho mẹ, biên thơ vắn tắt cho bà biết mình sẽ ẩn tu lánh nạn và khuyên bà cũng nên về quê ngoại sinh sống qua ngày.

Thế rồi, Thư giả trang thành kẻ thư sinh tầm thường, len lỏi về huyện Yên Hưng, Quảng Yên leo lên đỉnh núi Yên Tử, tìm đến chùa Vân Yên, yết kiến Vô Trước quốc sư thuật rõ chuyện mình và thỉnh cầu xuất gia đầu Phật. Thư biết rõ sư cụ là đệ tử đời thứ sáu của phái Trúc Lâm[22], một phái thiền liên hệ

với tiền triều, nên chẳng hề dấu diếm tâm tư hoài bảo của mình. Thế nhưng, tuy sư cụ tiếp đãi Thư ân cần, hứa cho chàng nương náu, mà lại rất do dự về ý định xuất gia của chàng. Thư năn nỉ vặn hỏi mãi mới được giải thích :

- Con ạ ! truyền thống Yên Tử chỉ nhận kẻ xuất gia vì lý tưởng, tu hành giải thoát để cứu độ chúng sanh, chớ không nhận kẻ xuất gia vì "chán ngàn tình đời". Kẻ chán đời vào chùa sẽ khám phá rằng nếp sống của chùa chẳng gì hấp dẫn, để rồi họ sẽ tiếc rẻ mơ tưởng lộn về đời sống thế tục mà thôi. Ngoài ra, kẻ đã từng đỗ đạt, từng có địa vị cao…, tuy có lợi điểm là học hỏi kinh luận nhanh chóng, mà chướng ngại cũng vô cùng. Họ quen được trọng vọng đề cao nên ngã chấp to, đức nhẫn nhục kém. Họ lại khư khư ôm ấp bám chặt vào ngôn ngữ, văn tự, thành kiến hay dựa lề lối suy tư khuôn mẫu cứng ngắt thì khó mà đón nhận được suối nguồn sống động của đạo pháp…

Lãnh hội thâm ý sư cụ, Thư suy tư nhiều ngày nhưng cuối cùng cương quyết giữ vững ý hướng xuất gia. Lần nầy, chàng phát nguyện dấn thân cho lý tưởng đạo pháp và đồng thời cũng nguyện xin được "huấn nhục", chấp nhận chịu đựng những thử thách nhằm phá vỡ chấp kiến thủ kiên cố của hạng trí thức khoa bảng…

Thỉnh nguyện của chàng, lần nầy mới được thầy vui vẻ chấp nhận. Thế rồi, buổi lễ thí phát giản dị mà trang nghiêm được sớm tổ chức. Thư quì xuống lắng nghe thầy ban đạo từ, truyền giới, rồi thầy cũng đích thân cạo mái tóc trần tục của chàng, và ban cho chàng pháp danh Trí Lâm. Trong giây phút đó, Thư cảm giác như mình đã trút bỏ được bộ áo quan lại phiền toái, dứt khoát với danh lợi, thương yêu, thù hận… của thế tục, để biến thành con người mới, trong trắng, tinh nguyên,… dõng mãnh tiến bước trên con đường tầm đạo giải thoát. Niềm hoan hỉ tràn ngập, tâm bồ đề cao ngất, người tu sĩ sơ cơ thành khẩn phát bổn lời đại nguyện :

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành…

Lễ xuất gia vừa chấm dứt thì niềm xúc cảm lâng lâng của người tu sĩ tập sự cũng hao mòn nhanh chóng khi phải đối diện với nếp sống tu tập thực sự tại chùa. Từ uy thế thượng khách của sư cụ viện chủ, thân mật tiếp xúc đàm

đạo, ăn uống chung mâm với người, bỗng tuột xuống thành chú sa di tập tễnh tu, địa vị thấp nhất trong chúng, nên dù đã chuẩn bị tinh thần, và được đại chúng hoan hỉ tiếp nhận, chàng cũng cảm thấy chới với ngỡ ngàng. Vả chăng, từ bé đến nay, chàng quen "chỉ tay năm ngón" ra lệnh cho người hầu hạ, chớ chưa hề lâm vào hoàn cảnh bị những kẻ kém cỏi hơn chỉ dẫn, sai bảo đâu ? Chàng khao khát học giáo lý thượng thặng Phật giáo thì không được sở nguyện, trong khi chàng ngượng ngập vụng về tay chân thì cứ bị buộc chấp tác những thứ vặt vãnh tầm thường ! Đã bối rối về việc tu học trì trệ, chấp tác trơ trẽn vô tích sự, chàng lại điên đầu với nhóm đại chúng xô bồ đa sự nữa. Đại chúng mỗi người mỗi vẻ, kẻ thô lỗ cộc cằn, người khờ khạo chậm lụt, lại cũng có hạng ba hoa chích chòe… mà chẳng ai có thể hạp nhãn chàng. Hai bà già công quả bếp núc, thuộc thứ già sanh tật, lầm bầm, cau có suốt ngày. Điển hình nhứt là anh chàng chuyên cóp chép, xào nấu thơ xưa làm của mình để khoe khoang khoác lác. Ông khác chuyên thêu dệt chuyện trời ơi, đất hởi ! Còn cái ông "lang băm thuốc xổ" mới đặc biệt. Ông đắc ý một điểm giáo lý mới học, thế là gặp ai ông cũng bám riết để thuyết pháp, nhất định phải nhét vào lỗ tai người, bất kể người đối thoại muốn nghe hay không ? Tuy học đòi làm y vương, nhưng ông là thứ lang băm chuyên xài thuốc xổ để trị bá bệnh. Gặp ai ông cũng đè bắt uống hết, nên đại chúng thấy ông ai cũng tránh xa để khỏi mang họa lỗ tai… Đại chúng đã xô bồ, mà những vị đại sư huynh được thầy tín cẩn giao trách nhiệm điều hành tự viện cũng không khá ! Thầy giáo thọ đạo mạo mà thâm hiểm, âm thầm dìm những kẻ có khả năng. Thầy tri sự sân si gây gỗ suốt ngày. Thầy tri khách cười nói ngọt ngào, mà thiếu chân thật… Tóm lại, chàng chẳng cảm tình được với ai, mà có lẽ cũng không mấy ai mến chàng. Trong chùa, ngoài sư phụ, Trí Lâm chỉ ưa được sư muội Trí Duyên. Sư muội khởi tu tại ni viện Hổ Sơn, gặp việc bất như ý trong chúng, nên thỉnh cầu sư phụ cho về tu tại Vân Yên, hầu tiếp tay với bà Bảy, bà Năm lo việc ẩm thực tại đây. Sư cô từng bị hất hủi tại ni viện, nên đối xử với kẻ khoa bản trí thức bất đắc chí như Trí Lâm, sư cô có phần cảm thông, nhờ vậy chàng cũng còn có chỗ an ủi trong lòng.

Ban ngày bất như ý, đến đêm chàng lại bị những giấc chiêm bao hành hạ. Chàng thường thấy mình, trong tư cách quan lại cũ, đang bùng nổ ra uy với đám huynh đệ trong tự viện hoặc đang say sưa rượu thịt linh đình, thì tỉnh dậy. Chàng nghĩ có lẽ những ẩn ức ban ngày mà chàng dụng công đè nén - bất mãn huynh đệ và chán ngán chai lạt, đã tự tìm cách thoát ra ngoài bằng mộng mị, nên vẫn âm thầm xấu hổ. Tuy nhiên, giấc mộng ám ảnh chàng không nguôi là cảnh chàng thấy mình trong vai một công tử mê mệt cô gái thanh lâu xinh đẹp. Chàng quyến rủ người đẹp theo mình, khiến mấy gã đã

ứng tiền thuê bao nàng bực bội đòi tiền lại. Tức giận, chàng hạ lệnh cho thuộc hạ đập mấy tên vỡ mặt, một tên què chân… để trừng trị. Thức giấc, nhớ lại từng chi tiết nhỏ, chàng bối rối về hình dạng giống nhau kỳ lạ giữa người trong mộng và sư cô Trí Duyên. Chàng tuy có cảm tình với sư cô nhưng nào có tư tưởng dâm đảng tồi bại đâu, mà giấc mơ quái gở đó lại xuất hiện ?

Tình trạng thường trực bất an dai dẳng chỉ vơi nhẹ khi Trí Lâm, vận động với thầy tri sự để được đi chăn bò với chú Trí Lạc. Chú Trí Lạc sinh trưởng trong một gia đình nông dân nghèo, quen cực khổ nên một mình đã thừa sức đảm trách tất cả mọi việc liên quan đến bầy bò. Chàng đi theo "hụ hợ" lấy lệ mà ung dung tiêu hao ngày tháng. Bù lại, chàng cũng tận tình hướng dẫn sư đệ học đọc và viết những phẩm kinh nhật tụng thông thường, ngoài ra, thỉnh thoảng lại kể cho sư đệ nghe những mẫu truyện hấp dẫn của Trung Hoa như Tam Quốc, Đông Châu Liệt Quốc, Tây Du… Trí Lạc bội phục sư huynh học rộng tài cao, còn vị sư huynh cũng tìm được người để phô trương sở học bao la dồn chứa đầy nhóc trong đầu. Dó đó, tuy tuổi tác chênh lệch, gốc gác cách biệt mà huynh đệ rất hòa hợp nhau. Thời giờ chăn bò hóa ra là những giờ phút nhàn nhã và thoải mái nhất trong nếp sống tu tập của Trí Lâm. Đến giờ ngọ, chú Trí Lạc chạy nhanh về chùa mang cơm ra để anh em thong dong ăn uống dưới bóng tùng râm mát. Chú dễ thương, nên sư cô Trí Duyên thường "dúi" cho chú thêm vài trái chuối, bánh, kẹo… để làm quà, và đặc biệt hôm nay, chú lại lo le hai củ khoai lang sống. Thế là hai anh em rộn ràng quơ quào cành cây, lá khô để đốt lửa bừng lên, đoạn vùi khoai dưới lớp tro đầy cho đến khi vỏ khoai cháy thành than. Hai anh em lụp chụp khều củ khoai đen đúa ra thanh toán ngay tức khắc, ăn khoai "lùi tro" phải ăn khi "nóng hổi, vừa thổi vừa ăn" thì mới thưởng thức trọn vẹn hương vị thơm tho, dịu ngọt của nó. Sư đệ háo ăn thế nào mà để trên mép chút khoai trắng trắng, còn mặt mũi thì vằn vện lọ nghẹ như một chú hề con, khiến Trí Lâm buộc miệng cười vang rền. Trí Lạc không biết gì cũng ngô nghê rộn rã "cười hùn", rồi chú mang mặt lem luốc hề chạy tìm đàn bò đang tản mát đây đó. Trí Lâm leo xuống suối rửa mặt. Tự ngắm dung nhan mình ảnh hiện trên mặt nước bất chợt chàng cảm thấy ngượng ngùng. Mặt chàng cũng hề, cũng tèm lem lọ nghe như chú Trí Lạc có khác gì đâu, vậy mà chàng cứ tưởng mặt mày mình sạch sẽ nên mới cười chê chú. Trí Lâm bỗng nhiên tưởng đến ẩn ngữ thiền : "như nhau, dọc mũi ngang mày" mà rúng động cả toàn thân. Té ra là như vậy. Ai cũng như ai, mũi cũng nằm dọc, chân mày cũng nằm ngang cả. Đứng trên bình diện thuần lý, thì ai chẳng có Phật tánh, ai chẳng có khả năng giác ngộ, bình đẳng không khác, vậy thì mọi người đồng đáng tôn quý như nhau. Còn luận trong vòng sanh diệt thì ai cũng tham, sân, si chất ngất,

cũng hư hèn chứa đầy thói hư tật xấu, dù rằng có kẻ thô người tế, kẻ khéo che dấu, người vụng về lộ liễu mà thôi. Trí Lâm biết rõ con người mình hơn ai hết. Thời làm quan, tuy chàng cũng biết thương dân, nhưng chàng đâu phải thánh thiện. Chàng cũng ham danh, ham lợi, ham tiền, ham được tâng bốc, ham sắc dục như ai…, thế mà chàng cao ngạo, tự hào mình là bậc chính nhân quân tử, đáng tôn kính. Vào chùa, mình tu tập có tiến bộ gì đâu, tham sân si chỉ đổi hướng xoay chiều mà thôi. Giờ thì mình ham làm tổ sư, ham danh đắc đạo cao tăng, ham chùa to, ham được đệ tử tôn thờ, tự cao tự đại về sở học Phật pháp, mà còn ngấm ngầm ganh tị bới lông tìm vết bạn đồng tu dìm đạo đức họ xuống. Trừ mình ra thì ai cũng xấu xa, hư hèn cả. Thào nào mình chẳng cô đơn, chẳng hòa hợp được với đại chúng.

Từ ngày khám phá được gương mặt lọ lem của mình, con đường tu tập của Trí Lâm chuyển sang khúc quanh khác hẳn. Chàng chỉ còn thấy lỗi mình, không còn thấy lỗi người nữa. Nhờ thường trực quán sát vọng niệm mình không chút lơ đểnh, nên chàng lần lần tự kiểm soát được thân tâm, tiếp xúc với chánh niệm trong từng nhịp thở. Tiếp xúc được chánh niệm, chàng bắt đầu biết thấy biết lắng nghe và biết chiêm ngưỡng thế giới sinh động mầu nhiệm quanh mình bằng tình thương tràn ngập… Giờ chàng mới để ý đến nỗi nhọc nhằn thức khuya dậy sớm, lưng còng, tay chân run rẫy cùng những giọt mồ hôi của dì Bảy… trong những tháng năm dài bền bỉ lo cơm nước cho đại chúng. Dì Bảy không còn mang hình ảnh một mụ già nhà quê dốt nát, lãi nhãi than phiền suốt ngày nữa, mà là vị bồ tát trải thân nấu bếp để hộ trì tam bảo. Chàng cũng không phải tránh né chú Trí Danh tức "nhà lang băm thuốc xổ" nữa. Chàng bình tỉnh, thương yêu ngồi nghe chú thuyết pháp. Lắng nghe là học hạnh nguyện của Quán Thế Âm Bồ Tát, lắng nghe là tạo cho người có nhu cầu nói cơ hội được giải bày những điều dồn nén sôi sục trong lòng. Chỉ lắng nghe mà tạo cho người niềm vui, sao mình không làm được nhất là đối với kẻ có lòng, thiết tha hoằng dương chánh pháp như chú Trí Danh. Tóm lại, bất cứ huynh đệ nào chàng cũng khám phá được nét thánh thiện, để noi theo hạnh của Phổ Hiền Bồ Tát, mà tùy hỉ tán thán công đức của họ. Từ đó, dưới nhãn quan mới của chàng, ngôi tự viện trước kia chất chứa phiền não, đa sự nay đã chuyển biến thành chốn đạo tràng thanh tịnh, và đại chúng ai ai cũng là những bậc thiện tri thức, thuận hành hay nghịch hành, dẫn dắt Trí Lâm trên con đường tu học.

Bảy năm thắm thoát trôi qua, Trí Lâm tu hành tinh tấn, nên thường được thầy cho phép nhập thất tĩnh tu một thời gian dài tại Long Động, một hang đá thiên nhiên cách Vân Yên nửa giờ leo núi. Mỗi lần chuẩn bị nhập thất đều có chú Trí Lạc kề cận đưa tận nơi, mãn hạn thì chú cũng hân hoan chờ đón.

Hằng ngày, cũng chính chú đảm trách việc tiếp tế cơm nước, nhưng chú chỉ mang đến cửa động chớ không hề tiếp chuyện. Lần nhập thất nầy sư phụ ấn định là một năm, để chàng giải quyết công án "Phật là ai ?". Trái lệ thường, mãn hạn tĩnh tu, ra khỏi động, Trí Lâm không thấy sư đệ, mà lại có sự hiện diện của sư cô Trí Duyên đang đăm chiêu nét mặt.

- Có điều chi hung hiểm cho sư đệ, mà trông sư muội tỏ vẻ lo âu như vậy ?

- Sư huynh ạ ! thời gian sư huynh tĩnh tu thì bọn nhà Minh đã đem quân tiêu diệt nhà Hồ, xâm chiếm trọn vẹn đất nước ta rồi. Chúng chủ trương đồng hóa dân ta, nên một mặt chúng cưỡng ép người mình phải sống theo phong tục họ, mặt khác chúng ra tay tịch thu sách vở do người xưa sáng tác để tiêu diệt văn hóa nước Nam nữa. Ba hôm trước, sư phụ được tin chúng sẽ chiếm giữ hệ thống chùa chiền thiền phái Trúc Lâm, đốt hết kinh sách của chư tổ biên soạn, nhằm tiêu diệt thiền phái đặc thù của dân tộc. Vì vậy, sư phụ đã ra lệnh cho chôn dấu kinh sách, giải tán môn đồ và khuyên mọi người nên tùy phương tiện riêng mà lánh về những ngôi chùa làng nho nhỏ ẩn thân qua cơn ách nạn. Đại chúng náo loạn, mạnh ai nấy lo thân, chỉ có sư để Trí Lạc và muội còn nhớ đến sư huynh ẩn tu nơi nầy. Sư đệ còn phải lo nâng đỡ sư phụ xuống núi, nên sư muội mới lãnh phần lên đây thông báo tin cho sư huynh. Sư huynh chỉ còn có ba ngày là hoàn mãn thời tĩnh tu, nên dù rất nôn nóng, muội vẫn cố gắng không dám khinh động…

- Đa tạ sư muội ! sư muội đã hi sinh chờ đợi huynh hoàn mãn khóa tu. Tình thế xem ra khá nghiêm trọng, có lẽ chúng ta cũng phải nhanh chân thoát khỏi chốn nầy ngay. Sư muội đã có dự định chọn chốn nào dung thân chưa ?

- Muội bối rối quá chẳng biết đi về đâu ? Sư huynh liệu định cho muội được không ?

- Như thế nầy nhé ! huynh sẽ đưa sư muội về Nộn Sơn. Chùa ấy tương đối nhỏ bé, chắc không bị quân Minh gây phiền nhiễu. Sau đó, huynh sẽ về quê mẹ, nương náu một thời gian rồi tùy cơ mà tu tập…

Trí Lâm chụp lấy tay nải mang vài vật dụng cần thiết rồi hối hả đưa sư cô đi con đường tắt, tuy gian nan nhưng may ra tránh được quân Minh. Đường đi cheo leo, sư cô lại đủng đỉnh, thành thử khi hai người đang lội qua giòng suối Giải Oan, thì đã bị toán tiền sát của quân Minh phát giác. Không thể thoát thân một mình, Trí Lâm đành theo lệnh chúng quay trở lên bờ nạp mạng. Tên trưởng toán, lúc đầu dùng lời lẽ ôn hòa dò hỏi chàng về tung tích của hòa thượng Vô Trước, sau đó, hò hét nộ nạt chàng mà vẫn không thấy

kết quả, bèn nổi cơn thịnh nộ ra lệnh cho thủ hạ dã man tra tấn chàng. Sư cô khóc van lạy chúng tha sư huynh một cách vô vọng, cô chạy đến cạnh sư huynh thì chúng lôi trở lại. Sự lôi kéo vùng vẫy vô tình khiến vạt áo nâu sòng rách một mảnh lớn, làm lộ làn da trắng nõn, khiến cho bọn lính hung hản khoái trá hô hố cười dâm loạn. Tên chỉ huy xé toạt áo quần sư cô để làm hổn, trước sự vỗ tay hoan hô của đồng bọn. Trí Lâm vốn hành hạnh nguyện nhẫn nhục, bị tra tấn vẫn vui vẻ chịu đựng lòng không oán hận, nhưng trước hoàn cảnh của sư cô, chàng không thể an nhiên bất động nữa. Chàng vùng dậy toan giải cứu sư cô thì bị bọn chúng vây quanh dùng gậy đánh đập chàng túi bụi, đến khi chàng gục ngã bất động mới thôi. Hoàn cảnh sư cô càng bi đát hơn. Sư cô bị bọn chúng thay phiên nhau cưỡng hiếp liên tục, khi chúng bỏ đi, thì sư cô cũng chỉ còn là một cái xác không hồn.

Đêm khuya vắng lặng. Tiếng suối Giải Oan thều thào hòa lẫn với tiếng côn trùng nỉ non, tạo thành điệu nhạc não nùng ai oán. Vầng trăng lưỡi liềm nhợt nhạt trốn biệt trong cụm mây thưa để khỏi phải soi rọi cảnh tang thương dưới trần thế. Thầy Trí Lâm lần lần hồi tỉnh. Thầy nghe đau nhức rã rời, tay chân rũ riệt mà không biết mình đang ở đâu và việc gì đã xảy ra. Trí óc khôi phục dần, nhớ lại nội vụ, thầy hốt hoảng đảo mắt tìm Trí Duyên thì thấy thân xác bất động của sư cô co quắp không xa. Thầy chồm dậy nhưng sụm xuống tức khắc, đau đớn đến độ muốn ngất xỉu, chân trái chàng có lẽ đã gãy, không thể lay động nỗi. Thầy nghiến răng lết từng li một, khoảng cách mấy thước mà tưởng chừng như cả dặm trường. Cuối cùng thầy cũng lết đến cạnh sư cô. Thầy thấy sư cô nằm nhắm mắt im lìm, da xanh mét như một xác chết, vội vã lay gọi :

- Sư muội ơi ! sư muội !

Sư cô bỗng nấc một tiếng, rồi khóc òa lên :

- Muội muốn chết sư huynh à !

- Không nên có ý nghĩ như vậy ! sư muội ạ !

- Khổ đau nhơ nhuốc quá sức như thế nầy, muội làm sao sống nỗi hả sư huynh !

Chờ một chút không thấy thầy Trí Lâm lên tiếng, sư cô mở mắt ra nhìn mới biết thầy đã ngất xỉu tự bao giờ. Thầy đã vận dụng hết sức bình sanh lê thân xác bê bết máu đến bên sư cô là kiệt quệ. Sư cô thân thể cũng tê dại rã rời, tưởng không nhúc nhích nỗi, nhưng vừa thấy tình trạng thê thảm của sư

huynh đã lồm cồm dậy. Sư cô quên đau đớn, quên giá lạnh buốt xương, tìm được mảnh bình bát bể, bò xuống suối múc nước lau mặt mày cho sư huynh, rồi nâng đầu bón từng ngụm nước.

Trí Lâm tỉnh dậy, thân thể đau nhức mà trí óc rất sáng suốt. Chàng xúc động nghẹn ngào trước sự lo lắng và chăm sóc tận tình của sư cô. Chàng thầm nghĩ, sau hoạn nạn khủng khiếp nầy, chắc sự gần gũi của hai người khó dừng lại trong tình pháp huynh pháp muội. Ta và nàng ắt hẳn đã có giây buộc ràng từ kiếp trước, cùng tạo chung cộng nghiệp, để rồi ngày nay còn chung gánh vác tai ương; giấc mộng từng ám ảnh ta năm xưa có lẽ không phải là huyễn hoặc. Ta nguyện chia xẻ khổ đau với nàng, không nỡ để nàng thui thủi gậm nhấm đắng cay nầy suốt cả cuộc đời.

Nghĩ suy chín chắn rồi, Trí Lâm thều thào từng tiếng, nhỏ mà rõ rệt :

- Nầy sư muội ! sự thể xảy ra như thế nầy huynh nghĩ chúng mình khó lòng tiếp tục tu hành. Thời buổi loạn lạc như vầy tìm chốn nương thân an toàn cho muội cũng không phải đơn giản. Hay là muội theo sư huynh về quê thưa với mẫn thân thành hôn với muội.

Sư cô không lên tiếng, chỉ khẽ gật đầu, nhưng trên gương mặt thảm sầu đã lộ được niềm tin yêu hi vọng.

Trong tay nải may mắn còn bộ y khác cho sư cô tạm che thân. Sư cô băng bó cấp thời những vết thương cho Trí Lâm, rồi nâng đỡ sư huynh lần từng bước về Hà Nam. Đường đi vất vả nhọc nhằn, nhưng đã trải qua ách nạn khủng khiếp rồi thì trở lại nào cũng tầm thường vô nghĩa. Chỉ tiếc là chân trái Trí Lâm bị gãy, không được chạy chữa kịp thời, xương nối liền nhau không đúng khớp nên phải chịu khập khiểng suốt đời. Thời bấy giờ, Hà Nam được đặt dưới quyền cai trị của viên huyện quan họ Nguyễn, là cựu quan lại của nhà Hồ ra hàng giặc. Tuy làm quan cho quân Minh, nhưng Nguyễn đại phu lại hết lòng bảo vệ lo lắng cho dân, do đó, trong khi các địa phương lân cận bị bọn cướp nước sách nhiễu hãm hại dân lành, thì Hà Nam lại được an cư lạc nghiệp. Phạm Ngũ Thư đi tu biệt tích, nay trở về cưới vợ khiến bà mẹ hoan hỉ vô tận. Nàng dâu đảm đương và hiếu thảo lại sanh cho bà ba đứa cháu nội, khiến bà thêm hỉ hả. Trong thời gian mười hai năm trời an vui hạnh phúc gia đình, Ngũ Thư vẫn không quên nghĩa vụ người trai thời loạn. Chàng gia nhập lực lượng khởi nghĩa chống quân Minh của nhóm miêu duệ nhà Trần, hoạt động không được bao lâu thì tân vương ra tay sát hại trung thần, khiến lực lượng tan nát và Ngũ Thư đành rã ngũ quay về nhà. Mấy

năm sau, người anh hùng áo vải đất Lam Sơn trương cờ khởi nghĩa, tạo dựng thanh thế khá vững vàng. Lực lượng nghĩa quân tuy dũng cảm có thừa, chiến thắng nhiều trận gay go, nhưng quân số kém cõi không đủ sức đương đầu với giặc trong thế trận địa chiến. Bình Định Vương phải rút quân về Chí Linh ẩn náu mấy lần. Ngũ Thư tìm đến Bình Định Vương, tình nguyện thành lập hệ thống tình báo để nắm vững địch tình. Chân sẵn tàn tật, chàng giả trang thành kẻ ăn xin để đi lại khắp nơi thu lượm tin tức mà địch chẳng nghi ngờ. Tai mắt chàng phần lớn là những đồng chí ăn xin tồi tàn. Họ càng dơ dáy, cùi hủi ghẻ lở, thì lại càng được việc, họ có thể ngang nhiên "liều mạng cùi" xông bừa vào chỗ đóng quân, kho lương của địch để quan sát, và la cà khắp nơi để chuyển tin nhanh chóng mà an toàn. Nhờ tổ chức tình báo của Thư hoạt động đắc lực, am tường tình trạng suy yếu của địch tại Nghệ An, Bình Định Vương quyết định kéo quân vào Nam vây đánh nơi nầy. Sau Nghệ An, quân ta tiếp tục cuộc tổng phản công trên khắp trận địa, rồi chỉ trong vòng ba năm đã hoàn toàn đuổi giặc Minh ra khỏi bờ cõi nước nhà.

Nền độc lập vừa vãn hồi thì Phạm Ngũ Thư đã viện cớ tàn tật để khước từ quan chức. Bị Vua ép, chàng chỉ nhận tước làm là Đại Trí Tự và phần thưởng hai trăm mẫu ruộng hương hỏa tượng trưng mà thôi.

Rời được chốn quan trường "đa sự" để về quê nhà, sống đạm bạc mà thanh thản trong hạnh phúc gia đình, quả thích hợp với người hằng thiết tha với nếp sống tu dưỡng thân tâm. Tuy tình nghĩa vợ chồng mặn nồng, tuy hạnh phúc tràn đầy, mà lòng Thư vẫn mang niềm xao xuyến, ước muốn ra đi vẫn thôi thúc trong lòng. Cả năm rồi, Thư định giải bày cho vợ ý nguyện của mình nhưng cứ ngại ngùng. Thương nàng quá ! khổ thân nàng quá ! cả đời nàng chỉ biết tận tụy hi sinh cho chồng. Chàng bôn ba việc nước, nàng đã thay chồng phụng dưỡng mẹ già, quán xuyến tề gia, nuôi dạy con thơ. Nay nàng vừa mừng đoàn tụ thì mình đã tính chuyện ra đi ! tội nghiệp làm sao ? Thư khẽ vuốt những sợi tóc bạc lòa xòa trên trán vợ, âu yếm lên tiếng :

- Phu nhân ạ ! ta muốn bàn với em việc nầy !

- Vâng ! xin phu quân dạy !

- Thời lang thang lo việc nước, ta đã chung sống với giới ăn xin, cảm thông được nỗi đau thương chua xót vô biên của những con người khốn khổ bị xã hội khinh khi ruồng rẫy. Ta hằng phát nguyện sẽ chia xẻ, cứu giúp xoa dịu thương đau cho họ…

- Sư huynh yên tâm ! Tài sản chúng ta không nhiều, nhưng nếu bán đi hết thì cũng đủ cho sư huynh hoàn thành phần nào tâm nguyện cứu giúp người nghèo mà!

Thư được vợ gọi là sư huynh thật là đẹp ý. Khi bàn bạc đạo lý, hai người thường xưng hô huynh muội như thời tu tập trên núi Yên Tử, đàm luận thoải mái hơn cương vị vợ chồng. Chàng vội tiếp lời :

- Huynh xin nhiệt liệt tán thán lượng "Quán Âm" của sư muội. Phần huynh, huynh rất hiểu những kẻ khốn cùng, họ thù hận, chửi bới, oán ghét loài người; dẫu buộc lòng nhận của bố thí để ấm no trong chốc lát, họ lại bị dày dò trong mặc cảm, nghi kỵ, oán hờn. Bố thí cho họ một cách bình thường nghĩ có lẽ mình nên hành tứ nhiếp pháp, chung sống ăn mày, ngọt ngào tâm sự, đồng san sẻ ấm no, vui buồn, nhiên hậu tạo niềm cảm thông thật sự nơi họ, và như vậy, mới chân thực an ủi họ. Nầy sư muội ! sư muội có tán đồng hạnh nguyện của huynh không ?

Trên cương vị sư muội thì bà có thể gượng gạo tán đồng, còn trên cương vị người vợ đã quen tôn kính chồng, bà chỉ biết cắn răng, gạt nước mắt tiễn chồng ra đi.

Như người ăn mày chân chính. Ngũ Thư chống gậy trúc, áo quần rách rưới, ăn xin sống qua ngày. Chàng tùy thuận theo nếp sống của giới ăn mày, rày đây mai đó, nơi nào có hội hè, đình đám… làm ăn được thì qui tụ đến. Bậu bạn với họ, người mới hiểu hết nỗi đau thương của họ, để san sẻ, khuyên lơn, an ủi họ. Trong đêm lạnh run rẫy bên nhau chuyền hơi ấm, lúc đói lòng chia chác chút cơm thừa, khi bắt chí vần công, rửa ghẻ lau máu mủ tanh hôi cho nhau…, người lựa lời nhắc nhở họ về lý nghiệp báo hay khuyên họ xả bỏ thù hằn, nghi kị…, khơi nguồn cho tình người tuôn chảy…

Phạm phu nhân ở nhà, thương chồng thương cả hạnh nguyện của chồng, bà phát tâm "Quán Thế Âm", nghe tiếng kêu thương của thế gian liền hiện để cứu giúp. Bà giúp cô nhi quả phụ, kẻ già yếu tàn tật, bà lo tang ma cho kẻ chết đầu đường xó chợ. Chồng ra đi biền biệt, nhớ thương chồng chất, phu nhân nghĩ đến giải pháp xây cất ngôi chùa riêng cho chồng tu, rồi thuê người dò la tin tức rước ông về. Cuối cùng bà cũng tìm được chồng trong dịp trẩy hội chùa thầy[23] tại làng Láng. Chứng kiến cảnh người chồng già nua trong nếp sống tồi tàn, rách rưới, phu nhân xúc động nghẹn ngào, cất tiếng van nài :

- Phu quân lao khổ thiếp rất đau lòng ! Thiếp đã dựng chùa sẵn để rước phu quân về trụ trì, phát triển đạo tràng độ chúng. Mong phu quân chấp thuận !

- Sư muội ! ta tùy thuận mà đi, trôi nổi như mây như gió, không ràng buộc đã quen ! vả lại, với ta nơi nào chẳng là đạo tràng tu tập…

Bà đắn đo nhìn chồng, hiểu ý người, nhưng thương quá, bà vẫn cố gắng lung lạc lần chót :

- Đành vậy, nhưng theo thời gian phu quân đã già rồi…, phu quân cần phải tịnh dưỡng…

Lão ăn mày già, mỉm cười :

- Thời gian trôi thì ta cứ như thế mà bồng bềnh trôi, chớ ta nào có già !

Phu nhân giựt mình, ngắm nhìn lang quân. Trong dáng dấp tồi tàn của người hành khất, bà thấy hiển hiện sáng ngời nguồn sống rạt rào của kẻ thong dong không chướng ngại, nhậm vận mà đi, tùy duyên mà hóa đạo. Bà nghĩ mình không có quyền bận bịu ông nữa. Bà điềm tỉnh cất tiếng :

- Cảm tạ sư huynh đã nhắc nhở muội "tánh không già không chết, không nhơ không sạch, không thêm bớt" đó. Sư huynh không già thì muội cũng chẳng hề già. Sư huynh có hạnh nguyện của sư huynh thì muội cũng có hạnh nguyện của muội. Muội chỉ mong sư huynh, khi thấy sắp gởi xác thân lại, thì cũng nên về nhà cho con cháu thấy hành trạng của sư huynh mà quy ngưỡng để tu dưỡng thân tâm.

Người ăn mày già khẽ gật đầu.

Từ dạo đó, phu nhân an nhiên và thanh thản xa chồng. Bà cứ dõng mãnh tiếp tục hạnh nguyện ban vui cứu khổ, và người ăn mày già thì cứ tiếp tục ăn mày.

Ba năm sau, tự nhận thấy thân xác sắp trả về cho cát bụi, người ăn mày già quay trở về Hà Nam. Đúng giờ tí, ngày rằm tháng ba, người lần đến sân đình làng Thư Lang, nằm nghiêng bên phải, đầu hướng Bắc, mặt nhìn phương Tây, hai chân tréo nhau, mà lìa đời.

Như thường lệ, khi phát giác một xác chết vô thừa nhận, xóm làng cầu cứu vị phu nhân hiền đức gánh vác phí tổn chôn cất. Thoáng nhìn dáng nằm kiết

tường[24] của người hành khất, phu nhân biết ngay là ai. Bà trang trọng mang xác về nhà, theo đúng di chí của chồng mà làm lễ tang ma. Người ăn mày chỉ muốn chôn cất theo cương vị ăn mày nên mẹ con bà lặng lẽ quấn chiếu người đem chôn, trên mộ bia chỉ ghi năm chữ đơn giản : Phạm khất sĩ chi mộ - mộ của người ăn mày họ Phạm -.

Từ ngày người ăn mày chết tại sân đình, làng Thư Lang sung túc hẳn lên : mưa thuận gió hòa, ruộng lúa trúng mùa, sĩ tử đỗ đạt… Cảm ân đức phù hộ của người, dân chúng đồng tôn thờ người làm thành hoàng xã Thư Lang.

Vào ngày kỵ của người ăn mày, con cháu họ Phạm và người dân sùng mộ, giữ tục lệ đặc biệt; theo đó, họ mặc tang phục chia nhau đến các vùng lân cận hành nghề ăn mày, xin tượng trưng mỗi nơi một nhúm gạo nhỏ đem về nấu nắm cơm, giỗ cúng người xưa.

Lệ nầy đối với giòng trưởng lại nghiêm nhặt hơn. Người chánh thức hưởng của hương hỏa phải thực sự hành nghề ăn mày một tuần trăng, họ phải thấm thía khổ nhục của kẻ ăn mày, để thương yêu được giới bần cùng thì mới được coi là vuông tròn chữ hiếu.

---o0o---

- Eo ơi ! chuyện lạ lùng quá ! viết ở sách nào em chả thấy vậy anh ? thím Năm chăm chú nghe chồng kể chuyện xong, tò mò hỏi.

- Dĩ nhiên là chưa có sách nào viết chuyện nấy, vì nó chỉ ghi và giữ kín trong gia phả họ Phạm ở Hà Nam mà thôi.

- Vậy té ra…

- Đúng vậy ! bố là con giòng trưởng. Năm mười tám tuổi bố phải lặn lội đến vùng Nghệ An, trốn lánh thật xa bè bạn, để ăn mày trọn tháng ba cho đúng với truyền thống tổ tiên. Gia đình di cư vào Nam, bố vẫn bo bo chủ trương giữ lệ cũ. Em cũng biết đó ! u sanh liên tục bốn cô con gái rồi mới được đứa con trai, bà cưng giữ rất kỹ. Anh chỉ lẩn quẩn trong nhà chơi đùa với mấy chị, chưa bao giờ ra khỏi nhà, nghe dự tính của bố sợ sệt, khóc sướt mướt. U thương quá, phản đối lệ ăn mày quyết liệt, viện lẽ hương hỏa đâu còn mà giữ gìn. Bố khăng khăng cho rằng nếu vừa mất hương hỏa bỏ lệ ngay thì hóa ra giòng trưởng xưa nay tham lam hương hỏa mà theo truyền thống chớ không thật lòng. Thế rồi, vào mùa bãi trường năm anh học lớp bốn, bố tìm đâu được bà già mù người Nam, trả công cho bà dẫn anh đi ăn xin một tháng trời

khắp các chợ đô thành Saigon. Lúc đầu anh buồn khổ khóc lóc liên miên, nhưng sau quen dần dần, thì cũng vui lắm…

Thím Năm trố mắt nhìn chồng, không biết thực hư thế nào ! Chẳng lẽ "thằng bé Bắc Kỳ" chơi cò cò với mình tại hẻm chợ Vườn Chuối năm xưa lại là chàng ! Chắc đúng anh chàng chẳng sai ! Chàng cứ lẩn quẩn chơi với bốn bà chị, thảo nào sành sõi đủ mọi trò chơi con gái. Ngày mới quen nhau mình đã ngờ ngợ rồi mà ! Thím cười thật vui "rắn mắc"[25] hỏi chồng :

- Nầy anh ! chừng nào thì anh mới cất nhà cho em đây ! Chú Năm đâu thể ngờ bà vợ nhớ đến trò chơi cò cò thuở bé, chú nghe vợ hỏi lạc đề sang chuyện khác hơi ngạc nhiên, nhưng lại nghĩ bà đang tơ tưởng mộng cất nhà bên sông Cửu Long để về hưu, nên đáp hụ hợ cho qua :

- Ơ ! chưa tìm được sở đất vừa ý, lo chi chuyện xây cất vậy bà !

- Khổng biết đâu ! cất nhà thì phải cho em ở chung đó !, thím trổi giọng nhỏng nhẽo như cô gái nhỏ.

Chú cũng cười khà khà :

- Tui đâu có mình đồng xương sắt mà dám làm chuyện động trời đó ! Không cho bà ở thì bà đốt nhà, bà "cạo đầu khô" tui, chớ chịu để yên sao ?

---o0o---

CAM LỒ SA MẠC

Arizona đích thực là chốn quê hương lý tưởng của giòng giống xương rồng. Xương rồng độc tôn sinh sôi vùng sa mạc, đồi núi khô cằn. Xương rồng lại lũ lượt xâm lăng đến thành thị, dàn chào dọc đường phố, lểnh nghễnh khắp công viên, vườn tược sang trọng, trên cương vị một thứ kiểng thời trang, thanh lịch. Xương rồng là niềm tự hào của người dân Arizona. Người ta ca tụng, mở kỹ nghệ khai thác, làm luật bảo vệ giòng giống, và hình ảnh loài xương rồng Saguaro[26] độc trụ, hình dáng to lớn tròn như cây cột đình, hiên ngang sừng sững thi gan với khí hậu khắc nghiệt sa mạc, được long trọng chọn làm biểu tượng chánh thức của tiểu bang Arizona. Arizona còn được nổi tiếng là xứ sở có vầng thái dương đủ cả bốn mùa. Mặt trời thu đông, trong sáng, ấm áp đã biến vùng sa mạc nắng cháy thành nơi giải trí lý tưởng cho hàng triệu du khách qui tụ về, chơi golf, tắm nắng và trốn lạnh…

Chú Năm trôi giạt về Tucson, Arizona khá lâu mà vẫn chưa mấy cảm tình với loài xương rồng gai góc. Chú cũng kị với mặt trời Arizona hừng hực, lầm lì thiêu đốt giết người ở mức 110 độ F, trong suốt mùa hè. Thời gian nầy, ngoài lúc bất đắc dĩ phải lái xe đi làm, chú chủ trương đóng kín cửa, trốn biệt trong nhà. Thế nhưng, vừa được Thịnh điện thoại báo tin đã tìm ra tung tích của Hoàng, rủ chú về San Diego họp mừng bạn cũ, thì chú vội vã cấp tốc lên đường. Hoàng, người bạn thâm giao của chú, bị kẹt lại nước nhà trong biến cố 1975, học tập tám năm, rồi được sang Mỹ đoàn tụ với gia đình từ mấy năm về trước. Thế nhưng, chú mới liên lạc với Hoàng đôi lần bằng điện thoại, chưa kịp viếng thăm thì Hoàng bỗng biến dạng không rõ nguyên nhân. Lần nầy, quyết tâm không để mất dấu người bạn thân, chú Năm nôn nóng phóng xe như bay trên xa lộ số 8 tìm về San Diego. Mặt trời càng lúc càng hung hăng, chiếu ánh nắng chói chang như xuyên thủng khung kính đậm màu, khiến chú cảm thấy rát bỏng cả mặt, đầu óc ngầy ngật khó chịu. Chú điều chỉnh cho hệ thống máy điều hòa không khí hoạt động tối đa, bất chấp những bảng cảnh cáo bên đường khuyên tài xế đình chỉ sử dụng máy lạnh tại vùng sa mạc hoang vắng. Xe chạy cả trăm dặm mà hai bên đường toàn sỏi nứt nẻ, rải rác đây đó, chỉ còn vài cụm xương rồng trơ vơ bám víu sống còn trên vùng đất chết. Chú Năm lầm bầm cằn nhằn : "Xứ gì tàn tạ khô khan ! Miền Nam mình nắng cũng nóng quanh năm, mà cây cối vẫn xanh um bốn mùa, chớ đâu tệ như vầy ! Người Mỹ dở quá ! có phương tiện như họ mình sẽ dẫn nước về, biến sa mạc thành khu trồng tỉa dễ như chơi. Khí hậu nầy trồng cây ăn trái miền Nam thì hết "xẩy" ! Mơ mộng đến vườn xoài, mận, vú sữa, ổi… đơm trái nặng trĩu cành, chú vô cùng sung sướng với kế hoạch không tưởng của mình." Chú chợt cười xòa khi nhớ đến miếng đất con con sau nhà, chú bê bối không săn sóc để cỏ hoang mọc loạn cào cào, mà nay lại tơ tưởng chuyện kinh thiên động địa khẩn đất sa mạc lập vườn. Niềm cảm ứng tan biến, chú mới lưu ý thấy chiếc xe lăn bánh có phần nặng nề và chậm hẳn lại, dù chú đã đạp lút ga. Chú hốt hoảng nhìn lên thấy đèn báo động máy quá độ nóng chớp liên tục. Chú vội lách xe vào lề, tắt máy, mở nắp đầu máy, thấy bình nước sôi sùng sục, khói tuôn mù mịt. Chú hi vọng xe chỉ bị cạn nước bình, châm thêm nước thì đi được, nhưng điểm ngặt nghèo là làm sao chú đào đâu ra thứ nước nầy ! Đi gấp quá, chú chẳng dự phòng mang theo chút nước uống, huống gì nước châm bình xe. Chú bối rối nghĩ, trời nắng thiêu đốt dễ dầu gì tìm được người tốt bụng ngừng lại để giúp đỡ, chú chỉ có một phương pháp là chờ máy nguội rồi cố gắng nhích từ từ đến trạm xăng gần nhất để sửa chữa. Rủi ro mà xe trục trặc nặng không lết nỗi, chú dám ngủ đường ngủ xá chớ chẳng chơi. Chú áo não nhìn theo những chiếc xe xuôi ngược vùn vụt, mà chỉ biết thở dài thườn thượt. Bất ngờ, ngoài sự mong đợi của chú, một chiếc xe cà tàn bỗng lách vào lề, thắng

đứng lại, rồi một chàng thanh niên da sậm như tượng đồng, to lớn, mập mạp tươi cười bước xuống. Chú Năm thoáng mừng, chen lẫn chút nghi ngại : người tốt bụng và kẻ gian đều có thể xuất hiện lúc nầy ! Người lạ vồn vã :

- Chào anh ! xe anh bị trục trặc ra sao ?

- Ơ ! chào chú ! xe bị quá độ nhiệt, bình nước bốc khói !

- Nếu vậy thì chẳng có chi trầm trọng ! chỉ chờ bình nước nguội châm thêm coolant thì đi được.

Chú Năm nhăn nhó :

- Khổ nỗi là tôi quên mang nước bình xe theo chớ !

- Đừng lo ! tôi có sẵn đây ! xin biếu anh vậy !

Chú Năm ái ngại nài ép người thanh niên nhận tiền bán lại bình coolant nhưng anh ta một mực lắc đầu.

Đưa cho chú Năm bình nước, anh lại lên tiếng :

- Tôi ở đây chơi với anh nửa giờ, chờ xe anh nguội châm nước bình, rồi nổ máy an toàn thì tôi mới yên tâm...

- Có lẽ không hề chi đâu ! Anh giúp đỡ tôi như thế nầy là quá đủ rồi, tôi không dám để anh chịu thiêu đốt dưới ánh nắng khủng khiếp nầy thêm nữa !

- Chẳng hề gì đâu ! Tôi đã quen khí hậu chốn nầy. A ! muốn tránh nắng thì mình núp dưới bóng cây xương rồng vậy !

Cây xương rồng độc trụ saguaro bên đường thuộc loại kỳ lão nên nhú ra được hai nhánh, hình dạng giống như một người khổng lồ đang giơ hai tay mời mọc. Cái thân gai góc khó ưa không ngờ tạo cho chú một bóng mát lý tưởng giữa vùng sa mạc. Chú Năm bỗng khám phá được nét tươi mát của giống xương rồng, mát như tình người cao đẹp mà người thanh niên lạ vừa trao, khiến chú cảm động nghẹn ngào. Chú lại cảm thấy chút xấu hổ vương vấn, khi nhớ lại lúc thanh niên vừa dừng xe, chú vốn có thành kiến với màu da, nên để chụt dạ nhỏ nhen nghi ngờ người.

Trong câu chuyện hàn huyên, chú Năm được biết anh chàng tên Tony, sinh viên triết học đại học Tucson đang trên đường về thăm nhà tại San Diego.

- Dường như, rất ít người Việt Nam sinh sống vùng nầy ! Tony lên tiếng dọ hỏi.

- Arizona thì rất ít, nhưng tại Nam Cali thì người Việt tập trung rất đông đảo, sinh sống đủ mọi ngành nghề, có những khu thương mãi toàn người Việt. Về phương diện tín ngưỡng thì có những nhà thờ, hội thánh riêng cho người Việt, chùa chiền thì tổ chức theo truyền thống Việt Nam cũng đã xây dựng được cả trăm ngôi !, chú Năm hừng chí khoe khoang.

- Cả trăm ngôi chùa không chống đối nhau để cùng hướng dẫn tinh thần cho đồng bào, Phật giáo Việt Nam thật đáng khâm phục !

Chú Năm bỗng nhiên ngượng ngập, ấp úng đáp :

- Thật ra, thì trước đây cũng có rất nhiều phe nhóm kình chống nhau loạn xạ. Nhưng gần đây, nhờ lời 詠 kêu gọi thống thiết của vị lãnh đạo Phật giáo trong nước, Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ đã kết hợp được trong một tổ chức thống nhất, tuy vẫn có vài phe nhóm lẻ tẻ mơ làm lãnh tụ, tăng thống, còn hậm hực đứng ngoài giở các trò bôi lọ, chụp mũ như những kẻ thế tục, làm đau lòng người Phật tử chân chính !

- Chuyện đó cũng là thường tình mà ! tôn giáo nào chẳng vậy ! đạo Chúa của tôi cũng chia rẽ như vậy đó !, Tony an ủi.

- Thế Tony thuộc hội thánh nào ? Lutheran church chăng ?

- Tôi không thuộc hội thánh nào cả, dù tôi là một con chiên thuần thành !

Thấy chú Năm lộ vẻ ngạc nhiên, Tony tiếp lời :

- Tôi có quan niệm lạ lùng là không mấy thích tổ chức tôn giáo ! Tổ chức càng lớn thì chân lý càng bị đóng khuôn cứng ngắt, ép buộc tín đồ phải rập theo lối nhìn một chiều, đầy thành kiến, bóp chết sáng tạo, và sức sống sinh động của thánh Chúa. Người ta đã nhân danh Chúa để giết Chúa và bôi lọ Chúa. Vả chăng, tổ chức tôn giáo nào chẳng biến dạng thành nhóm thế lực, bè phái, mang chiêu bài thánh thiện để bao che những lạm lường gạt tín đồ. Tôi có câu chuyện vui liên quan đến điều nầy, chẳng biết anh thích nghe chăng ?

- Dĩ nhiên, tôi thích lắm chứ !

- Câu chuyện không nhất thiết đóng khuôn vào một tôn giáo nào, tôi là người Cơ đốc nên xin kể chuyện tôn giáo tôi :

"Xưa lắm rồi, vào một buổi chiều đông lạnh lẽo tại một lữ quán vắng vẻ miền Đông Hoa Kỳ, tình cờ hợp mặt ba nhà giáo sĩ trẻ trên bước đường phụng sự Chúa. Cả ba đều nguyện dấn thân cho lý tưởng rao giảng đạo Chúa cao cả, nhưng lại thuộc ba tổ chức nhà thờ khác nhau, nên tuy cùng mang chung sứ mệnh mà câu chuyện lại lạt lẽo lạnh lùng. Thình lình, có tiếng gõ cửa và một nông dân trẻ xuất hiện, khiến ba nhà truyền giáo khấp khởi mừng thầm. Cả ba mừng rỡ săn đón "con mồi", hi vọng tìm được một con chiên ngoan đạo, đặt nền móng cho tổ chức của mình tại đây ! Sau những câu chào khách sáo chiếu lệ, thanh niên chưa kịp ngồi yên, thì vị giáo sĩ thứ nhất đã lên tiếng dọ dẫm :

- Con có điều chi bất an, mà trông có vẻ bơ phờ mệt nhọc dường ấy !

- Chán chường quá cha ạ ! con vợ của con cuỗm hết tiền bạc, cuốn gói theo tình nhân, con truy tầm cả tuần nay mà vẫn không ra manh mối !

- Ôi ! trong cuộc sống giả tạm nầy tình tiền nào chẳng tan rã ! chỉ có kẻ biết tin Chúa mới khơi mở được cuộc sống miên viễn tại chốn thiên đàng hoan lạc !, nhà truyền giáo thứ hai lên tiếng.

- Cha ơi ! con nản tình đời quá ! con không còn tin tưởng được ai ! con chỉ muốn tự kết liễu sinh mạnh mình mà thôi !

- Con ạ ! tình người đối với nhau khi vơi khi đầy, khi yêu thương, khi thù hận, sao bằng trao trọn niềm tin mình trong tình thương bao la của Chúa. Chúa thí thân chịu đóng đinh trên thập tự giá để chuộc tội cho loài người, Chúa thương yêu, đùm bọc, che chở cho từng con chiên nhỏ, dù là thứ con chiên hư hỏng lạc bầy…

- Nầy con ! con có bao giờ nghe đến Hội Thánh X chưa ? nhà truyền giáo thứ ba đột ngột hỏi.

Tốn công săn đón, màu mè gợi ý mà bị kẻ khác mưu toan "cướm" mất con mồi, nhà truyền giáo thứ nhứt hậm hực :

- Nầy cậu trẻ ! con phải cẩn thận để tránh sa vào bẫy rập của những tổ chức dùng chiêu bài tôn giáo để lường gạt tín đồ ! Họ quanh co giải thích sai lệch Thánh Kinh, lợi dụng tôn giáo cho mưu cầu chính trị, kinh tài… mờ ám.

- Ơ ! tệ hại như bọn bày trò chữa bịnh nan y bịp để vét tiền tín đồ, nổ "xì căn đan" thối um tại Los Angeles phải không Ngài ?

- Thối đâu bằng chuyện mấy nhà giáo sĩ tằng tịu với đám đàn bà con gái, bốc hốt cả bầy con nít… báo chí đăng tải rùm beng tại Boston phải không các vị !

Thế rồi mỗi người một câu, vị nào cũng cố bới lông tìm vết nhơ của hội thánh kẻ khác, dìm tất cả xuống bùn để tuyên dương chỉ có tổ chức mình mới chánh thống, mới đích thực là con đường một chiều duy nhất đưa về nước Chúa. Thời thuyết giảng khởi đầu có vẻ thánh thiện, bỗng chuyển biến thành trận cãi vã hậm hực, dai dẳng, không có cơ chấm dứt vì chẳng ai chịu thua ai. Muốn định phân thắng bại cần có kẻ bàng quang làm trọng tài phân xử. Thế nhưng, thình lình lúc nầy chẳng có ai hiện diện, ngoài anh chàng William thất thiểu, khờ khạo, nên ai cũng muốn kéo chàng William về phe mình. Do đó, anh nông dân lù khù vô tích sự bị lôi vào vòng chiến, bị bắt buộc phải đảm nhận chức quan tòa bất đắc dĩ xử kiện cho ba nhà truyền giáo khả kính. Anh chàng ba phải chỉ biết ấp a ấp úng "xử huề" :

- Theo tôi, ba vị đều hay, đều đúng cả…

- Không thể nói mập mờ như vậy được ! anh đừng sợ mất lòng họ cứ xác định cho họ biết ai chánh ai tà, ai phù hợp thánh Chúa, ai mập mờ theo quỉ satan…

- Ơ ! chuyện quí vị tranh luận là chuyện thiên đường, chỉ biết chắc là đúng hay sai tại thiên đường, vậy tại sao quí vị không chịu khó chờ đến khi về đó mà phân rõ trắng đen !

Đề nghị của quan tòa ba phải có mòi hợp lý, ba nhà truyền giáo đồng giơ tay long trọng thách thức đối thủ gặp lại nhau tại thiên đường đúng một trăm năm sau để giải quyết một lần việc hơn thua. Hứa hẹn xong, cả ba mới ngầm thấy có điều không ổn. Ai cũng tự tin mình là người duy nhất được lên thiên đường còn đối thủ và tên nông dân ngu muội chắc chắn phải bị thiêu đốt đời đời dưới mấy từng địa ngục. Người ở thiên đường còn thong dong đi lại, chớ kẻ ở địa ngục chịu trừng phạt thì đâu có điều kiện léo hánh đến thiên đường.

Trở ngại đó khiến việc thực hiện cuộc gặp gỡ tại thiên đường trở thành nan giải. May mắn là có vị đã nhanh trí tìm ra giải pháp :

- Để có thể hội đủ bốn người trong buổi họp mặt tương lai, tôi đề nghị sửa đổi điểm hẹn là địa ngục, quí vị đồng ý không ?

Trừ anh chàng William miễn cưỡng gật đầu, ba nhà truyền giáo hăm hở chấp nhận cuộc thách hẹn hào hứng nầy. Cuộc cãi vã xô bồ, nhờ vậy mà có cơ chấm dứt.

Thế rồi, giòng thời gian trôi nhanh, mỗi người mỗi ngả, ai cũng bận rộn theo đuổi nếp sống lý tưởng riêng của mình, và cuộc thách thức sôi nổi tại lữ quán miền Đông thuở trước cơ hồ phai nhạt. Ba nhà truyền giáo trẻ, trở thành những nhà lãnh đạo cao tột trong giáo hội của họ, nổi tiếng là những bậc thánh đương thời được triệu triệu người tôn kính. Dù vậy, cũng như mọi người, rồi đến lúc họ phải từ giã cuộc đời, một mình trơ trọi ra đi.

Không hò hẹ mà cả ba, kẻ trước người sau, đều được đưa về một nơi. Thấy mặt nhau, nhớ đến lời thách hẹn năm xưa, nhưng ba vị lơ là xa lạ, vì chốn nầy lửa cháy phừng phừng, nóng thiêu đốt chết lên chết xuống, không đủ hơi sức rên siết, thì đâu còn ý thức tranh luận hơn thua chi nữa. Thời gian kéo dài cho đến một hôm, gian phòng đang nóng bức bỗng êm dịu mát mẻ lạ thường, rồi một vị thiên thần hào quang sáng ngời, xuất hiện. Ba vị mừng rỡ, quì xuống long trọng làm lễ chào đón :

- Khải bẩm thánh Phê Rô ! cả ba đồng cất tiếng.

- Thưa quí Ngài, tôi không phải là thánh Phê Rô. Tôi là William. Hôm nay, giữ đúng lời hẹn trăm năm về trước, nên tôi đến để hầu chuyện với quí Ngài.

Ba nhà tu hành ngỡ ngàng nhìn kẻ đối diện. Thật là bất ngờ ! thật là điều bất công vĩ đại khi những kẻ suốt đời tận tụy hầu việc Chúa thì Chúa bỏ bê lạc lõng chốn nầy, trái lại, tên nông dân tầm thường, ngu dốt, ngớ ngẩn, lại được rước lên cõi Thiên đường ! Chắc có điều gì mờ ám, lầm lộn sổ sách ở chốn thiên đình rồi !

- Xin hỏi thiệt William nhé ! anh tìm được đường giây nào để "móc nối" lên thiên đường, xin bày vẽ lại chúng tôi được không ?

- Ơ ! ơ ! thật ra, thì tôi chỉ thực hành theo lời dạy của ba vị, chớ chẳng có làm điều chi lạ lùng cả !

Rồi có lẽ biết họ chẳng tin lời mình, thánh William dẫn giải thêm :

- Ngày đó, thất tình thất vọng định quyên sinh tôi may mắn được quí vị nhắc nhở đến tình thương bao la của Chúa khiến lòng tôi cực kỳ xúc động. Tôi thành khẩn lắng nghe nhưng quí vị bận rộn hơn thua nhau không nhắc nhở gì đến Chúa nữa. Thời may, trước khi đi ngủ, quí vị mỗi người quì một góc, nghiêm trang, tha thiết cầu nguyện : "Lạy cha chúng con ở trên Trời. Danh Cha được thánh, nước Cha được đến, ý Cha được nên, ở đất như trời. Xin Cha cho chúng con bánh mì đủ ăn ngày qua ngày. Xin tha tội lỗi chúng con, như chúng con tha cho kẻ phạm tội nghịch cùng chúng con. Xin chớ để chúng con bị cám dỗ. Xin cứu chúng con ra khỏi điều ác… A men ![27]." Tôi đón nhận những lời cầu nguyện đó với tất cả chân thành, và trong giây phút tuyệt vời đó, tôi bỗng nhiên từ bỏ cuộc đời phóng đãng của mình để thường trực sống trong tình thương của Chúa. Nhờ ý thức Chúa luôn ở trong tôi nên tôi hạnh phúc, tươi mát với mọi người, mọi loài. Tôi cầu nguyện chỉ xin đủ ăn một ngày, nên lòng tham lam giảm dần, biết sống giản dị đạm bạc, để thương yêu chia xẻ, và đùm bọc kẻ khác. Tôi hằng cầu xin tha tội, xin cứu khỏi đường ác, nên thường quán sát tư tưởng và hành động mình để tránh bớt lỗi lầm. Tội nguyện tha tội người nên loại bỏ được tính sân hận, và phát triển được lòng khoan dung, nhân hậu… Tôi đã thay đổi cả cuộc đời nhờ quí vị, quí vị chính là những bậc ân nhân đã hướng dẫn tôi nương về Chúa, nhờ vậy tôi mới có được ngày hôm nay.

- William chỉ nghe có một câu cầu nguyện mà về cõi thiên đàng, còn chúng ta suốt đời rao giảng đạo Chúa, sao lại ở chốn nầy ! Tại sao lại có chuyện vô lý và bất công như vậy ?

- Quí Ngài rao giảng đạo Chúa, nhân danh Chúa, nhưng quí Ngài có thực sự "sống" trong Chúa hay không ? đó là vấn đề mà quí Ngài mỗi người nên tự mình chân thành soi xét mình, để tìm ra lời giải đáp…

Nhìn lại con người thực của mình dấu kín mít sau bề ngoài đạo đức thánh thiện là điều mà ai cũng muốn tránh né không dám nhớ nghĩ đến, do đó, ba vị tuy vẫn ấm ức mà ngần ngừ rồi yên lặng.

- Thôi thì bỏ qua chuyện nầy đi, mình phải giải quyết thách thức trăm năm trước chớ !

Sau vụ đấu khẩu thuở thiếu thời, trên bước đường tranh đua hoạt động, vì lợi danh xung đột, họ từng tung đòn phép mánh mun đối phó nhau, nên hiềm

khích theo tháng năm mà chồng chất. Một vị vừa nhắc nhở, thì ba vị cùng phừng phừng nổi giận.

- Bây giờ Ngài là bực thánh, Ngài hiểu rõ đâu là sự thực. Xin Ngài tuyên bố một lời Hội thánh nào thánh thiện, chân chính nhất !

- Còn gì phải hỏi nữa, chỉ có Hội Thánh X là chánh thống… ngoài ra, chỉ toàn là thứ bịp bợm, rẻ tiền mà thôi…

- Nầy tên tồi bại, vô liêm sĩ ! Tổ chức ngươi mới bịp bợm, lưu manh…

Ngày xưa, tuy cãi vã hậm hực nhưng nhờ lớp áo truyền giáo nên lời lẽ quí Ngài vẫn chừng mực, giờ đây ở chốn nầy, thì đâu còn gì để úy kị nữa, những ấm ức bình sanh cứ tự do tuôn trào. Trận khẩu chiến do đó mà tăng thêm phần hung hăng và thô lực.

Thánh William chán nản, lắc đầu dợm bước đi, thì bị ba người níu áo kéo lại, nhất quyết yêu cầu thánh phải tuyên bố một lời cho biết rõ trắng đen : kẻ thắng người bại là ai ? Thế rồi, thật thà nhân hậu như một nông dân chân chính, Thánh từ tốn lên tiếng :

- Tôi đâu có thừa thải thời giờ để phán xét người. Tôi phải trở về thường trực chăm sóc thửa vườn của tôi chớ !

Nói xong, thánh William biến mất, để cho ba nhà đạo đức mặc tình tiếp tục hơn thua, cùng lắm nếu như họ bày ra cuộc thánh chiến thì cũng không phải là điều lạ lùng !".

Câu chuyện kết thúc bằng thái độ khó hiểu "bỏ đi về chăm sóc thửa vườn nhà" của thánh William khiến chú Năm sửng sờ trong giây phút. Chú chợt nhớ mảnh vườn con con hoang phế sau nhà cùng với kế hoạch khẩn đất sa mạc của chú, rồi bỗng cười xòa. Chú vừa thấy rõ được con người thật của chú : cả đời cứ vọng ngoại lăng xăng chạy theo được thua, vinh nhục, thành bại…, luận bàn toàn chuyện đại sự "trị quốc, bình thiên hạ", mà chẳng bao giờ nhìn lại tâm buông lung của mình đang quay cuồng vọng động… Chú lại khám phá ra sự kiện bất ngờ là chú vừa đón nhận Phật Pháp tiềm ẩn trong câu chuyện vui của người ngoại đạo. Thì ra, nếu biết mở tâm đón nhận, thì thế gian pháp nào cũng có thể là Phật Pháp nhiệm mầu. Trời sa mạc nóng thiêu đốt nhưng chú Năm cảm thấy an vui, thơi thới, nhẹ nhàng : thân tâm chú vừa được rưới bằng những giọt nước "pháp" cam lồ thanh lương, mát

mẻ. Chú xúc động trang nghiêm chấp tay hướng về Tony, kính cẩn lên tiếng :

- Xin cảm tạ Tony nhắc nhở ! Tôi nguyện thường trực chăm sóc vườn tâm của mình, không để cho các loại cỏ tham sân si mọc tràn lan loạn xạ đâu !

Tảng lờ như vô tình không hiểu biến chuyển nội tâm của chú, Tony lảng sang chuyện khác :

- Ơ ! Có lẽ máy xe đã nguội rồi ! mình chuẩn bị lên đường là vừa !

Thế rồi Tony châm nước bình xe cho chú, chờ chú nổ máy xe an toàn, rồi mới khoác tay từ giã ra đi. Chú Năm lặng lẽ chiêm ngưỡng từng động tác của Tony. Đối với chú, đó là hình ảnh sống thực của những vị bồ tát, xuất hiện trong mọi hoàn cảnh, dùng hằng hà sa số phương tiện, thuận nghịch để trao truyền Phật Pháp.

---o0o---

THẦN TÀI GÕ CỬA

Thời "choai choai" theo học trường Chu Văn An, chú Năm vốn là tay du côn ngoại hạng, thường hay nổi máu anh hùng bênh vực kẻ yếu thế cô đơn. Sự kiện đó đã dung rủi chú Năm kết giao với hai thằng bạn tính tình khắc nhau như nước với lửa. Chú che chở cho Hoàng, người bạn hiền lành chăm chỉ hạt bột, khỏi bị bạn bè bắt nạt. Lần khác, chú can thiệp cho Thịnh "ma lanh" thoát khỏi trận "bề hội đồng" của đám bạn toan trừng trị trò lếu láo gian manh của hắn. Lớn lên mỗi người mỗi ngả, nhưng liên hệ bạn bè không vì thế mà phai lạt. Chú Năm vào quân đội. Hoàng chọn ngành hành chánh và tiến thân rất nhanh trên quan trường. Chỉ trong vòng sáu năm cần mẫn, anh đã được chọn làm Phụ tá đặc biệt cho vị Tổng Trưởng rồi. Thịnh lỡ dở học hành, nhưng hắn vốn láu lĩnh nên chạy được ngay giấy miễn dịch vì lý do sức khỏe, rồi ngất ngưỡng ở Sài Gòn, cà phê thuốc lá lai rai tại góc đường Lê Thánh Tôn và Nguyễn Phi để sống nghề "cuộc chê" xe và chạy "áp phe". Áp phe linh tinh nhiều loại, có thể là chuyện tẩu tán một lô hàng ăn cắp, trung gian hối lộ xin môn bài, chạy chọt một chân lính kiểng, đấm mõm hội đồng y khoa hoãn dịch…, tựu trung loại nào cũng có hơi hám bất hợp pháp và lường gạt, và do đó, nếp sống của hắn trồi sụt bất thường, "áp phe vô" thì phong lưu tiêu xài, còn "áp phe bể", đôi khi cũng đói rách tội tù.

Những lúc lâm nguy, dĩ nhiên Thịnh phải réo đến Hoàng cầu cứu, khiến Hoàng sợ tai tiếng, kêu trời như bộng, mà kết cuộc vẫn không nỡ bỏ rơi người bạn thuở hàn vi. Trong biến cố 1975, chỉ có Hoàng là bị kẹt lại và chịu học tập dài dài, vì anh ta vốn có tinh thần trách nhiệm, nên cho vợ con di tản, còn phần mình thì cương quyết giữ nhiệm sở đến giờ phút cuối cùng. Thịnh sang Mỹ, định cư tại miền Nam Cali, và sống chật vật với đồng lương tối thiểu của một người thợ không chuyên môn. Chỉ quen đi "cà nhổng", tà tà thả rểu bắt áp phe, nay phải chôn chân chịu đựng với đồng lương chết đói, Thịnh chịu đời sao thấu. Hắn thoạt đặt hi vọng vào các sòng bạc Las Vegas, trong một sớm một chiều có thể giúp hắn giàu nhanh mà không mệt nhọc. Sau những chuyến thắng lợi, hắn bị cháy túi tan tành đến nỗi không còn tiền trả góp chiếc xe. Một người bạn cờ bạc gốc Mễ bày vẽ cho hắn dàn cảnh đụng xe, rồi nhờ luật sư kiện bảo hiểm làm tiền. Từ đó, Thịnh khám phá ra nghề dắt mối các vụ tai nạn xe cộ cho luật sư và bắt đầu làm ăn phát đạt. Mấy tháng sau, Thịnh lại nghĩ đến giải pháp, tự mình mở văn phòng dịch vụ, mướn luật sư đứng tên ăn chia, rồi đích thân móc nối bác sĩ, trực tiếp thương lượng bảo hiểm, và như vậy thì hắn "đớp" gọn hết một phần ba tiền thù lao, chưa kể phần móc nối ăn chia với bác sĩ nội khoa, bác sĩ phòng dịch vụ còn bao thầu luôn các vụ xin trợ cấp thuê nhà, lo hồ sơ bệnh tâm thần… cho đồng bào tị nạn ăn tiền đầu, rồi thừa thắng xông lên, hắn mở cả văn phòng bác sĩ, nha sĩ mướn người khai thác ăn chia. Văn phòng dịch vụ thành công ngoài sức tưởng tượng. Chỉ trong vòng mấy năm. Thịnh trở thành triệu phú, làm chủ nhân ông vài mươi văn phòng đặt dài dài từ Los Angeles đến San Diego. Thương bạn, Thịnh cam kết truyền hết bí mật nghề nghiệp cho chú Năm, để thúc đẩy chú bắt chước làm giàu, mà chú Năm lại yêu cái nghề công nhân ba cọc ba đồng, nên cứ khăng khăng từ chối. Dù vậy, Thịnh vẫn liên lạc thường xuyên với chú, nài ép chú về Nam Cali chơi cho thỏa tình hàn vi chí thiết, nhưng chú Năm bận rộn chẳng mấy khi đáp ứng. Lần nầy, Thịnh vừa tìm ra tông tích của Hoàng, nên mới "hú" thì chú Năm đã vội vã lên đường.

Vì "lý do kỷ thuật", chú Năm tìm đến nhà Thịnh trễ hơn bốn mươi phút. Khi đó, buổi họp mặt dưới danh nghĩa "thương nhớ quê hương" đã chuyển sang tiết mục chính yếu "mượn rượu thịt để phôi pha đời tị nạn". Không khí vui nhộn, "chén chú chén anh" vô cùng xôm tụ; tiếng tây tiếng u, chữ nho "xổ" ra có chùm. Thịnh mừng rỡ đón bạn, ân cần giới thiệu từng người hiện diện : vài khuôn mặt cũ cùng với nhiều nhân vật lạ. Tuy nhiên, Hoàng, người bạn mà chú tha thiết tìm kiếm lại vắng mặt.

- Hoàng chưa đến sao Thịnh ?

- Tao thuyết phục cách nào nó cũng từ chối ! Nó bị vợ đá đít buồn đời chẳng muốn gặp ai !

- Mầy cho địa chỉ tao đi tìm nó liền mới được !

- Nó dấu biệt tông tích chẳng cho ai biết điện thoại, địa chỉ gì ráo !… nhưng tao vô tình gặp nó đang hành nghề bán xăng cho hãng Exxon cách đây 20 dậm, mầy đến đó, họa may gặp được nó !

Thấy chú chộn rộn muốn đi ngay, Thịnh tiếp lời :

- Làm gì lính quýnh nhặng xị vậy ! đến 12 giờ khuya thì mới tới "ca" thằng Hoàng làm việc. Vả lại, mầy phải ở đây nhậu một trận sanh tử với anh em cho trọn tình trọn nghĩa, rồi mới có quyền đi đâu thì đi…

Dân làng nhậu đặc biệt hiếu khách, chỉ vài câu chuyện tầm phào, là anh em đã thông cảm ngay người bạn mới tới, ai cũng lớn tiếng đòi cụng ly với chú. Một anh chàng rót đầy tràn ly rượu màu đỏ như máu, lè nhè :

- Hích !… Hích !… đến trễn thì bị phạt rượu ! Anh "vô một trăm phần trăm" mới điệu nghệ với anh em !

Chú Năm cầm ly rượu ngần ngừ, thì Thịnh bồi thêm :

- Uống đi mầy ! loại bổ dương thượng hảo hạng hiệu nghiệm như thần đó ! rượu Martell cổ lùn pha với tiết dê, không phải có tiền là mua được đâu !

Thời trai trẻ, chú cũng hẩu món tiết canh, nhưng từ ngày đụng với mụ vợ nhà quê, kỵ các món thịt cầy, tiết canh…, nên chú kiêng cữ dần, nay không còn thấy hạp khẩu nữa. Do đó, nghe đến tiết dê, chú hơi nhợn, chú quanh co tránh né :

- Đặc biệt quá ha ! Mấy cha tìm đâu được huyết dê mà pha rượu như vậy !

- Ha ! ha ! Tao và hai thằng nữa phải lái xe đến nông trại cách đây 60 dậm thỉnh "ông thầy" về, cột chưng, nhét giẻ khóa mồm, rồi treo lên cây cam sau nhà để chuyên viên sáu Ngầu thọc huyết…

Chuyên viên sáu Ngầu, mặt đỏ ngầu ngầu, đắc chí tiếp lời :

- Hạ "ông thầy" theo đúng truyền thống thì phải rượt đập ông thầy như tử, đợt cho chạy ít nhứt nửa giờ, mồ hôi đổ ra, thì thịt mới không còn mùi dê. Qua đây, tôi cải tiến cho "ông thầy" dộng một ly vodka, ông "đã đời" lả mồ hôi cũng công hiệu như thường. Cắt tiết cũng không phải dễ ! Tay mơ cắt nhằm động mạch thì huyết ít, lại đục và tanh rình ! phải biết chọn đúng tĩnh mạch, thì tiết vừa nhiều, vị thơm và bổ dưỡng nữa. Một phần tiết pha rượu, phần còn lại đánh tiết canh, hai món nầy hợp lại là thứ thuốc cường dương ngoại hạng đó !

Chú Năm đành phải hớp một ngụm rượu, "hà" một cái ra vẻ hài lòng :

- Rượu nầy coi bộ "dẫn" ghê à !

- Đây là thịt dê bảy món ! thứ nào cũng ngon đặc biệt hết, nhưng tiết canh dê độc đáo mới chính là món ruột của sáu Ngầu ! chưa nếm qua chết không nhắm mắt đó nhe !

- Xin giới thiệu với anh, sáu Ngầu là tổ sư tiết canh tại vùng Nam Cali, anh lừng danh nhờ đánh tiết khéo, ngon đặc biệt, mà tài nhứt là bất cứ lúc nào bạn bè đến chơi cũng biến hóa ra ngay dĩa tiết canh vịt thơm phức để đãi đằng !

- Thế thì lúc nào anh ấy cũng nuôi cả bầy vịt ở nhà à !

- Anh ta chỉ nuôi năm, sáu con vịt nhưng lại phát minh ra kỷ thuật lấy tiết thần sầu quỷ khốc, không ai ước lường nỗi ! Khi cần anh dũng ống tiêm rút mỗi con một ống đủ để đánh tiết, trộn với lòng gà, thành món nhậu hấp dẫn ngon lành ! Còn mấy con vịt bị rút máu hả ? mất một ống máu thì nhằm nhò gì ! chúng chỉ siểng niểng một chút, cho ăn uống bình thường thì mấy ngày sau có thể tái diễn món tiết canh nữa được rồi !

Thuở nhỏ, chú Năm nghe thân nhân kể chuyện, vài nơi ngoài Bắc, nông dân làm tiết canh bò bằng cách cho đĩa trâu bám vào cổ bò hút máu no nê, đoạn rạch xẻ đĩa vắt máu làm tiết canh. Chuyện đó nghe đã rùng rợn rồi, nhưng xem ra vẫn chưa mang được tính chất ma quái "dracula" như phương pháp rút máu tân kỳ của sáu Ngầu.

Chú Năm lợm giọng buồn nôn, chú nhờm gớm các món ăn thực hiện bởi bàn tay tàn nhẫn lạnh lùng của sáu Ngầu, chú bực bội khó chịu với mọi người : thực khác nào chẳng đồng lõa với trò ăn uống ác độc đó ! Chẳng muốn nhìn mặt ai, chú lơ đảng rồi bàn tiệc đi rửa mặt, vô tình chú thấy tượng Phật Di

Lặc[28] được gia chủ thờ trong cái trang thần tài đặt trệt dưới thảm hại phòng khách. Tượng tạc chân dung vị hòa thượng mập mạp, mặc áo phơi ngực, bày bụng to, chung quanh có sáu đứa bé quấy nhiễu…, mà vẫn hoan hỉ mỉm cười. Nụ cười Di Lặc có công năng xoa dịu tức khắc phiền não vô cớ của chú. Chú than thầm : "Bồ tát thỏng tay vào chợ độ đời mở toang sáu căn : tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý, tiếp xúc với trần cảnh mà vẫn ung dung tự tại, trong khi mình mới nghe chuyện trái ý một chút thì sân si đã rậm rật rồi ! Mỗi người mỗi ý, ai có sở thích nấy, có lề lối hưởng thụ khác nhau, sao mình khắc khe thắc mắc chuyện người ! Huống chi, anh sáu Ngầu tuy có lối phục vụ miếng ăn cầu kỳ một chút, nhưng anh là kẻ cần cù, tận tụy dùng trăm phương ngàn cách, cốt tạo ra món ngon dâng hiến bè bạn. Công lao cực khổ, lòng hi sinh của anh, lẻ ra mình phải thấy để tùy hỷ công đức tán thán, chớ đâu thể vô ơn bất mãn như vầy được !". Chú vui vẻ hội nhập với anh em, rồi cất tiếng :

- Cảm tạ anh sáu Ngầu ! món ăn nào của anh đều độc đáo và ngon đặc biệt cả !

Xây qua Thịnh, chú ra vẻ trêu ghẹo :

- Bộ hết chuyện chơi ! sao mầy đem thờ Bồ Tát Di Lặc ở dưới đất vậy Thịnh!

- Đó là tượng Thần Tài ! mầy không biết sao hỏi lếu láo vậy ?

- Ai chỉ dẫn mầy thể thức thờ phượng đúng sai tao không lạm bàn ! nhưng theo tao hiểu thì đó là tượng Bồ Tát Di Lặc chớ không phải là Thần Tài !

Tao là kẻ làm ăn, dĩ nhiên thờ Thần Tài, chớ mắc mớ gì tao đi thờ Di Lặc ! chuyện thờ phượng mà mầy đùa dai chi lạ thế ?

Người Trung Hoa tạc tượng Di Lặc và Thần Tài giống nhau về hình dáng mập mạp, miệng cười tươi, áo phơi ngực, lộ bày bụng to tròn…, nên rất dễ làm lẫn, nhưng thật ra, họ cũng tạo ra những điểm sai biệt rõ rệt, diễn tả ý nghĩa thâm trầm khác nhau. Tượng Di Lặc ngồi ngay thẳng, có đám con nít hoặc năm, sáu, mười tám đứa leo trèo, chọc phá. Tượng đứng thì có mang túi vải, có hoặc không có trẻ nít. Dù đứng hay ngồi, tượng Di Lặc với nụ cười từ bi hỉ xả, thể hiện tinh thần nhập thế độ đời mà không nhiễm bụi trần. Tượng Thần Tài không có con nít và túi vải. Tượng ngồi tại hơi nghiêng một bên hoặc hơi ngửa ra sau vững chải thoải mái; tượng đứng vươn vai hai tay ngửa lên trời khỏe khoắn đã đời; nét chính nổi bật của tượng thần tài là tính

chất may mắn, thành công và thỏa mãn hưởng thụ. Tượng Thần Tài rất hấp dẫn ở Hoa Kỳ, người ta gọi là Lucky Buddha…

Một anh đang ngồm ngoàm món dê hầm thuốc Bắc, hào hứng góp ý :

- Đúng rồi ! tôi đọc tuần báo News, thấy họ quảng cáo rùm beng tượng "Lucky Buddha", họ tuyên bố là mỗi ngày chỉ cần xoa bụng tượng van vái thì cầu xin gì được nấy, không công hiệu hoàn tiền lại trăm phần trăm. Quảng cáo còn đăng tên tuổi địa chỉ cả trăm nhân chứng xác nhận đã hốt bạc nhờ xoa bụng tượng. Thằng Mỹ trưởng phân xưởng tôi, đạo công giáo gộc, mà cũng tin như điên. Hắn rinh về hai ông, thường khoe từ ngày có tượng, công danh lên như diều…

Một người khác, có lẽ thuộc hàng đệ tử gia chủ, cũng lên tiếng :

Đại ca ạ ! Con nít là thứ phá hoại, hao tài tốn của chớ đâu phát tài được ! anh bạn nầy bàn nghe có lý phải không đại ca !

Thế thì bỏ mẹ tao rồi ! tao chê tượng thần tài cũ nhỏ, mới thỉnh tượng mới nầy ! Lầm lộn như vầy chẳng biết có "xúi quẩy" không ? Nè ! theo mầy thì thờ tượng Di Lặc có hên không ?

Tao chỉ biết đặc trưng tượng Di Lặc là đức hỷ xả vô lượng, thờ Ngài để học hạnh buông bỏ hận thù, buông bỏ thành kiến cố chấp, buông bỏ lòng tham đắm tiền tài, danh vọng… tao nghĩ thờ Di Lặc để học được hạnh buông bỏ là may mắn đặc biệt đó, nhưng thật ra, hên xui là tùy theo quan niệm riêng của mỗi người, tao chẳng dám có ý kiến a !

Trời đất ơi ! làm ăn ai chẳng mong phát đạt, tiền bạc thâu vô càng nhiều càng tốt ! buông bỏ gì nỗi mà buông ! Thịnh cất tiếng thở dài thậm thượt, rồi tiếp tục rên rỉ :

Ôi ! thảo nào từ ngày rước tượng về, công việc làm ăn của tao đình trệ hẳn ra, còn chuyện hao tài tốn của thì ào ào đưa tới ! Mầy nghĩ coi, bạn bè thân quyến, ngay cả thứ bà con xa lắc "bắn cà nông không tới", ai cũng than thở, kêu réo xin tiền, riết rồi tao chịu đời hết thấu !

Câu chuyện khởi đầu như trò đùa, không ngờ lại khiến gia chủ rầu rĩ, sợ sệt thất thần, và do đó, thực khác cũng chịu vạ lây, ăn nhậu ngại ngùng, ngưng trệ. Chú Năm đành an ủi bạn :

- Hơi sức đâu mầy lo lắng thái quá vậy Thịnh ! Thờ lộn thì thờ lại ! Mai mầy ra phố Tàu, để chắc ăn mầy mua ngay hai tượng Thần Tài, một đứng một ngồi, thờ lủ khủ gỡ gạc lúc thờ lộn cũng được mà !

Ngưng một lúc, chú Năm thân mật và chân tình tiếp lời :

Nói cà rởn với mầy vậy thôi ! chớ thật ra, tao nghĩ cái gì cũng không qua thuyết "nghiệp báo", họa phước do mình tạo, đã gieo hạt giống nào thì phải lãnh quả nấy, chớ không phải do tượng linh hay không linh đâu !

Một anh chàng trẻ tuổi, phách lối thô lỗ chận ngang :

Đ… mẹ ! ở xứ Mỹ nầy, khôn sống dại chết, mạnh được yếu thua…, giàu sang do bàn tay và đầu óc của mình chớ chẳng do nghiệp báo, Trời Phật gì ráo ! Tui chỉ tin tui, chớ đếch có tin Trời Phật gì hết ! Trời Phật có ngon, báo cho thằng nầy biết sáu số lô tô, cho thằng nầy trúng ngay mười triệu thì họa may thằng nầy mới tin nỗi ! hà ! hà !….

Lời nói ngang bướng của tay nhậu nầy, nếu vài năm trước chú Năm nghe có lẽ chú khó chịu, giờ đây nhờ suy gẫm tinh thần Di Lặc, chú bình thản mỉm cười thông cảm. Chú nghĩ mỗi người hình dung Phật mỗi khác. Anh ta đồng hóa Phật như loại thần hạ cấp, sẵn sàng ăn hối lộ ban phước họa, và có lẽ, anh đã dụ dỗ "Phật !", hứa hối lộ nồng hậu để được báo mộng lô tô hoài mà chẳng thấy nên mới nổi nóng như vậy. Dĩ nhiên "Phật !" theo kiểu của anh ta, không dính líu gì với Đức Phật, vị đạo sư mà chú Năm nguyện nương tựa học tập hạnh nguyện của người để tìm đạo giải thoát. Chú Năm yên lặng, nhưng Thịnh lại lên tiếng gây :

- Xì tốp dùm tao đi Quan ! Đừng phát ngôn bừa bải tại nhà tao ! Xui xẻo cả lũ thì sao ?

Thịnh chỉ sợ xui thôi, chớ trong thâm tâm chắc hắn cũng tán đồng với tên Quan nầy. Hắn rất khoái châm ngôn mạnh được yếu thua và rất tự hào về tài ba xảo thuật giúp hắn thành công tại xứ người, hắn chỉ nghĩ đến Trời Phật chẳng qua là để lợi dụng : chỉ bỏ chút đỉnh công thờ cúng mà được lợi to, vậy thôi.

Bất ngờ, sáu Ngầu, con người vốn lầm lì ít nói, bỗng tò mò hỏi :

- Hồi nảy, anh nói thờ tượng Di Lặc để học buông bỏ, nhưng buông bỏ cái gì nỗi với đám con nít leo trèo phá phách vậy anh ?

- Thưa, sáu đứa con nít là tượng trưng cho sáu căn : tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý. Khi tiếp xúc với đời, sáu căn lăn xăn quay cuồng, khiến cho thương yêu, ganh ghét, vui buồn, hờn giận phát sanh. Bồ Tát cũng tiếp xúc với đời, cũng thả lỏng sáu căn tức sáu đứa con nít ra, nhưng không bị sáu căn quay cuồng làm loạn động, vì biết buông bỏ không đắm nhiễm, do đó, nụ cười lúc nào những tỏa ra niềm an lạc, từ bi và hỷ xả… Thờ tượng Di Lặc nhằm học hạnh buông bỏ thù hận, thương yêu ganh ghét…, để biết sống an lạc trong hiện tại.

- Nầy anh Thịnh ! anh không thờ tượng Di Lặc, thì cho tôi xin vậy !

Tên đồ tể khát máu mà đòi thờ Phật ! Chú Năm thoáng nghe hơi lùng bùng lỗ tai, vì không hiểu mình đang mơ hay tỉnh.

Quan cười sặc sụa, hổn hào ré vang :

- Ối trời đất ơi ! tận thế đến nơi rồi ! sáu Ngầu đòi tu bà con cô bác ơi !

Không đếm xỉa gì đến lời trêu ghẹo của Quan, sáu Ngầu nghiêm trang hướng về chú Năm cất tiếng :

- Tôi có mối hận thù hơn hai mười lăm năm nay vẫn đeo đẳng tôi, khiến con người tôi luôn luôn bị ray rức dằn vật, khổ sở triền miên. Tôi hy vọng tượng Di Lặc sẽ nhắc nhở tôi buông bỏ để an vui với nếp sống bình thường…

Trầm ngâm thả hồn quay về dĩ vãng, sáu Ngầu chậm rãi kể lể :

- Đêm hôm đó, anh ruột tôi, một nhà giáo hiền lành tại Cầu Voi, Tân An bỗng bị bọn sát nhân tràn vào nhà, lên án tử hình, rồi cắt cổ anh tôi như cắt cổ con vật. Cảnh tượng rùng rợn đó xảy ra lâu lắm, mà tôi vẫn cảm tưởng như mới ngày hôm qua. Tôi đã thề nguyện sẽ trả thù, đích thân cắt cổ bọn chúng từng tên. Tôi rất quyết tâm, nhưng chuyện tầm thù lần lần trở thành vô vọng, nhứt là sau khi tôi đã lưu lạc đến xứ nầy. Tuy nhiên, niềm khao khát trả thù vẫn sôi sục, rồi có cái gì thúc đẩy tôi đổ dồn căm hờn lên đầu những con vật. Khi cắt tiết dê tôi thích thú như chính mình đang cắt cổ những tên khát máu ngày xưa, khi rút máu vịt tôi khoan khoái cảm tưởng như đang hành hạ bè đảng tham ô rút tỉa máu dân lành. Thế nhưng sau giây phút sung sướng ngắn ngủi đó, tôi luôn luôn trở về với sự thực, để rồi bao ăn năn, xao xuyến ray rức ngày đêm. Tôi phải học tập buông bỏ thì họa may mới thoát khỏi ám ảnh ma quái nầy…

Chú Năm rất muốn nhắc lạc câu chuyện của Vô Não cùng với thiền ngữ "quăng dao đồ tể, ngay đó thành Phật"[29] để nung chí sáu Ngầu, nhưng ngần ngại rồi chỉ dè dặt an ủi :

- Tôi thật không ngờ anh Sáu có tâm sự buồn thảm như vậy ! Đúng đó anh Sáu, chuyện hiện tại vui buồn mình đã nên buông bỏ rồi, huống chi chuyện xa xưa. Mình ôm ấp thì chỉ mình bị khổ sở thiệt thòi mà thôi.

Dường như sáu Ngầu còn muốn bày tỏ thêm điều chi nữa, nhưng chủ nhà đã cười vui, tiệc rượu khởi sắc trở lại, tiếng hò hét cụng ly rộn ràng, khiến sáu Ngầu im bặt.

Chú Năm từ giả ra đi vào nửa khuya, thoải mái như vừa thoát khỏi một con trốt mù mịt. Chú hứa cuội với Thịnh sẽ trở lại nhà bạn ngủ nghỉ, nhưng lặng lẽ đi thăm Hoàng rồi trốn tuốt về Arizona mất dạng.

Sợ bị Thịnh chưởi, chú êm ru chẳng dám liên lạc thăm viếng gì cả. Chắc Thịnh cũng phiền chú, nên mãi đến hơn năm tháng sau mới điện thoại qua :

- Ê ! Năm !, tiếng Thịnh reo dòn tan vui vẻ.

- Tao nghe đây !

- Mầy qua Cali chơi mà được việc cho tao quá !

- Khỉ ! "phá mồi ăn hại thì có !

- Thiệt mà ! nhờ mầy chỉ vẽ cho tao thờ đúng tượng Thần Tài nên Thần Tài gõ cửa tao lu bù ! Ha ! ha ! tao thỉnh luôn ba ông, một ông ở văn phòng, hai ông ở nhà. Tại nhà, thì thắp nhang mỗi ngày, ở văn phòng thì xoa bụng van vái như bọn Mỹ, có lẽ, nhờ vậy nên hên không tưởng tượng nỗi ! áp phe vô ào ạt…

- Tiền tài vô ngọt như vậy là quá đẹp rồi ! thôi thì mầy cũng nên bỏ bớt một mớ đem cầu phước, cầu đức đi mầy !

- Giỡn hoài mầy ! tao chỉ cần tiền ! cầu tiền vô thôi ! có tiền thì mua tiên cũng được ! còn phước đức thì mua được thứ gì vậy mậy ?

- Ơ ! thì đề nghị chơi vậy mà !…

- Ê Năm ! tao vừa tìm ra một nghề mới cho mầy nè ! khỏe mà tiền vô đều đều hà !

- Nghề gì vậy cha ?

- Nghề "giặt tiền"[30] ! Mấy văn phòng dịch vụ của bọn tao cần phi tang những tấm chi phiếu của tụi bảo hiểm trả tiền để khỏi phải khai thuế. Tụi tao cần người tin cậy, giao chi phiếu đến ngân hàng lãnh tiền mặt ăn hoa hồng. Nghề nhàn nhã, mỗi ngày tà tà xách samsonite đi chừng hai tiếng, thế mà mỗi tháng thu vô năm sáu ngàn "đô" như chơi ! chịu không ?

- Nguy hiểm thấy mồ !

- Hừ ! đàn bà người ta cũng làm ào ào mà có sao đâu ? thân mầy như trâu ai dám phục kích giựt tiền mà sợ !

- Hì ! hì ! sợ là sợ con mụ vợ của tao ! Nó thấy tao diện kẻng xách samsonite đi mỗi ngày, nỗi cơn ghen phục kích đánh ghen mới nguy hiểm khôn lường chớ ! thôi mầy biết tính tao mà ! tao cám ơn mầy thương tao, muốn giúp tao, nhưng tao an phận nghèo với nghề công nhân mạt hạng mà ! A ! còn sáu Ngầu độ rày ra sao ?, chú Năm hỏi lảng sang chuyện khác.

- Thật là chuyện kỳ lạ bốn phương, khó tin mà có thật ! Lưu linh mà nó cai rượu, cai thuốc mầy ơi !

Thịnh kết thúc cuộc điện đàm bằng tràng cười sung mãn yêu đời.

Cuộc điện đàm tưởng vẫn còn văng vẳng bên tai, thế mà, chỉ hai tuần sau, chú Năm lại nhận được tin buồn của bạn. Thịnh bị giết bí mật và thảm khốc. Kẻ gian đã đập đầu anh ta như một con vật, cột chung trong bao với viên đá to tướng, quăng xuống biển phi tang, nhưng bằng sức mạnh nào, xác chết của Thịnh vẫn vọt lên mặt nước, để phô bày ra ánh sáng vụ sát nhân. Chú Năm tức tốc về Cali để kịp thời dự tang ma bạn. Chú nghẹn ngào trước cổ áo quan, muốn cất tiếng vỗ về, an ủi mà ấp úng chẳng nên lời. Một vị đại đức đang đơn độc tụng kinh cầu siêu, trong khi vợ con khóc lóc kêu gào kể lể từng cơn, và đám bạn bè tụm năm tụm ba xầm xì bàn tán hàng trăm giả thuyết về nguyên nhân án mạng. Chú Năm nghĩ giờ nầy có lẽ hồn bạn lẩn khuất đâu đây, đang nghẹn ngào tức tưởi, căm căm thù hận, rối ren thương tiếc miên man…, mà thời tụng niệm lại đơn sơ, lạc lõng thì làm sao có đủ tha lực trợ giúp cho thần thức siêu thoát được. Chàng chỉ mong Thịnh nhớ lại hình ảnh tượng trưng của tượng Di Lặc, để buông bỏ tất cả và nhẹ nhàng

ra đi, nhưng âm dương hai ngả làm sao giải bày. Chú thì thầm : "Buông bỏ ! Thịnh ơi ! tất cả đều giả tạm đừng luyến tiếc Thịnh ơi !… ".

Thời tụng niệm vừa chấm dứt thì sáu Ngầu len lại đứng gần chàng nói nhỏ:

- Cảm tạ anh tạo duyên cho tôi thờ tượng Di Lặc. Tôi đã buông bỏ được hận thù, bỏ được tật nhậu nhẹt và sống bình thường rồi anh. Niềm vui của tôi bây giờ, là làm việc có tiền gởi quà cho đám cháu ở nước nhà, ngoài ra, tôi cũng bắt đầu học hỏi Phật pháp, để tập giữ lòng bình an, thư thái nhẹ nhàng. Thật tội cho anh Thịnh không biết có phải vì việc cho tôi tượng Di Lặc mà ảnh gặp chuyện chẳng may không ?

- Không đâu ! anh ấy điện thoại cho tôi khoe là nhờ thay đổi tượng Thần Tài mà anh ấy hên vô cùng, còn vụ nầy thì kể ra…

- Thần Tài cũng lại gõ cửa nữa !

Cũng tên Quan lấc cấc quen tật phát ngôn bừa bãi, ồn ào chen vào. Hắn thô lỗ chẳng giữ gìn ý tứ, cứ ong óng như chỗ không người, mặc cho thiên hạ bực bội, phớt lơ tiếp tục câu phê phán "xanh dờn" :

- Thần Tài linh ứng quá cỡ đa ! ảnh mới đóng bảo hiểm nhân mạng cách nay một tuần lễ, thì Thần Tài đã gõ cửa cái rụp…, tiền bạc lại vô cái ào !

Rồi nhỏ giọng như than thở một mình, hắn nói tiếp :

- Có điều tiền vô bằng cách nầy thì cũng hơi trớ trêu một chút !

Tháng 8.1993

---o0o---

TÌNH NGHĨA XƯƠNG RỒNG

Kể từ ngày chồng đi Nam Cali thăm bạn trở về, thím Năm bỗng linh cảm con người chú có cái gì là lạ, đáng nghi lắm ! Chú trầm ngâm buồn rười rượi, đôi khi lại còn buông tiếng thở dài não ruột nữa. Thím ngấm ngầm theo dõi biến chuyển tâm tư chồng "sát nút", đoán già đoán non đủ mọi chuyện. Cuối cùng, thím nhận thấy không lý do nào đứng vững hết, ngoại trừ chuyện tình cảm. Chú vừa được tin buồn của người yêu nào đó ngày xưa và bị chấn

động bởi mối tình cũ nghĩa xưa chăng ? Nghĩ đến đó bỗng dưng thím cảm thấy nghèn nghẹn khó thở ! "Cái gì kỳ vậy, chẳng lẽ già đến từng tuổi nầy mà mình lại còn ghen bóng ghen gió sao ?", thím bối rối tự hỏi lòng mình. Mấy năm nay, thím tự hào mình tu dưỡng tâm tánh tiến bộ, không còn đổ ghè tương nữa, té ra, máu ghen của thím vẫn còn nguyên vẹn, ngấm ngầm và mãnh liệt như xưa. Thím lau dọn bếp mà không bỏ sót "nhứt cử nhứt động" nào của chú. Chú mở truyền hình mà lòng dạ chú thẩn thơ chuyện đâu đâu, rồi chú chợt buông tiếng thở dài, ngâm nga nho nhỏ:

"Ví dầu, tình bậu muốn thôi !

Bậu gieo tiếng dữ cho rồi bậu ra…"

Rõ ràng là nhớ nhung người tình cũ nào, rồi thở than đây mà. Thím hết chịu nỗi, bỏ dở vụ dọn bếp, cố gắng giữ bình tĩnh tối đa, vậy mà thím cũng run giọng, cười gằng nói nửa chơi nửa thiệt với chồng:

- Chà, con nào bảnh quá ! dám gieo tiếng dữ cho chồng tui, rồi bỏ rơi vậy cà !

Chú Năm cười ngặt nghẽo:

- Ối giời ơi ! nghe nói độ rày tu tập hạnh xả ly, mà sao lại trổ mòi ghen rồi!

- Ơ ! ai thèm ghen ! thấy chuyện đáng nghi thì hỏi chơi cho biết vậy thôi !

- Hay quá há ! vợ tui tu thiền mà canh cánh "đại nghi", vậy thì chắc sắp "đại ngộ" tới nơi rồi đa !

Chú cười giỡn mà nhìn mặt mụ vợ thấy "nường" mặt mày xanh dờn như tàu lá, không nỡ đùa dai, nên vội vã trấn an:

- Thôi xin can bà ơi ! tôi than thở đây là than thở cảnh ngộ đớn đau của thằng Hoàng. Nó qua sau, lờ khờ nghèo đói thất nghiệp, vợ nó khinh khi hất hủi mà không thẳng thắn nói thật lòng mình, lại bới tìm chuyện cũ hai mươi năm về trước, để trách móc tạo cớ bỏ nhau, lòng dạ đàn bà thật là… ngoắt ngoéo lạ lùng…

Đàn bà vốn chịu khó ngồi lê đôi mách, bàn tán chuyện người. Thím đã được bạn bè báo cáo từng biến chuyển của mối tình Hoàng Mai, với đầy đủ tình tiết éo le gây cấn. Thím dấu biệt chồng chuyện nầy, vì sợ chồng nghe rồi sẽ

buồn lây vô ích. Thím đã quá rành vụ đó, nhưng đang lỡ cỡ quê quê với cơn ghen bóng gió tào lao, nên thím bèn giả vờ "ngây thơ cụ", mở mắt tròn xoe như con nai vàng ngơ ngác:

- Trời ơi ! không lẽ chị Mai tệ bạc như vậy sao anh ?

- Nếu anh không đích thân nghe anh Hoàng kể, anh cũng khó tin con người nổi tiếng là mẫu mực, "đức hạnh khả phong" như chị ấy lại hành động như vậy !

Trầm ngâm thật lâu để hồi tưởng buổi hội ngộ với bạn vừa qua, chú Năm bùi ngùi tiếp lời: "Khuya hôm đó, anh lần mò tìm đến cây xăng Exxon, tại Santee, đậu xe xa xa rồi lẳng lặng đi bộ đến gần quan sát hắn. Bao năm trời lao động cải tạo đã biến đổi con người đường bệ, sang trọng ngày xưa thành một kẻ lụ khụ, gầy gò, khắc khổ. Anh xúc động rưng rưng nước mắt, chờ vắng khách mới bước tới quầy tính tiền lên tiếng:

- Hoàng ! sao mầy lánh mặt anh em ! khiến tao phải trầy vi tróc vảy mới tìm được mầy !

Hoàng cũng lạc giọng:

- Thật không ngờ có ngày mình lại gặp nhau ! tao trốn hết mọi người vì xấu hổ chuyện nhà, chớ đâu có trốn tránh riêng mầy !

Mới nói mấy câu, thì lại có khách hàng đến, Hoàng vội nói:

- Nơi nầy nói chuyện hơi bất tiện ! Ngày mai mình gặp nhau tại quán phở Hòa lúc 8 giờ sáng được không !

- Không ! tao ở đây chờ mầy xong "ca" làm việc, rồi theo mầy về chỗ trọ, nói chuyện bên nhau trọn ngày đêm mới hả dạ !

- Không tiện lắm đâu ! chỗ tao ở chật hẹp lôi thôi lắm !

- Hoàng ! tụi mình là bạn chí thiết, đã từng đói rách ăn ngủ bụi đời với nhau. Sao mầy lại trở chứng khách sáo với tao như vậy !

Hoàng còn muốn chống chế, nhưng nhìn vẻ quyết liệt của anh đành chịu thua. Thế rồi, Hoàng bối rối đưa anh về chỗ trú ngụ, một chung cư tồi tàn dành cho người lợi tức kém, phòng khách vừa là phòng ngủ chỉ vỏn vẹn có

chiếc nệm đơn đặt dưới đất và cái bàn con, vừa để ăn uống vừa viết lách. Hoàng ngượng ngập nói:

- Như vậy, kể ra đã sang trọng quá sức, so với thời học tập cải tạo rồi !… Mầy nghĩ coi ! tao làm đồng lương tối thiểu thì chỉ đủ trả tiền nhà, ăn uống tiện tặn và gởi chút đỉnh tiền về cho gia đình là sạch trơn, đâu còn tiền mua sắm gì nữa!

- Rồi mầy ăn uống ra sao Hoàng ?

- Ối ! thì tao nấu nồi thịt kho, ăn hoài hoài suốt tuần. Hết thì nấu nồi khác. Đi cải tạo ăn độn, ăn cơm muối hột thì sao ?

Hai anh em nằm gối đầu bên nhau tâm sự như thời trai trẻ ngày xưa. Anh nhắc nhở những kỷ niệm học trò để "hâm nóng" lại tình bạn xa vắng bấy lâu, rồi mới yêu cầu Hoàng thuật lại thời tù cải tạo. Nghe Hoàng từ từ kể lể quãng đời khổ nhục, một cách nhẹ nhàng, không chưởi bới sân hận, không than van oán trách, anh cảm phục lên tiếng:

- Mầy bị như vậy, mà không lộ chút thù hằn, hay thiệt !

Hoàng mỉm cười giải thích !

- Thuở nhỏ đến chùa Xá Lợi nghe thuyết pháp, rồi lãng quên không nhớ nghĩ gì đến. Thế mà, khi lâm cảnh tội tù, thì thời pháp về giáo lý tứ diệu đế, lại hiện về, tạo thành thứ hành trang vô giá cho tao trong tháng ngày cùng khổ. Tao chiêm nghiệm "chân lý khổ", nhận chân được bộ mặt thực của cuộc đời, nên đã đón nhận niềm đau như người bạn đồng hành, suốt đời kề cận chẳng rời, nhờ vậy không còn cảm thấy khổ cũng không thấy có kẻ hành hạ mình nữa. Thân thể tao bị giam giữ mất tự do, mà tinh thần tao, nhờ ơn mưa móc của Phật Pháp, lại thênh thang không ràng buộc, tao tìm được những giây phút thanh thản, an vui…, mà nảy sanh lòng thương xót cho những kẻ, tuy thân thể được tự do, nhưng chính ra họ đang bị lưu đày chung thân trong ngục tù chủ nghĩa rỗng tuếch, trong hận thù ảo tưởng, trong si mê dốt nát triền miên. Thời gian tù tội nầy, tao sống an phận ngày qua ngày, chẳng thèm lo lắng, ưu tư gì hết, nào ngờ, khi được phóng thích, thì đầu óc tao lại rối ren trăm mối: chộn rộn sanh kế, phập phòng sợ hãi công an, bâng khuâng tương lai mù mịt, nhung nhớ vợ con khôn nguôi… Tao đôn đáo chạy lo hồ sơ đoàn tụ, "tiền mất tật mang", để rồi chán ngán đếm từng ngày lê thê đợi chờ vô vọng. Cuối cùng, nhắm không đủ sức chịu đựng nỗi, tao quyết định vượt biên. Tao móc nối với một tổ chức đi chui ngả Phan Thiết, và vào

ngày giờ đã định tao đi xe đò ra tỉnh lỵ nầy, đến điểm hẹn tại quán ăn đường Lê Lợi, ăn uống cầm chừng mà chờ đợi. Đúng sáu giờ chiều, người hướng đạo xuất hiện, ra dấu cho tao bước theo sau, ước hẹn giữ khoảng cách chừng mười lăm thước, để theo ra Bến Đò, tại đây, như đã được sắp xếp trước, tao sẽ được đưa lên thuyền chèo để chuyển sang tàu đánh cá. Đi bộ chừng nửa giờ, khi Bến Đò vừa ló dạng thì bỗng nghe nhiều tiếng súng nổ, rồi có tiếng hò hét đuổi bắt những tên vượt biên phản động. Tao lo sợ cuống cuồng tìm người hướng đạo cầu cứu, nhưng chỉ mới thoáng đó là y đã biến dạng đâu mất rồi. Tao quày quả trở lại, lang thang trên những đường phố đông người qua lại mà chẳng biết phải giải quyết cách nào. Xứ lạ không một người quen, biết tìm đâu ra chỗ dung thân qua đêm ? Tao lầm lũi tìm đến một con lộ vắng vẻ, định chui vào một góc tối om, nằm im chờ sáng… thì có tiếng chó sủa, người nhà vác gậy gộc ra đối phó với phường trộm cắp. Tao luýnh quýnh xin lỗi, rồi vội vã bước nhanh mà vẫn còn nghe được tiếng lầm bầm chưởi bới thô tục của gia chủ. Tao đổi hướng đi, theo những con đường sáng sủa, và bất ngờ, tao lạc bước đến ga tàu hỏa Phan Thiết. Nhà ga đông cả ngàn người, phần lớn là dân buôn bán hàng lậu, họ ngủ đêm để sẵn sàng xếp hàng mua vé đi chuyến xe lửa khởi hành lúc năm giờ sáng. Được lẫn lộn trong đám đông cũng đỡ lo, nhưng họ ngủ đêm tại nhà ga thì đã chuẩn bị chiếu hoặc tấm nylon để nằm, còn tao thì trụi lủi chẳng mang theo thứ gì, nên đi tới đi lui, ngồi gần đám nào cũng sợ họ nghi ngờ. Cuối cùng, tao khám phá ra một cái nền tráng xi măng, người ta nằm thành hai hàng, và tao cũng chen nằm theo họ. Tưởng đã thoát nạn, nào ngờ chừng một giờ sau, thì có hai chiếc xe công an, bao vây nhà ga, inh ỏi dùng loa phóng thanh, kêu gọi đồng bào giữ trật tự để họ lùng bắt bọn phản động lẫn trốn trong nầy. Họ chia từng toán lục soát rất kỹ. Tao nghĩ đời tao kể như tiêu rồi, tao muốn bình tĩnh không sợ hãi, mà vẫn cảm giác rõ rệt tóc gáy tao dựng đứng lên, trong khi mồ hôi lạnh ngắt toát ra từng hồi. Một toán ba tên công an trách nhiệm khu sân xi măng tao nằm, một tên chận phía ngoài, giữ những kẻ tình nghi, hai tên còn lại mỗi tên phụ trách một hàng, lần lượt tra xét giấy tờ từng người. Tao thấp thỏm chờ đợi tới phiên tao, như một tử tội chờ máy chém rơi xuống cắt đầu. Từ thuở giờ, tao chủ trương tự lực, gieo nhân nào thì lãnh quả nấy, nghiệp mình mình chịu, và do đó, chẳng mấy đồng ý với pháp môn niệm Phật hay niệm Quán Âm. Nhưng đến lúc đó, không còn cách nào khác, tao chỉ biết tập trung tinh thần niệm "Nam mô cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát". Khi công an xét giấy tờ người nằm sát bên tao, tim tao đập thình thịch thiếu điều muốn nhảy tung ra khỏi lồng ngực, tao nhắm mắt lại niệm lấp vấp loạn xạ. Mấy phút nặng nề trôi qua mà chưa thấy tên công an khều ngồi dậy để xét giấy tờ, tao vội mở mắt hí hí xem thử, thì té ra nó đã xét qua khỏi chỗ tao rồi. Tao thoát nạn một cách kỳ diệu, may mắn không

thể tượng nỗi, và tất cả niềm tin của tao đặt trọn vào nguyện lực nhiệm mầu của Quán Thế Âm Bồ Tát ! Mầy có tin nỗi điều nầy không Năm ?

- Dĩ nhiên là tao tin ! Khi mình niệm danh hiệu Quán Thế Âm nhất tâm, thì mình có thể ở trong trạng thái thiền định, khiến xác thân biến mất trước nhục nhãn của con người. Trong thiền sử, có kể đến vị thiền sư quán mình là nước, kẻ bàng quang nhìn không thấy thiền sư, mà chỉ còn thấy nước mà thôi. Trường hợp, niệm Quán Âm chân thành, nhất tâm bất loạn, thì chắc mình biến thành khối âm thanh, thằng công an không thấy là phải rồi !

- Mầy lầm rồi Năm ! tao niệm Quán Âm đâu được nhất tâm. Tao niệm mà tim đánh "lô tô", mắt mở hi hí dò chừng biến chuyển ! niệm lập dập chẳng ra gì hết, vậy mà vẫn hiệu nghiệm mới là điều đáng nói chớ ![31]

- Tụi nó có bắt được ai không Hoàng ?

- A ! nghe phong thanh có chừng năm người bị bắt giữ ! ưng oan không rõ ! Người ta lăng xăng bàn bạc ỏm tỏi, nhưng mình có tịch đâu dám hỏi han ai, chỉ biết nằm im thinh thít chờ đến hừng sáng, mua vé xe lửa dông tuốt về Saigon an toàn. Ba tuần sau, tao móc nối đường dây khác, vượt biên ngả Vũng Tàu. Chuyến đi nầy may mắn chẳng có gì đáng nói. Tàu cập bến Trengganu Mã Lai, tao được chuyển sang trại tị nạn sống một năm thì được vợ con bảo lãnh về Hoa Kỳ. Tao hí hửng chuẩn bị dang hai tay ôm chầm hạnh phúc, ngờ đâu, lại đón nhận niềm khổ đau chua xót tột cùng. Chắc mầy không tin nỗi điều nầy: sống trong tù cực khổ mà tao bình thản, không hề nghĩ đến cái chết, còn đến nước tự do, sung sướng tấm thân thì tao lại lảng vảng mơ chuyện quyên sinh hàng trăm lần ! Bị kẻ thù hành hạ thâm độc thật ra dễ chịu đựng hơn bị thân nhân khinh rẻ dằn vật Năm à !

- Vậy mà tao đinh ninh mầy tốt phúc nhất đời chớ ! Ai cũng khen chị ấy đảm đang đức hạnh, vừa nuôi dạy con học thành tài, vừa chu cấp cho chồng học tập đầy đủ kia mà !

- Thì chính tao cũng "tưởng bở" như vậy đó ! Chỉ đến khi tới Mỹ, thực sự chung sống với bả, tao mới biết đá biết vàng Năm à ! Mầy nghĩ coi ! ngày bước xuống phi trường tao yên chí sẽ có đông đủ thân nhân bạn bè hân hoan chào đón, ngờ đâu chỉ hiện diện vỏn vẹn hai mẹ con đợi chờ lợt lạt. Sau giây phút tay bắt mặt mừng, tìm hỏi lý do mới biết bả cố ý không thông báo cho ai hay biết gì cả ! Tao tảng lơ không thắc mắc vụ đón rước nữa, nhưng thật ra, tao tủi thân biết đến chừng nào ! Tao bị tù cải tạo vì hoàn cảnh mất nước, chớ tao đâu phải là loại tù tội lưu manh, trộm cắp gì, mà khi đón rước tao bả

xấu hổ phải dấu diếm mọi người ! Trong buổi vui mừng đoàn tụ đó, tao cứ phập phòng lo sợ cho nguồn hạnh phúc mong manh tan vỡ ! Tao thấp thỏm tự hỏi mình có hành động gì bất xứng không, mà dường như có niềm thất vọng, một chút thẩn thờ phưởng phất trong nụ cười gượng gạo của bả ?… Tao chợt ngắm kỹ bả, đem so lại con người mình, rồi nhột nhạt hiểu rõ nguyên nhân. Mầy ơi ! trong khi bả vẫn giữ được nét trẻ đẹp sắc sảo ngày xưa và chưng diện kiêu kỳ diễm lệ, thì thân tao lại lam lũ, lụ khụ, như một kẻ ăn mày. Bả mắc cỡ không cho gặp ai là phải quá rồi ! Tao bỗng dưng cảm thấy nghèn nghẹn, bao nhiêu lời, bao nhiêu chuyện mà hơn mười năm xa vắng tao ấp ủ chờ đến ngày gặp nhau tỏ bày đều tan biến đi mất. Tao lủi thủi theo bả mà ngậm ngùi chứng kiến hạnh phúc tưởng ở tầm tay đã tuột mất tự bao giờ. Về tới nhà, vừa dợm để điếu thuốc lên môi, thì bả đã hét lên như phỏng lửa. Bả lên lớp dạy tao bài học về sự độc hại của thuốc lá, chê bai cái mùi thuốc hôi hám nhơ nhớp, rồi cấm tuyệt tao không được hút thuốc trong nhà.

Hoàng dừng lại, buông tiếng thở dài, rồi buồn hiu kể tiếp:

- Mình đâu chẳng biết thuốc lá độc, nhưng thời học tập cải tạo, mạng sống đã kể như chết rồi, thì còn lo lắng chi chuyện sức khỏe nữa. Những đêm lạnh, chuyền nhau hút một hơi thuốc dài, nghe lòng cũng ấm lại… tao làm bạn với thuốc lá từ đó, chớ ngày xưa tao đâu từng phì phà khói thuốc. Thật ra, dẫu tao lỡ ghiền như thế nào, mà bả muốn tao bỏ thuốc thì tao cai ngay, đâu cần phải xài xể tao nặng nề ngay ngày tao mới chân ướt chân ráo đến nước nầy ! Tao hiểu thân phận mình, nên không hề ngạc nhiên khi bả viện cớ, mười năm qua ngủ một mình đã quen, để sắp xếp ngủ giường riêng.

- Thế thì tối, mầy có mò sang bả không ?

- Tao trằn trọc đêm nầy qua đêm khác, chờ đợi bả tỏ vẻ khuyến khích tao "mò", nhưng rồi hoàn toàn vô vọng. Có khi tao nghe lòng thôi thúc làm càn, định ôm chầm lấy bả để thủ thỉ lời thương yêu, nhưng ám ảnh bởi thái độ lạnh lùng, xa lạ của bả mà "teo" mất nguồn hứng cảm ! Hoàn cảnh tao khốn nạn như vậy đó ! có khách đến thì vợ chồng đóng kịch hạnh phúc mừng vui đoàn tụ; khách về, thì tao lại ké né, tủi thân trước thái độ ruồng rẫy khinh thường của bả. Mầy biết không ? bả coi tao như không hiện diện trong nhà, bàn bạc chuyện gì chỉ nói với con, chớ chẳng lý gì đến tao. Bà muốn mua sắm vật dụng, thay đổi trang trí, thay xe đổi nhà…, tao là thằng chẳng có cắc bạc sao dám lăng xăng ý kiến, nhưng nếu bả hỏi ý mình lấy lệ thì đỡ tủi thân cho tao biết chừng nào ! Bị bả xa lánh, tao bèn tìm mọi cách để gần gũi bả,

nhưng con người bả, giống như cây xương rồng vậy, lúc nào cũng tua tủa gai thật khó mà thân cận mầy à !

- Mụ vợ nào chẳng rắc rối khó chịu ! mụ nào chẳng là xương rồng khó ưa ! Hoàng à ! Vợ tao cũng gai góc chớ có vừa gì ! Có lần bực quá tao chỉ trích bả: "Bà hả ! Bà chính là thứ xương rồng gai góc khó ưa ! đá động gì tới bà thì bà gây gổ, cằn nhằn nhức đầu nhức óc, không ai chịu nỗi !". Thế nhưng bả lại cười xòa, chỉ trích ngược lại: "Chà ! bộ ông tưởng lúc nào ông cũng hòa nhã dễ thương sao ? có khi ông cũng sừng sộ gai góc chớ bộ !". Chừng suy nghĩ lại, tao khám phá điều nầy Hoàng ạ ! Người mình lạc lõng xứ người, vật lộn với đời sống mới, tiếp xúc nền văn hóa khác biệt, đầu tắt mặt tối quay cuồng chạy theo nhu cầu sinh sống, thét rồi tâm tính mình cũng đổi thay, tương tợ như loài cây sinh sống với khí hậu khắc nghiệt phải trang bị gai góc để sống còn. Bà xã tao đâu còn vẻ e lệ, thùy mị… ngày xưa nữa, giờ thì bả nhậm lẹ, tháo vát và cũng hay lằng nhằng gây gổ thất thường nữa ! Nhưng sống với bả thì tao cũng ráng tập thương luôn mấy cái gai của bả, chớ biết làm sao bây giờ !

- Năm à ! mầy đừng bày đặt dựng chuyện để an ủi tao ! Vợ tao mà cằn nhằn gây gổ giận hờn bình thường thì tao hạnh phúc lắm rồi ! đằng nầy, mỗi cử chỉ, mỗi lời nói của bả đều hàm chứa vẻ khinh lờn chán ghét, và điều đó mới làm tao ray rức khổ nhục chớ ! Mầy nghĩ coi ! mình mới định cư, đầu óc rối ren trăm mối, lơ đãng đi tiểu quên bấm nước dội cầu. Chuyện chẳng đáng gì, mà bả coi như đó là chuyện bần tiện kinh khủng ! Bả cằn nhằn nói tới nói lui hàng trăm lần, chê bai tao ở dơ, tao lẩm cẩm… Vật dụng linh tinh sắp xếp trong nhà, mới qua mình làm sao nhớ hết một lần, vậy mà tìm ly tách, tìm hủ đường, hộp tiêu… chậm chạp thì bị chê ngay là lẩn thẩn, cà rề… Thật ra, thì bất cứ chuyện gì tao làm, phải trái gì bả cũng biếm nhẽ, xỏ xiên, hành hạ tao cả. Mầy nghĩ coi ! quần áo tao sắm bên trại tỵ nạn, qua đây bả chẳng đề nghị mua đồ khác, tao tự ái cũng không đòi hỏi, thế mà mở miệng ra thì bả chê tao ăn bận nhà quê, vậy có vô lý không ? Bà không nói năng đến việc dợt tao lái xe. Thằng em cột chèo qua thăm, thấy tao tù túng trong nhà tội nghiệp, tập dợt, đưa tao thi bằng lái xe, rồi cho luôn chiếc xe cũ, để tao có phương tiện đi đó đi đây. Tao mừng hùm chưa yên thì bả đã lải nhải trách cứ tao bày đặt than thỉ nhờ vả với người ngoài làm mất mặt bả, trong khi đó, chỉ mới tuần trước thôi, thằng Thịnh tổ chức ăn mừng, rồi công khai đề nghị giúp tao bằng cách mướn tao làm nhân viên văn phòng dịch vụ của nó, mỗi tháng trả lương ủng hộ một ngàn năm trăm đồng. Kể ra tiền lương đó đối với tao là quá trọng hậu, nhưng vừa nghe Thịnh kể sơ sơ công việc, tao cảm thấy trong cách làm ăn của nó có điều mờ ám bất thường…, nên tuy tiếc mà tao vẫn

bấm bụng từ chối. Chuyện nầy thì trái lại, bả xỉa xói nói móc họng: "Hứ ! qua đây còn muốn làm ông là cha ai nữa, nghèo mạc rệp mà bày đặt kênh kiệu, không chịu nhờ vả bạn bè !". Bả đối với tao như vậy đó ! Tao ráng hết sức, tìm đủ mọi cách làm cho bả vui, mà càng lúc càng cảm thấy mình vụng về, và chỉ làm cho bả thêm khó chịu mà thôi ! Tao điên đầu chẳng biết phải hành động, nói năng gì cho hợp lý đây !

- Trường hợp bất mãn thường trực nầy, phải có "dĩa bánh ích" dâng nạp thì họa may mới yên cửa yên nhà được !

- Đúng vậy ! tao cũng nghĩ đến điều đó. Tuy nhiên, "dĩa bánh ích" năm xưa đã thiu rữa từ ngày mất nước rồi, còn đâu nữa mà dâng với nạp ! Biết thân phận mình, tao né bả, tao lặng lẽ ở ngoài vườn làm bạn với cây cỏ cho qua ngày !".

Thím Năm đang hấp dẫn theo dõi câu chuyện, bỗng gặp mấy tiếng lóng khó hiểu, vội lên tiếng chận ngang:

- Ơ ! ngưng cho em hỏi vụ nầy cái đã ! "dĩa bánh ích" là cái giống gì mà hai ông đối đáp nhau tương đắc quá vậy ?

Chú Năm cười ngất giải thích:

- Đó là tiếng lóng riêng của tụi anh, bắt nguồn từ câu chuyện tiếu lâm trong chùa như thế nầy: Một ông thầy tụng dẫn chú tiểu đi đám ma. Lễ lạc xong, thầy trò được đãi đằng một trận no nê, ngoài ra chủ còn ưu ái gói nguyên dĩa bánh ích giao cho chú tiểu. Thầy trò ra về đường xa. Thầy hảu món bánh ích, sướng rơn trong lòng chờ đợi trò dưng nạp mà thằng nhỏ lờ khờ chẳng biết bụng dạ thầy, cứ giữ riết bánh mà te te đi trước. Im lặng thì thiệt thòi, còn nói ra lại mang tiếng tham ăn với đệ tử, đau khổ thầy tằng hắng nhắc chừng mà thằng nhỏ vẫn ngu si chẳng biết. Cuối cùng bực bội không chịu nỗi thầy lên tiếng gây: "Bộ mầy là thầy tao ! sao mầy dám đi trước tao". Thằng bé hoảng hồn chậm bước, lẽo đẽo theo sau thầy. Thằng bé bây giờ lại ở ngoài tầm mắt của thầy, đó mới là chuyện hung hiểm khôn lường chớ ! rủi ro nó tà tà "quất sụm" cả dĩa, thầy làm sao hay biết kịp thời để chận đứng đây ! Nguy quá thầy hét vang: "Bộ tao là vịt hay sao ! mà mầy đi sau để lùa tao như vậy ?". Đi trước trật, đi sau trật, thằng nhỏ luýnh qua luýnh quýnh lướt lên đi ngang hàng với thầy cho phải phép. Nào ngờ, ông thầy liếc thấy bánh ích cầm lòng chẳng đậu, hầm hừ khiển trách: "Bộ tao là bạn mầy hay sao ! mà mầy dám đi ngang hàng với tao hử ?". Thằng bé bối rối chẳng biết phải làm sao, loay hoay cầm dĩa bánh mà vẫn ráng chấp tay kính cẩn: "Thưa

thầy ! xin thầy chỉ dạy con phải đi cách nào cho đúng !". Ông thầy coi như trò dâng bánh, quơ nhanh thồn hết vào hồ bao, rồi mới từ hòa lên tiếng: "Con ngoan ! con hiếu thảo lắm ! Ơ ! còn vụ đi đứng hả ? thầy nói cho vui vậy thôi, chớ con đi trước, đi sau hay đi ngang với thầy sao cũng được cả mà !".

Thím Năm cười rưng rức, tò mò hỏi tiếp:

- Dĩa bánh ích của anh Hoàng có phải là hào quang bạc tiền, danh vọng ngày xưa chăng ?

- Vừa thôi bà ! thắc mắc chi kỹ như vậy ! chỉ biết thằng Hoàng lớ ngớ cầm cái dĩa trống không đi tới đi lui thì chỉ làm bực mình người ta mà thôi !

- Ừa đồng ý bỏ qua vụ nầy ! anh kể tiếp chuyện anh Hoàng nhanh nhanh lên ! kẻo em sốt ruột lắm rồi !

- Đang kể nửa chừng, em hỏi giựt ngang làm anh cụt hứng rồi ! thôi để bữa khác vậy !

- Em thích nghe liền hà ! em năn nỉ mà !

Chú Năm cằn nhằn bà xã lấy lệ vậy thôi, nghe vợ vỗ về một câu là chú đã cười hì hì, trầm ngâm nhớ lại chuyện cũ, rồi thuật tiếp:

"Thế rồi anh hỏi Hoàng:

- Mầy né tránh như vậy, sao còn xảy ra nông nỗi nầy ?

- Ơ ! chiến tranh lạnh kéo dài cỡ chừng ba bốn tháng, thì con em út của bả đến chơi, thở than chuyện chồng con của nó. Con nhỏ ra về, thì bả nhắc chuyện xưa rồi trách móc tao thậm tệ. Ngày đó, chồng trước con nhỏ nầy và anh kế nó ra trường sĩ quan một lượt và đều bị đưa ra đơn vị tác chiến. Ông bà già vợ nhờ tao vận động đem về chỗ văn phòng, dĩ nhiên, là với uy thế tao lúc đó, tao dư sức làm được. Tuy nhiên, xin xỏ một lượt hai đứa tao hơi ngại, nên tao lo cho thằng em vợ trước, còn phần thằng cột chèo thì hứa sẽ gởi gấm ba tháng sau đó. Rủi ro là mới hai tháng thì thằng nhỏ bị lọt ổ phục kích chết ngũm. Chuyện dĩ lỡ rồi, không ai trách tao một tiếng. Tao ái náy xin lỗi ông bà nhạc, ổng bả còn an ủi ngược lại tao… Vậy mà, bây giờ cô em vợ có chồng khác, con cái cả bầy, thì bà xã tao lại đem chuyện xưa ra càm ràm, tao không còn nhịn nhục nổi, nên lời qua tiếng lại. Cuối cùng, tao giận

lẫy: "Được rồi ! bà chán tui thì để tui đi cho khuất mắt bà !". Tưởng bả ngán, ngờ đâu lại trúng kế bả, bả thách thức: "Hứ ! tui không xua đuổi ai hết ! còn ở xứ tự do nầy, ai muốn đi đâu thì đi ! đừng hòng bày đặt dọa nạt con nầy…". Tao lui cui soạn đồ, rồi lầm lũi lái xe ra đi, mà chẳng biết tìm đến chốn nào. Trên đường lang thang tìm một khách sạn hẻo lánh mong thực hiện êm thấm ý nghĩ quyên sinh đang lởn vởn trong đầu, tao ngừng lại đổ xăng tại đây. Cây xăng treo bảng cần người, tao vừa điền đơn thì may mắn được ngay người quản lý Việt Nam phỏng vấn. Hiểu rõ hoàn cảnh khó khăn của tao, ông chấp nhận cho làm việc, mà còn hướng dẫn, bảo lãnh để giúp tao thuê được chung cư nầy. Lụi hụi mà tao sống ở đây gần hai năm rồi mầy à !

- Còn phần con mầy thì như thế nào ?

- Ơ ! nó đối với tao cũng lợt lạt lắm ! làm tao buồn vô cùng. Mầy dư biết là tao thương con vô ngần, nên ra đi tao nhớ thương khổ sở vì con, chớ phần bả thì tao kể như mình thua cuộc, chẳng dám tơ tưởng gì nữa, nên chẳng còn bận tâm.

- Mầy nổi tiếng là thương con, bị bạn bè chọc quê là "ông vú em", làm sao quên được ! Ngày nó mới ra đời mầy đã nâng niu bồng ẵm, tranh dành phần việc với vợ để ngủ với con, lo sữa, lo thay tả cho con…, rồi mầy cũng đích thân dạy con ê a từng chữ i, tờ…, nắn nót dạy nó tô từng nét chữ, chớ không để một ai thay thế cả. Có lần về phép, tao tìm gặp mầy tại bệnh viện Sùng Chính, mặt mũi mầy bơ phờ, vì mấy đêm liền thức trắng để canh giữ con bé trong cơn bệnh sốt xuất huyết. Tao thấy mầy đã bù đầu với công việc tại sở mà lại còn bận rộn quá đáng với con, nên cằn nhằn và chê mầy là đàn bà, mà mầy vẫn cười hề hề không giận !

- Giờ thì tao vẫn thương con như vậy đó, nhưng nó nào có nhìn nhõi gì đến tao ! Tao cho nó địa chỉ, dặn dò nó, khi có thơ từ hay giấy tờ gì quan trọng thì mang đến dùm tao, để hi vọng cha con gặp mặt. Nó đến hai lần, một lần tao vắng nhà, lần khác, nó đi với thằng bồ của nó, nó ngồi ngoài xe, thằng đó mang thơ cho tao, rồi đi ngay. Tao khoác áo chạy ra, thì chiếc xe đã từ từ lăn bánh, tao không có cơ hội nói với nó nửa lời. Nó đâu biết rằng, có những đêm nhớ con trằn trọc thức trắng, chờ trời sáng tao lái xe một mạch đến gần nhà nó, đậu xe chỗ khuất, núp nhìn nó ơ hờ lái xe đi làm buổi sáng, mà đau lòng xót dạ. Đời tao tàn tạ kể như bỏ rồi, tao chỉ còn có ước mơ là nắm được tay con thổ lộ được chút lời thương yêu nhung nhớ mà thôi !

- Hoàng ! sao mầy không chịu gọi điện thoại nói thẳng với nó là mầy thương, mầy nhớ nó…

- Không được đâu Năm ! bây giờ mình là kẻ thất thời, nghèo hèn, mình chẳng ra gì… mà mở miệng kể lể nhớ thương, thì biết đâu nó lại nghĩ mình muốn nhờ vả chớ không thật lòng ! Nói thương đã khó mà dạy dỗ lại càng khó hơn ! Con gái tao và thằng bạn trai chưa hứa hôn chánh thức mà tự do quá trớn tao đâu có hài lòng nhưng nào dám hở môi. Thằng bạn đó hời hợt, không biết chiều chuộng con gái tao, tao sốt ruột muốn khuyên nó một điều mà cũng đành câm nín ! Mình nói năng lạng quạng, rủi nó khệnh cho một câu: "Xin can đi ông già ! thân ông tự lo còn chưa xong, bày đặt lộn xộn dạy biểu người khác mà chi !", thì có nước độn thổ!

Nghe bạn kể chuyện mà anh cũng đau lòng như cắt ruột rồi, huống chi là nó. Anh thầm nguyện tìm cách gặp cháu gái, kể lể hết nỗi niềm thương yêu của cha nó, để may ra cháu gái hiểu biết, thương yêu cha một chút nào chăng ? Thế rồi, để tránh lẩn quẩn với những chuyện buồn thảm về gia đình Hoàng, anh dò la công việc làm ăn của nó:

- A ! Hoàng ạ ! ngoài nghề nầy ra, mầy có thử tìm nghề nào khác thay đổi không vậy ?

- Ơ ! hồi mới qua, tao vác đơn đi xin việc mấy tháng trời ! nơi nào họ cũng từ chối hết. Xin việc hành chánh cao thì ai mướn mình, việc thấp thì bị phê là "over qualified", còn các loại thợ dễ làm thì bị chê là "thiếu kinh nghiệm". Tao nản quá, muốn đi học nghề chuyên môn, mà dính với cây xăng nầy mười giờ mỗi ngày, làm sao đi học nỗi ! Mầy có ý kiến gì giúp tao không Năm ?

- Mầy đã có vốn trí thức cao, nói năng tiếng người trôi chảy, thì có thể tìm một số nghề tương đối khá ngay được như: địa ốc, bảo hiểm, văn phòng dịch vụ, cán sự xã hội và nhân viên bưu điện. Ba ngành nghề đầu không mấy hợp với mầy, cán sự xã hội và bưu điện thì phải qua kỳ thi tuyển, nhưng học hành thi cử là nghề ruột của mầy, tao nghĩ nếu mầy quyết tâm, thì sẽ thành công !

- Ông quản lý cây xăng cũng khuyên tao nên xin thi cán sự xã hội, nhưng tao đâu biết chương trình thi cử như thế nào mà thử thời vận ? Có mấy thằng bạn Quốc Gia Hành Chánh cũ cũng làm nghề nầy, nhưng tao xấu hổ chuyện gia đình đâu dám liên lạc với ai để hỏi han !

- Được rồi ! tao sẽ bỏ ra hai ngày tìm gặp bạn bè, thu thập hết mọi dữ kiện về hai ngành nầy, phần mầy làm ơn nạp đơn, chui vào thư viện lục lọi tài liệu nghiên cứu, rồi đi thi dùm tao ! Mầy hứa đi !

- Hì ! hì ! không bắt tao liên lạc với ai thì tao chịu quá rồi ! học hành thi cử thì tao đâu có ngán !

Thế rồi anh liên lạc bạn bè hỏi thăm mọi việc cần thiết cho nó. Thời may, đúng lúc đó lại có kỳ thi tổ chức hai tháng sau, nó nạp đơn vừa kịp. Hôm anh đi Cali dự tang ma thằng Thịnh, thì nó đã báo tin thi đỗ hạng nhì. Đau một điều, là dân thiểu số gốc Á Châu bon chen làm cán sự quá đông, tỉ lệ đã cao không còn nhu cầu nữa, họ chỉ thiếu tỷ lệ người gốc Phi Châu và Mễ, nên mấy người đậu thấp, được tuyển còn nó vẫn còn ngồi chơi chờ thời mới ứa gan chứ !".

- Tội nghiệp anh Hoàng quá ! chuyện gì của ảnh sao nó cứ trục trặc hoài ! Năm nghe chuyện người mà cũng cảm động rưng rưng nước mắt. Trầm ngâm một chút, thím lại hỏi tiếp:

- Còn vụ gia đình ảnh, thì có tiến bộ gì không anh ?

- Tiến bộ khỉ móc ! thấy nó nhắc nhở vợ con thiểu não quá, khi từ giả anh mới khuyên:

- "Ở xứ nầy, già mà cô đơn khổ lắm Hoàng à ! Con cái ở xa, xóm giềng lạnh nhạt, người ta chỉ lẩn quẩn trong nhà với nhau, nên người xứ nầy già khù mà vẫn còn xum xoe lấy vợ lấy chồng ! Họ kết hôn để có bạn tâm tình, đỡ đần nhau chớ chưa hẳn là vì tình dục. Bởi vậy tao đề nghị mầy, một là về hòa giải với bả, hai là dứt khoát, rồi kiếm bà xồn xồn nào ráp mối mà an ủi tuổi già…

- Không được đâu mầy ! làm như vậy thì hóa ra tao tạo cái cớ cho bả ruồng rẫy tao sao ?

- Có lý do hay không lý do thì ăn thua gì ? Người miền Bắc ta có câu ca dao thấm thía lắm:

Củi khô tôi vất xó vườn

Ai mà hỏi đến ? "trầm hương của bà".

Bả chê mầy củi khô vứt đi, nhưng mà có ai xâm xoi, thì bả lại thấy quí giá như trầm hương, rồi rước mầy về không biết chừng !

- Không ! tao biết không được đâu mà ! tao nhát gái từ nhỏ, đâu dám tìm ai tán tỉnh. Mà thật ra, thì tao vẫn thương bả, tao đâu có thể tơ tưởng ai nữa được !

Chú Năm kết thúc câu chuyện bằng lời càm ràm:

- Thằng lờ khờ làm sao á ! Vợ nó tệ như vậy mà còn khư khư tình nghĩa !…

Vụ gì thì thím Năm hoàn toàn đồng ý với chồng, nhưng vụ xúi bậy nầy thì thím bất mãn nặng. Nói cái kiểu nầy, có nghĩa là nếu rủi ro thím có lỗi gì là chú sẽ thẳng thừng dứt khoát liền sao ? Thím phiền phiền hỏi móc chồng:

- Chà ! gặp tay ông, lơ mơ là ông đá đít kiếm con khác liền phải không ?

Chú Năm kẹt cứng dùng dằng không trả lời; chú cười hề hề cho "qua truông", rồi chợt nảy ý ngoắt ngoéo hỏi lại vợ:

- Còn bà thì sao ? tui lỡ bị kẹt ở lại, thân tàn ma dại đi đoàn tụ theo bà, bà liệu có đối xử với tui khá hơn bà Mai không ?

Chú Năm đã biết chắc trăm phần câu trả lời, dù vậy, chú cũng lắng nghe câu nói xuất phát từ miệng vợ cho mát ruột mát gan chú. Ngờ đâu, mấy giây xốn xang chờ đợi mà thím vẫn êm ru, khiến chú giật mình nhìn kỹ lại, thấy vợ đang chìm đắm trong trạng thái suy tư kỳ lạ. "Cái gì lạ vậy ! bả lặng yên tức bả cũng đồng hạng "cá mè một lứa" như vợ thằng Hoàng rồi !", chú thầm nhủ. Chú vốn chủ trương tùy thuận trả nợ oan gia, cởi bỏ ràng buộc để sẵn sàng thênh thang nhẹ bước… mà đến lúc nghi ngờ oan gia lợt lạt tình nghĩa thì niềm thất vọng chán chường bỗng dưng tràn ngập. Nhìn cái bản mặt thấy ghét của vợ, chú nổi nóng lên, thiếu điều muốn nện nguyên bàn tay trên má thím mới đã giận. Chú bắt chợt niệm "ác" vừa khởi, vội nhớ lời dạy của chư tổ "thấy vọng đừng theo", nên ngưng lại tủm tỉm cười. Chú nghĩ, cuộc đời này, kể cả gia đình đều chỉ do nhân duyên hòa hợp mà cảm thấy hiện hữu, nên là một thứ giả rồi. Trong môi trường giả đó, mình lại đưa ra cái giả thuyết để rồi tưởng tượng nghi ngờ, cho hờn giận, buồn phiền sanh khởi, quả là làm chuyện vô lý như khoác chiếc áo lông rùa, rồi lại tự cấm cho mình cặp sừng thỏ[32]. Chú bỗng liên tưởng đến chiếc áo nặng bảy cân của tổ Triệu Châu[33] rồi thầm nhủ: "Cái áo - áo nghiệp - của mình, có lẽ phải nặng đến ngàn cân. Mình tự hào biết bản chất nghiệp vốn là không, vậy mà cái áo

nghiệp đó đôi khi đã đè mình nặng trìu trĩu đến ngộp thở, không dậy dụa không nhúc nhích gì nỗi. Ôi ! mình học đòi buông bỏ, nguyện buông hết lợi danh, thương yêu, ganh ghét…, vậy mà mới nghi mụ vợ lợt lạt, thì ruột gan đã rối rấm tơi bời, thật là quá tệ!",

Luồng tư tưởng của chú bỗng bị cắt ngang, khi thím chợt tình tứ nắm tay chú thỏ thẻ:

- Nè anh à ! em sẽ trình bày ý kiến của em một cách thành thật, mà em giao trước là anh không được giận đó nghen !

Lần nầy, đã chuẩn bị tinh thần kỹ lắm rồi, nhưng nghe mấy chữ "ý kiến thành thật", chú cũng giật mình thóp ruột gan một chút. Chú cười lỏn lẻn đáp:

- Ơ ! Anh hứng chí hỏi chơi, chừng nghĩ lại anh thấy bỗng dưng sao mình lại xía vào chuyện thị phi của người, rồi lại còn tiếp tục bày vẽ thêm chuyện để xà quần với nó nữa ! Đã bậy lại càng thêm bậy ! Thôi mình bỏ qua chuyện đó đi em ! Thím vùng vằng:

- Em hổng chịu đâu ! ai biểu anh hỏi chi ! Anh hỏi thì em phải có ý kiến chứ!

Thế rồi, thím đổi giọng thật nghiêm trang tiếp lời:

- Từ lâu, khi biết vụ anh Hoàng vừa mới đoàn tụ đã buồn tình xách gói ra đi, em liền có ngay phán quyết trong đầu về chị Mai. Em cũng hùa với mọi người, gán cho chị ấy những chữ phụ bạc, quá quắt, vô hậu…, và dĩ nhiên, em hời hợt tự tin rằng dẫu cho bao nhiêu năm cách biệt em vẫn chung tình trọn nghĩa với chồng… Thế nhưng, hồi nãy khi anh chánh thức hỏi em, để trả lời chín chắn em bèn đặt mình vào hoàn cảnh của chị Mai, rồi bỗng khám phá rằng vấn đề trở nên phức tạp khác thường. Mười năm xa cách, hai tâm hồn hòa hợp năm xưa đâu còn nữa. Đời sống hai nơi quá khác biệt, đã xô đẩy tâm tính hai người biến đổi theo chiều hướng trái nghịch nhau: từ quan niệm sống, lề lối suy tư, nếp sống tâm linh, đến những cử chỉ vụn vặt tầm thường trong việc ăn uống ngủ nghỉ nữa. Ai cũng thấy người kia thay đổi trọn vẹn, và cũng đồng thất vọng trong lòng. Hai đứa mình cũng thay đổi từng giây từng phút, nhưng sống bên nhau, thay đổi từ từ và cùng chiều khiến mình không thấy được. Em thương yêu anh, đinh ninh như yêu đích thực con người năm xưa, chớ thật ra thì anh bây giờ khác hẳn ngày xưa nhiều lắm. Giả thử mình xa nhau mười năm, thì hình ảnh của anh trong tâm

em, vẫn là người thanh niên trẻ hào hoa, lanh lợi, ngang tàng thuở trước. Nếu anh thay đổi như con người hiện tại em cũng còn thất vọng, huống chi, anh lại sống trong hoàn cảnh khốn cùng, bất an… trong nước, cả con người bị hủy hoại, anh già nua lụm cụm trước tuổi, anh đờ đẫn lo lắng bâng quơ, rồi anh lại câm nín trong mặc cảm triền miên… thì chắc lòng em tan nát lắm, sống với nhau có lẽ chỉ là gượng gạo, đóng kịch để khỏi mang tiếng là kẻ bạc tình bạc nghĩa mà thôi !

- Khâm phục ! bà xã tui cao hứng phân tách nghe được quá !

- Cuộc sống bên nhau lợn cợn đâu phải lỗi riêng của một người ! đáng lẽ vợ chồng phải lắng lòng tìm hiểu nhau để xóa mờ khác biệt, nhưng điều éo le, là cả hai chỉ muốn nói và chẳng ai chịu nghe. Người chồng chỉ thích nhắc tới nhắc lui dĩ vãng vàng son và thời ngục tù hào hùng… điều đó vợ lại nhàm chán. Vợ mải mê nhắc đến thành công trong nếp sống hiện tại, khả năng thích ứng với xã hội tây phương của mình, thì chồng mặc cảm lơ là…

- Khó thật ! khó thật ! hoàn cảnh của thằng Hoàng rất đáng thương, nhưng qui hết lỗi về chị Mai cũng tội cho chị ấy ! Có lẽ chị cũng bị dày dò, cũng mang nỗi khổ tâm khó ngỏ cùng ai, phải không em ?

- Đúng vậy ! phải ở trong hoàn cảnh của chị ấy, thì mới hiểu rõ con người thực của mình như thế nào ? Biết đâu mình còn tệ bạc hơn chị ấy thì sao ? Bởi vậy, nghĩ đến những lời mình lên án chị ấy ngày xưa, em thấy cũng hơi hổ thẹn.

- Thì chính anh cũng vậy, anh không đến nỗi dùng chữ nặng nề, nhưng lòng anh cũng mấy phần khinh khi chị ấy. Kể ra, nghĩ xấu cho chị Mai là điều không phải. Anh đề nghị, Tết này mình đi Cali chơi, thăm chị Mai để tỏ tình thân thiện, một cách xin lỗi ngầm chị ấy vậy ! Nhân dịp, anh cũng muốn có cơ hội để gợi ý cho cháu gái về thăm thằng Hoàng nữa.

Chuông điện thoại reo vang, ngắt ngang câu chuyện hai vợ chồng. Chú Năm bắt điện thoại, mừng rỡ reo vang:

- Hoàng hả ? có gì vui không ?

- Tao đã đi làm cán sự xã hội một tuần rồi ! May mắn là có người cán sự gốc Tàu nghỉ việc nên họ tuyển tạo trám chỗ hắn. Đáng lẽ tao liên lạc cho mầy ngay, nhưng tánh tao cẩn thận quen rồi, chờ chắc chắn không gì trục trặc mới gọi mầy !

- Vui quá là vui ! mầy qua sau mà ngon lành hơn tao rồi nhé ! Chà ! làm "thầy", có văn phòng riêng, điện thoại riêng ! sang nhỉ !

- Hì ! hì !

- Ê ! có việc thơm rồi, từ nay tao có quyền chỉ trích, chưởi bới mầy, mầy không được giận đó nghen !

- Tầm bậy ! mình là bạn nối khố ! đời nào tao giận mầy !

- Không giận thì tao nói điều nầy. Lúc mầy thất thời, mầy mặc cảm quá sức ! mầy tự làm khổ mầy mà mầy cũng làm khổ lây người khác nữa Hoàng ạ !

- Có lẽ đúng đôi phần !

- Tết nầy vợ chồng tao dự định đi Cali chơi. Tụi tao ráng cố gắng móc nối mời chị dùng cơm, rồi dàn cảnh cho mầy gặp mặt. Mầy nghĩ sao ?

- Ơ ! ơ…

- Bây giờ, dù sao mầy cũng tự tin mầy có "dĩa bánh ích" rồi, mầy bớt mặc cảm, vả lại sống bên nầy một thời gian nên khác biệt giảm dần, tao nghĩ mầy sẽ cởi mở, sẽ thông cảm với bà xã mầy hơn ngày trước…

- Ừa ! mầy muốn hòa giải thì cứ thử làm ! phần tao, tao sẽ tỏ thiện chí nhưng tao nghi khó ai có thể lay chuyển bả nỗi !

Chú Năm hàn huyên với bạn hào hứng, từ chuyện nầy sang chuyện khác, đến khi buông điện thoại xuống, mà niềm sung sướng về tin vui của bạn vẫn còn đầy ắp trong lòng.

Thím Năm tuy chỉ nghe phần chồng đối đáp cũng hiểu gần hết nội dung câu chuyện, dù vậy thím vẫn nôn nóng, chỉ chờ chồng gác máy điện thoại, để xum xoe đòi chồng kể rõ từng chi tiết cho thỏa mãn tính tò mò muôn thuở của đàn bà. Thím reo vang:

- Anh ơi ! anh !

Nguồn cảm hứng tràn dâng bỗng bị vợ phá rối, chú bực bội nhăn nhó hỏi:

- Cái gì nữa vậy bà !

Thím thấy chồng đổ quạu "ngang xương" thì cũng giận dỗi:

- Không có gì hết !

Chú Năm mỉm cười. Chú cười mụ vợ nhiều chuyện và cũng tự cười mình đã hơ hỏng để tâm buông lung chạy theo chuyện đâu đâu, quên mất giây phút hiện tại, đến nỗi niệm sân lâm le sanh khởi. Chú trầm tĩnh lại, thở vào một hơi dài, ý thức mình đang thở và ý thức giây phút hiện hữu tuyệt vời của sự sống. Chú đâu có "hưỡn"[34] mà bận tâm chi chuyện phiền não xa xôi đó nữa. "Bây giờ và ở đây", cả thế gian nầy chỉ còn hiển hiện ra mình thím đang phụng phịu khó ưa ở trước mặt. Chú giả lả vỗ về:

- Ối chà ! cây xương rồng yêu quí của anh lại nổi gai rồi ! Ơ sao lạ quá ! khi trổ bông đã đẹp, mà lúc nổi gai thì cũng dễ thương quá chừng chừng hà !

Tháng 10.1993

---o0o---

HOẰNG NGUYỆN THÊNH THANG

(Với tất cả lòng ngưỡng mộ, chân thành kính dâng hòa thượng Trí Thiền, vị thiền sư đã dâng hiến trọn đời mình cho dân tộc và đạo pháp)

Ngoài công việc ruộng nương rẫy bái, làng xã quanh thị trấn Rạch Giá, mỗi vùng đều sở trường một ngành nghề đặc biệt. Sóc Soài sản xuất nồi, An Hòa đánh cá làm khô, Tà Niên dệt chiếu, loại chiếu hoa vừa đẹp, vừa bền, nổi tiếng khắp cả miền Tây. Người địa phương đã ca ngợi tài nghệ của gái Tà Niên, trai An Hòa bằng lời ca dao tả chân mộc mạc và rất gợi hình như sau:

Gái Tà Niên, mồm viền chỉ đỏ
Trai An Hòa lớn nhỏ xỏ xâu.[35]

Chú sáu Trinh lẩm nhẩm lời ca dao, thấm ý nhìn người vợ Tà Niên duyên dáng của mình mỉm cười. Hình ảnh người vợ đảm đang ngồi dệt chiếu, dưới ánh trăng dễ thương làm sao, chú khao khát muốn khoác tay nàng âu yếm, nhưng thím bận bịu bù đầu, đâu còn lòng dạ nào "chiều chồng" được. Chú thơ thẩn nhìn trăng, lòng bỗng nôn nao nhớ đến mùa trăng rộn ràng của hai mươi năm về trước. Ngày ấy, tại Sân Chim, cách chốn nầy chẳng xa, đoàn nghĩa quân của cố lãnh binh Nguyễn Trung Trực, đã đồng thề nguyền xả thân diệt giặc Pháp xâm lăng cứu nước. Thế nhưng, tiếc lớn chẳng thành, nghĩa quân tan nát, chủ tướng Nguyễn Trung Trực[36] bị Tây xử trảm, còn chú

thì phải đơn thân trốn lánh tại chốn nầy hơn sáu năm rồi. Chú xúc động cất tiếng ngâm nga:
"Chim quyên xuống núi ăn trùng
Anh hùng lỡ vận lên nguồn đốn than"
Người anh hùng lỡ vận thời nay, không có cơ hội làm than như người xưa, thôi thì đành vào bưng, nhổ lát mang về cho vợ dệt chiếu, làm phương kế sinh nhai. Sống êm đềm bên vợ hiền con ngoan, mà người trai lỡ vận thỉnh thoảng vẫn ngậm ngùi nhớ lại lời nguyền đuổi giặc ngoại xâm thuở trước. Đôi mắt chú bỗng rực sáng niềm tin khi chú nhìn sang đứa con trai đang ngủ yên trên chõng. Chú tin mãnh liệt là thế hệ mai sau, thế hệ của thằng bé Đồng, sẽ anh dũng trương cờ khởi nghĩa đuổi quân xâm lược ra khỏi bờ cõi nước nhà. Nghĩ đến tương lai của con, lòng chú bỗng chùn lại ! Đời thằng bé không thể bị chôn chặt ở chốn nầy ! Nó phải được học hành. Nó phải được đào luyện chí khí để sẵn sàng dấn thân cho tổ quốc như cha của nó.

Chú suy nghĩ miên mang khá lâu, rồi mới ngập ngừng lên tiếng:

- Má thằng Đồng à ! Tui muốn bàn với má nó chuyện nầy !

Thím ngưng tay, trìu mến nhìn chồng chờ đợi:

- Có việc chi không Ông ?

- Tui có lỗi đã dấu diếm má nó chuyện nầy. Tui sinh trưởng tại cù lao Giêng[37], thuộc gia đình theo đạo Gia Tô đã mấy đời. Khi vua Tự Đức ban dụ cấm đạo, cha tui cùng vài vị trong ban nhà thờ, đã bị bắt đưa về Gia Định trừng trị. Hai năm sau người được thả về, thì cửa nhà tan nát, nên gia đình tui phải lưu lạc sang vùng Cái Dầu, Cao Lãnh sinh sống qua ngày. Khi bọn Pháp xua quân tấn chiếm ba tỉnh miền Đông, bọn chúng đã cho người đi móc nối những con chiên tản lạc về cộng tác với chúng. Chủ trương giúp Pháp chiếm nước cai trị để được tự do tín ngưỡng, vừa để trả thù cho thời bị khủng bố, vừa lại được "sớm sâm banh, tối sữa bò" hấp dẫn lạ lùng, hầu hết những gia đình họ đạo cù lao Gieng đã hân hoan cộng tác với giặc, mà nổi tiếng nhất phải kể đến tên Tổng đốc Lộc, hắn tự cho mình có quyền tàn ác với đồng bào, trung thành với mẫu quốc, vì cha hắn đã bị tù đày bởi dụ cấm đạo. Cha tui là một trong những người đầu tiên được mời cộng tác, nhưng người đã cương quyết chối từ. Quan niệm của người là tuy nhà vua sai lầm trong việc cấm đạo và ngược đãi giáo dân, nhưng việc đòi hỏi tự do tín ngưỡng phải sử dụng bằng phương cách nào khác, chớ không thể bằng hành vi phản quốc "cõng rắn cắn gà nhà", mang đất nước dâng cho ngoại bang cai

trị để được hành đạo. Thấm nhuần tình yêu nước sắt son của phụ thân, khi Pháp xua quân ồ ạt tràn xuống ba tỉnh miền Tây, tuổi mới mười sáu, tui đã xung phong vào hàng ngũ dân quân chiến đấu bảo vệ thành Long Hồ. Thành mất, dân quân tan nát, tui lâi được tin cụ Nguyễn Trung Trực, đang ẩn náo tại vùng Sân Chim, huyện An Biền, bờ biển Rạch Giá, chiêu mộ nghĩa quân chống Pháp, nên vội vàng tìm đến. Nghĩa quân được phân chia đội ngũ và huấn luyện cấp tốc cho một trận tử chiến với kẻ thù. Tui sớm được tín nhiệm và được chủ tướng chọn làm cận vệ, để cùng chủ tướng giả dạng thường dân vào thành Rạch Giá nghiên cứu thành lính Sơn Đá của địch. Cuộc điều nghiên hoàn tất, đầu tháng sáu, nghĩa quân được điều động về Tà Niên, ẩn trú tại trại ruộng của phó tướng Lâm Quang Ky dưỡng sức một tuần. Đến đêm 10.06.1868, tức mùng 3 tháng 5 năm Mậu Thìn, chủ tướng hạ lệnh chia quân thành nhiều toán nhỏ, dùng thuyền theo rạch Tà Niên di chuyển trong đêm đen, lặng lẽ đổ quân lên bờ rạch Lăng Ông, nằm án binh cho đến 4 giờ sáng. Đoạn, đúng y theo kế hoạch quân ta chia thành ba cánh, len lỏi đến sát thành Sơn Đá, mới reo hò thị uy, rồi ồ ạt xung phong công phá thành địch. Bất ngờ bị tấn công, súng đạn tối tân trong thế cận chiến trở thành vụng về, hàng ngũ địch rối loạn và tan rã nhanh chóng. Chỉ trong một thời gian ngắn, trận địa kết thúc, với bảy mươi ba xác địch quân, gồm 50 tên người Pháp. Nghĩa quân cũng bắt sống 6 tên lính khố đỏ và tịch thu trên 100 cây súng cùng vô số đạn dược. Trong đám tù binh nầy, có tên Lượm là người cùng họ đạo với tui tại Cù Lao Gieng. Hắn khóc lóc nhắc nhở tình quen biết xưa, năn nỉ tui tìm phương cứu giúp. Tui mủi lòng xin chủ tướng cho hắn cơ hội, được đoái công chuộc tội. Điểm tui chẳng hề nghĩ tới, là từ vụ cứu tên Lượm, mà nhiều nghĩa quân biết tui vốn thuộc gia đình đạo Gia Tô giòng, rồi họ bắt đầu xầm xì, hoài nghi lòng trung quân ái quốc của tui. Chủ tướng thương yêu tin tưởng tui như một đứa em nuôi cũng bắt đầu dè dặt. Người chuyển tui sang phục vụ dưới quyền của phó tướng, ở lại giữ thành Rạch Giá, trong khi người đưa đại quân đón giặc tại cảng Lục Dục, Núi Sập. Quân Pháp đưa toàn lực quân sĩ, từ các tỉnh Vĩnh Long, Mỹ Tho ồ ạt phản công tái chiếm Rạch Giá, quân ta bị tan rã nhanh chóng, chủ tướng phải rút quân về Hòn Chông, rồi ra Phú Quốc tiếp tục chiến đấu. Tui kẹt trong toán quân phó tướng Lâm Quang Ky bị thất lạc không theo kịp đoàn quân của chủ tướng, đành phải lui về Sân Chim, rồi ngã ngũ. Chỉ vì tui theo đạo Gia Tô, mà tui bị nghi ngờ, do đó không được kề cận chiến đấu sống chết bên chủ tướng, tui đau lòng vô hạn. Điểm dầy vò tui hơn nữa, là tên Lượm sống sót lại có dịp lập công to với người Pháp. Hắn ruồng bắt nghĩa quân trốn tránh quanh thị trấn, khủng bố những gia đình yêu nước. Ngoài ra, cũng chính hắn xúi giục Pháp bắt giữ mẹ của chủ tướng tại Hà Tiên, bắt dân chúng các vùng yểm trợ nghĩa quân đem ra hành hạ, làm phương kế áp bức cụ Nguyễn ra đầu thú.

Thương dân lành và cũng nhận thấy vận nước đã hết phương cứu vãn, cụ Nguyễn giải tán nghĩa quân, rồi ra trình diện để chịu án trảm quyết tại chợ Rạch Giá. Nghĩa quân còn sống sót đành ngậm ngùi nuốt hận làm dân bị trị, họ lầm lũi trở về quê chôn kín lòng yêu nước của mình trong nếp sống tầm thường, an phận. Với tui, cuộc chiến vẫn tiếp tục. Tui về vùng U Minh, hợp sức với hai anh em Đỗ Thừa Luông, Đỗ Thừa Tự lập căn cứ chống giặc. Sau bốn năm, căn cứ bị phá hủy, tui bèn tìm đến cậu Hai Lãnh, cánh quân còn lại của đức cố quản Trần Văn Thành, tại Láng Linh để chiến đấu cho đến khi lực lượng tan rã. Cuối cùng, tui lại cùng một số chiến hữu lập một tổ chức đượm màu sắc tôn giáo là "Tứ Ân Hiếu Nghĩa", để âm thầm kết hợp những phần tử yêu nước đưa về vùng Thất Sơn sinh sống, chờ ngày dựng cờ khởi nghĩa. Việc lớn đang hình thành đầy hứa hẹn, bỗng có người biết chuyện xưa, xầm xì rằng tui theo đạo Gia Tô, và có liên hệ mật thiết với tên Lượm phản phúc. Từ đó, ngay những chiến hữu đã từng sống chết bên nhau với tui cũng để dạ nghi ngờ, khiến tui phẫn uất rời bỏ anh em ra đi. Từ lâu, nỗi căm hận tên Lượm vẫn canh cánh trong lòng, nay thì nó càng bùng dậy mãnh liệt, cơ hồ, nếu như tui không hạ sát hắn, thì chính tui cũng không sống nổi. Lòng đã quyết định, tui tìm về Rạch Giá, xin làm phu vác gạo cho nhà máy xay lúa Vĩnh Hiệp, để điều tra tông tích tên Lượm. Hắn được thăng chức đội, được quan Tây tin tưởng, nên càng ra công khuyển mã phục vụ quan thầy hãm hại những phần tử yêu nước. Theo dõi hắn một thời gian, tui biết hằng đêm hắn luôn đi một mình đến nhà tình nhân tại xóm Bánh Tầm để vui thú. Tui chọn ngày 12 tháng chín âm lịch năm 1880, ngày giỗ thứ 12 của chủ tướng để ra tay. Đến ngày giờ định sẵn tui lẻn vào nhà, uy hiếp con đàn bà, nhét giẻ khóa chặt mồm, trói gô lại. Tui viết bản án tử hình kể rõ tội ác hắn làm, rồi ung dung chờ hắn đến nạp mạng. Điềm trục trặc bất ngờ, hôm đó, chẳng biết có công tác chi không mà hắn lại dẫn theo hai tên đàn em, võ trang súng ống đầy đủ. Nếu tui theo ngõ sau phóng đi thì an toàn, nhưng âm mưu theo dõi đã lỡ cỡ, cơ hội thanh toán hắn sẽ không còn nữa, nên tui liều mạng ở lại. Hai tên cận kệ lẩn quẩn ngoài sân, hắn thản nhiên xô cửa vào nhà. Không thấy tình nhân ra đón, lên tiếng gọi vẫn im lặng, nên hắn nghi ngại lăm le khẩu súng ngắn, rón rén bước vào buồng. Tui nện hắn một cây song hồng xiểng niểng, rồi đâm một nhát dao thấu tim. Hắn chết không kịp nổ súng, nhưng tiếng hét thảm khốc của hắn cũng làm kinh động cả xóm. Tui phóng chạy thoát thân theo ngả sau, bị hai đàn em hắn rượt nà, nổ súng ầm ỉ, khiến bọn lính trong đồn cũng túa ra chận hết các ngả vào ra khu xóm. Tui len lỏi trốn chạy trong các hẻm sau nhà, vô tình thấy ngôi chùa Tam Bảo, nên đánh liều leo qua rào, gặp thầy Vĩnh Thùy xin người cứu giúp… Còn phần sau đó, thì bà đã hiểu rõ rồi, tui bất tất phải thuật lại nữa !

Chuyện xảy ra trên sáu năm rồi, mà mỗi khi nhớ lại thím Trinh cũng thẹn thùng chín cả người. Thím nguyên là một sa di ni, tuổi đôi mươi, tu học tại ni viện Vạn An, Sa Đéc. Cô sa di sắp thọ giới Thức Xoa Ma Na, nên xin thầy cho về chùa Tam Bảo, Rạch Giá một thời gian, để được người anh ruột, tức sư Vĩnh Thùy giảng dạy thêm về luật nghi. Đêm đó, vừa chợp mắt bỗng có những tiếng súng nổ vang, cùng với tiếng hò hét đuổi bắt hung phạm. Nghe tiếng gõ cửa nhè nhẹ, cô ni sợ điếng quấn mền kín mít im lặng, nhưng sư Vĩnh Thùy lại nhanh nhẹn ra mở cửa, đón người lạ vào. Hai người thầm thì đôi câu, rồi thình lình sư đưa người lạ vào phòng cô ni, lên tiếng: "Diệu Thường ! cứu người là Phật sự tối thượng. Cô hy sinh cứu người nhé !". Cô ni chưa hiểu cứu người bằng cách nào, thì đã nghe tiếng lính la ó trước cổng chùa, sư trụ trì bước ra ngoài, còn kẻ lạ mặt thì vội vàng, chui tuốt vô mền nằm co rút sát với cô ni. Cô ni vừa hổ thẹn vừa sợ hãi, không biết phản ứng ra sao, cả người run rẩy như đang lên cơn sốt rét nặng. Tuy nhiên, khi bọn lính được sư Vĩnh Thùy dẫn đi khám xét khắp nơi, sắp vào phòng sư cô, thì cô bỗng cảm thấy có sức mạnh phi thường hỗ trợ, cô bình tỉnh ôm sát người lạ vào lòng, gọn gàng như ôm một chiếc gối dài. Bọn lính thấy căn phòng trống trải, chỉ có cô ni bệnh hoạn, mặt mày đỏ nhừ, trùm mền kín mít, không có chi đáng ngờ nên bỏ đi lục soát nơi khác. Về sau, khi biết người lạ, là một nghĩa sĩ hết lòng với đất nước, cô ni sung sướng thấy hành động hy sinh cứu người của mình thật không uổng, dù vậy cô vẫn thẹn thùng không dám nhìn, dám nói gì với anh ta. Sư Vĩnh Thùy cho người lạ ẩn náu thêm ba ngày chờ nội vụ lắng dịu, rồi mới giúp người lạ giả dạng thành tu sĩ, gởi đến chùa Sóc Veng xa xôi lánh nạn. Giải quyết xong vụ rắc rối nầy, sư Vĩnh Thùy lại khám phá ra vụ rắc rối thứ hai, cũng nhức đầu không kém. Cô em vốn là một tu sĩ tu hành tinh tấn, bỗng nhiên trở nên trì trệ giãi đãi. Cô chểnh mảng công phu, lơ là học hỏi luật nghi, và cứ thẩn thờ mơ mộng. Sư đành cho cô em xả giới hoàn tục, đứng ra dàn xếp cuộc hôn nhân cho hai người, rồi đưa họ về quê nhà tại Tà Niên sinh sống. Trong sáu năm yêu đương hạnh phúc, lần đầu tiên thím mới nghe chú thố lộ niềm tin tôn giáo, thím hơi ngạc nhiên mà vẫn nhu hòa lên tiếng:

- Tui thật không ngờ ba nó theo đạo Gia Tô ! Tui chưa biết đạo Gia Tô như thế nào, nhưng chắc cũng dạy ăn hiền ở lành mà ! Ơ ! mà ba nó theo đạo nào, đối với tui cũng như vậy ! tui chỉ biết có đạo thờ chồng mà thôi…

- Cám ơn má nó không nỡ trách tui ! Ngày xưa, mỗi khi bạn bè đồng chí hướng khám phá ra tôn giáo tui, họ đều nghi ngại và xa lánh tui. Tui bị ám ảnh điều đó, nên mấy lần định khai rõ chuyện khác biệt tôn giáo cho anh

Vĩnh Thùy và má nó, mà tui ngần ngừ rồi không dám. Tui sợ mình khai ra, rủi má nó không "ưng" tui nữa thì sao ?

- Ba nó theo đạo nào thì lòng tận trung ái quốc của ba nó vẫn trong sáng như trăng rằm, những chiến hữu đã từng sống chết bên nhau với ba nó, vì chút thành kiến sai lầm lại nghi ngờ ba nó, quả thật rất đáng trách.

- Má nó à ! tui phải chịu dày dò đớn đau cả đời vì thành kiến bất công đó, nhưng chính ra, tui không oán trách ai hết. Bà nghĩ coi ! nhìn qua nhìn lại, ai chẳng có nhận xét là phần lớn những kẻ theo Tây phản quốc đều là người Gia Tô giáo. Nguyên nhân xa xôi bắt đầu từ lập trường của những vị cố đạo. Họ chỉ thiết tha với sự nghiệp truyền giáo, họ là người ngoại quốc chỉ yêu nước họ, trung thành với nước họ, chớ đâu có chút tình với nước mình, họ lại phải trải qua thời cấm đạo gian khổ, nên họ chỉ chờ đợi bọn xâm lăng đến là đón rước, và hô hào khuyến khích con chiên ra cộng tác với họ. Khi Tây đã đặt xong nền đô hộ, lập guồng máy cai trị thì họ cũng tích cực tiến cử người ra phục vụ, do đó, vô số bọn vô lại đua nhau xin làm kẻ tân tòng, vào đạo để làm bàn đạp xây dựng vinh hoa phú quí… Kẻ bàng quan, quơ đũa cả nắm, nghi ngờ tất cả người Gia Tô giáo phản quốc cũng là chuyện bình thường.

- Đành vậy ! nhưng không thể chụp mũ tất cả mọi người được ! Những người theo đạo Gia Tô như cụ Nguyễn Trường Tộ, Huỳnh Tịnh Của…, đều là những nhân vật chân chính yêu nước kia mà…

- Lòng tui tui hiểu, tui lại được má nó hiểu, thì tui đã an ủi lắm rồi.

Chú cất tiếng thở dài, nghĩ ngợi mông lung một thoáng, rồi mới ngập ngừng tiếp lời:

- Hôm nay, bỗng dưng tui đem vấn đề nầy bàn với má nó, vì chợt nghĩ đến tương lai thằng Đồng. Nó phải tiếp tục sự nghiệp cánh mạng của tui, nhưng không phải bằng đường lối chiến đấu đơn độc và vô vọng như tui. Nó phải được học hỏi văn minh xứ người, về nước phục vụ dân tộc, tạo nền tảng cho công cuộc vận động cứu nước sau nầy. Nó phải được đưa ra tỉnh để đi học mới được !

- Phải rồi ! mình gởi nó vào chùa Tam Bảo với thầy Vĩnh Thùy đi, thím sốt sắng góp ý.

- YÙ tui hơi khác má nó ! Tui muốn đưa con ra gởi cho vị linh mục chánh tòa Rạch Giá. Đưa con về với nhà thờ, thật ra tui cũng vì chút tình riêng là muốn thằng Đồng tiếp tục giữ giềng đạo của ông nội nó, nhưng phần khác, tui lại nghĩ trong hoàn cảnh hiện nay, chỉ có cha cố mới đủ điều kiện giúp con mình xuất dương ăn học thành tài được !

- Ba nó muốn thằng Đồng giữ đạo ông nội, tui không dám ngăn cản, nhưng tui sợ quá hà !… Ba nó tới lui nhà thờ, rủi có ai phát giác tung tích ba nó ngày xưa, thì nguy hiểm đến chừng nào !…

- Má nó yên tâm ! người trong đạo thương yêu nhau như đại gia đình. Tui về với nhà thờ, thì họ yêu thương đùm bọc tui, chớ đâu ai làm chuyện kẻ vạch, hại tui; huống chi, chuyện tui theo ngài Nguyễn Trung Trực đánh chiếm thành Rạch Giá đã xảy ra 20 năm rồi, ai mà quan tâm đến, còn vụ tên Lượm thì chỉ mình tui đơn độc ra tay hoàn toàn bí mật kia mà !

Thế rồi, mặc dù thím buồn hiu phản đối ngầm, chú vẫn cương quyết đưa con về Rạch Giá, tìm gặp cha sở. Chú xúc động ngắm nhìn ngôi giáo đường uy nghi, tràn ngập tin yêu chiêm ngưỡng tượng chúa Jêsus trên thập tự giá, hân hoan tham dự thánh lễ tôn nghiêm, những hình ảnh quen thuộc mà bao năm trời lăn lóc hoạt động chống Pháp chú đã xa rời, mất mát. Chú cũng cực kỳ cảm động khi có dịp thố lộ tất cả những bí ẩn đời mình cho cha sở trong buổi lễ Xưng Tội. Cha sở cũng cảm động không kém. Cha hân hoan đón nhận chú, như người cha già thân thương đón đứa con ra đi biền biệt vừa trở về nhà. Người long trọng hứa sẽ nâng đỡ bé Đồng ăn học để trở thành người hữu dụng mai sau. Để đánh dấu ngày trở lại thánh đường của chú Trinh, Cha sốt sắng tổ chức một ngày đặc biệt để giới thiệu chú với bổn đạo. Trong dịp nầy, cha đã nhắc lại thí dụ của Chúa Jêsus, về thái độ người cha vui mừng, tha thứ hết tội lỗi của đứa con hoang đàng, vừa trở về nhà. Để nhấn mạng rằng Chúa luôn mở rộng vòng tay sẵn sàng đón rước những con chiên sa ngã lầm lạc biết quay về, Cha nhắc lại nguyên văn câu Thánh Kinh: "Chúng ta hãy ăn mừng, vì con ta đây đã chết mà bây giờ lại sống, đã mất mà bây giờ lại thấy được…"[38]. Kế đó, cha mở rộng đề tài, hướng vào đời sống thực tế, để phân tách đâu là nẻo chánh tà ? Thế nào là hoang đàng hư hỏng ? Thế rồi, cha lôi Chúa đứng bên phe nhà cầm quyền người Pháp, coi điều đó là một chân lý rõ rệt không cần phải tranh luận gì nữa, để phê phán mọi hành động phản loạn, chống nhà nước Bảo Hộ là hành động chống lại Chúa, là hoang đàng hư hỏng… Chú Trinh xa nhà thờ chẳng qua vì hoàn cảnh, chớ chú chẳng hề quên Chúa, chối bỏ Chúa bao giờ. Bài giảng ám chỉ chú là đứa con hoang, kể ra hơi quá đáng song chú vẫn kiên nhẫn nhận chịu. Thế nhưng lập

luận đồng hóa Chúa với người da trắng thống trị, chống Pháp có nghĩa là chống Chúa, phục tùng Chúa đồng nghĩa với phục tùng người Pháp, thì chú cực lực phản đối. Chú không dám phạm thượng cắt ngang bài giảng, nhưng khi cha vừa dứt lời, chú liền dõng dạc lên tiếng:

- Thưa cha ! hôm nay con trở lại nhà thờ là để về với Chúa, chớ không phải về để cộng tác với những kẻ xâm lăng đất nước của con !

Đoạn chú dẫn bé Đồng đi ngay, không quay đầu lại một lần. Chú nghĩ thà chịu cho con dốt hơn là để nó bị nhồi vào đầu thứ tư tưởng nô lệ quái đảng đó.

Chú Trinh thua buồn trở về Tà Niên an phận với nếp sống quê mùa thường nhựt. Ba hôm sau, trong khi chú đang ơ hờ ngủ yên, thình lình toán lính mật thám, do Đội Phèn chỉ huy bao vây nhà, xông vào bắt giữ chú. Chú chỉ kịp nhắn nhủ vợ: "Em lo cho thằng Đồng" thì đã bị bọn chúng lôi đi.

Thím Trinh theo ngay ra tỉnh, gởi con cho sư Vĩnh Thùy, để rảnh tay đôn đáo lo thăm nuôi chồng. Chỉ hai ngày sau thì có tin chú chết, chú xé áo quần kết thành sợi dây, treo cổ tự tử trong phòng giam. Người ta sử dụng niềm tin tôn giáo để dụ dỗ chú, rồi tra tấn chú, để tìm biết thêm đồng đảng cùng những điều liên quan đến các tổ chức chống Pháp, và chú đã quyết định chọn thái độ vĩnh viễn im lặng. Thím Trinh lẳng lặng lãnh xác chồng đem về miếng vườn sau nhà tại Tà Niên chôn cất. Có lẽ, khi chọn chú, biết rõ cuộc đời cách mạng của chú, thím đã ý thức trước tai họa nầy, nên thím bình tỉnh chịu đựng, không than khóc như những người đàn bà khác. Ngờ đâu, bề ngoài điềm tỉnh chỉ nhằm che dấu nỗi đau thương ngùn ngụt bên trong. Chỉ mấy tháng sau, đang ngồi ủ rũ bên mộ chồng, thím bỗng trúng gió ngã gục, thím chết cho tròn ước nguyện "sống đồng tịch, đồng sàn, chết đồng quan, đồng quách", chữ "Đồng" mà thím đã dùng để đặt tên con.

---o0o---

Thiền sư Trí Thiền, tục danh Nguyễn Văn Đồng[39], trầm ngâm đứng trước bàn thờ tổ quốc trang nghiêm, vừa được thiết lập để chuẩn bị cho buổi lễ cầu siêu đặc biệt sẽ chánh thức khai mạc vào bảy giờ chiều. Trên bàn thờ hiển hiện hình ảnh hiên ngang của cố lãnh binh Nguyễn Trung Trực, với hai câu đối:

"Hỏa hồng Nhật Tảo, oanh thiên địa !
Kiếm bạt Kiên Giang, khắp quỷ thần…"

Bên cạnh lại có bài vị của cụ Nguyễn Văn Trinh và phu nhân, hai người có liên hệ huyết nhục với thiền sư. Năm nào, chùa Tam Bảo cũng âm thầm chờ đến nửa đêm ngày 12 tháng 9 âm lịch mới trang nghiêm hành lễ tưởng niệm người xưa. Lần nầy lễ tưởng niệm ngày giỗ thứ bảy mươi được tổ chức công khai, ngày giờ thông báo cho Phật tử trước cả tuần lễ, và do đó, bọn mật thám đã lồng lộng dọa nạt cản ngăn đồng bào đến tham dự. Bao năm qua, bọn cầm quyền Pháp đã cấm đoán gắt gao, khủng bố trừng trị những ai dám bàn bạc nhắc nhở đến cụ Nguyễn Trung Trực. Có một lần chẳng biết kẻ vô danh nào lén đặt bài vị của người vào bàn thờ miếu Cá Ông. Thế rồi dân chúng rỉ tai nhau, lũ lượt đến lễ lạy. Khi viên chánh tỉnh Renault hay biết, y nổi trận lôi đình hạ lệnh dẹp bài vị, và lần lượt cách chức ban hội tề làng Vĩnh Thanh Vân, về lỗi vô tình dung dưỡng việc thờ phượng nầy. Tóm lại, tổ chức lễ tưởng niệm là một thách thức đối với chế độ thực dân, hậu quả nguy hiểm khó ước lường. Sư Trí Thiền đã tiên liệu mọi việc, sư biết trước buổi lễ sẽ bị cản ngăn, phá hoại, chùa sẽ bị theo dõi khủng bố trả thù. Thế nhưng sư vẫn cương quyết tiến hành, với tất cả niềm tin là buổi lễ sẽ thành công, và tinh thần ái quốc của người xưa sẽ được khơi dậy mãnh liệt trong lòng người dân tỉnh nầy.

Dù đã là bậc cao tăng, tuổi gần sáu mươi, nhưng vừa nhìn đến bài vị song thân, lòng sư bỗng xúc động mãnh liệt. Sư nhớ cha, nhớ mẹ, nhớ căn nhà bé nhỏ Tà Niên ngập tràn hạnh phúc cho đến khi bọn người hung ác vây bắt cha. Cha mẹ đột ngột qua đời, bé Đồng được cậu Vĩnh Thùy đem về chùa nuôi dưỡng. Cũng ở tại chánh điện nầy, năm mươi năm trước, thằng bé đã quì ở đó nghe cậu tụnh kinh cầu siêu cha mẹ. Thằng bé sục sùi rơi lệ, và có lần không kềm hãm nỗi, nó đã khóc ngất lên, khiến cậu cũng xúc động, ngưng đọc kinh, ôm chặt cháu vào lòng an ủi. Đó là bài kinh cầu an không lời nhiệm mầu nhất mà bé Đồng đã đón nhận được từ tuổi ấu thơ. Thế rồi, cậu bé được cậu cho thọ giới sa di, ban cho pháp danh Trí Thiền. Sư được cho theo học trường tỉnh, và đồng thời, cũng được sư phụ khổ công giảng dạy nội điển thâm sâu. Sau khi thọ tỳ kheo giới, sư lại cần mẫn tham dự các khóa hạ tại các tổ đình miền Nam: Tập Phước, Vĩnh Tràng, Tây Hưng… để trau dồi giới đức. Ngoài ra, sư cũng được tu học một thời gian khá lâu tại chùa Phi Lai, núi Voi, thuộc vùng Thất Sơn, Châu Đốc. Đây là ngôi tổ đình của giáo phái Bửu Sơn Kỳ Hương, một chi phái thuần túy Việt, đề cao sứ mạng hưng long đạo pháp, song song với trách vụ xả thân bảo vệ non sông. Chùa cũng có liên hệ mật thiết với công cuộc chiến đấu chống Pháp tại rừng Bảy Thưa, Láng Linh, do đức cố quản Trần Văn Thành lãnh đạo. Thời gian sống tại đây với vị tôn túc, vốn là chiến hữu của phụ thân ngày trước, đã ảnh

hưởng khá sâu đậm đến hoằng nguyện xả thân cho dân tộc và đạo pháp của sư.

Sau khi sư phụ Vĩnh Thùy qua đời, sư kế vị trụ trì chùa Tam Bảo năm 32 tuổi, và bắt đầu sự nghiệp phát huy đạo pháp. Sư phát động phong trào học Phật tu thân trong tỉnh. Sư thuyết pháp giản dị mà sâu sắc. Sư biết sử dụng lối kiến giải phù hợp với khoa học, vạch rõ được những tập tục mê tín ngoại đạo lẫn lộn trong chùa, do đó, giới trí thức trong tỉnh đua nhau theo sư học hỏi Phật Pháp. Giới bình dân không phù hợp với giáo lý cao siêu, sư tùy bệnh cho thuốc, cổ xúy họ pháp môn niệm Phật tu tâm. Nhằm thay đổi lối đóng góp cho đạo pháp một cách tiêu cực - phó mặc chuyện chùa chiền cho quý thầy - của giới cư sĩ, nhân dịp trùng tu ngôi chùa cũ hư mục, sư đã vận dụng họ vào ban hưng công tái thiết. Sự đóng góp nhiệt thành của giới cư sĩ như một luồng gió đầy sinh khí phát động công cuộc chấn hưng Phật giáo tỉnh nhà. Sư lại chịu khó đi lưu động thuyết pháp độ sanh khắp nơi, không nệ chốn vắng vẻ ít người. Địa điểm nào cần dựng chùa cho Phật tử có nơi quy ngưỡng sư liền thành lập. Do đó, chỉ trong vòng mười năm, sư tạo dựng đến chín ngôi già lam rải rác khắp tỉnh Rạch Giá. Song song với công cuộc hoằng pháp, sư còn chủ trương đưa Phật giáo đi vào cuộc đời, xoa dịu bớt những nỗi thương đau của người dân nghèo bị trị. Đạo đức của sư vang lừng khắp miền Nam, lan rộng đến Nam Vang. Nơi nơi thỉnh sư về thuyết pháp, giảng dạy kinh luận. Năm 1931, sư đã tích cực yểm trợ phong trào chấn hưng Phật giáo nước nhà của tổ Khánh Hòa, và đảm nhận chức vụ cố vấn cho Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học. Hội bị vài cư sĩ khuynh loát, sinh hoạt đình trệ. Sư Khánh Hòa lui về Trà Vinh thành lập Liên Đoàn Phật học xã, rồi đổi thành Hội Lưỡng Xuyên Phật Học, để chăm lo việc đào luyện tăng tài. Sư Trí Thiền ủng hộ tài chánh mạnh mẽ cho hai tổ chức nầy, nhưng sư nhận thấy mục tiêu khiêm tốn đào tạo tăng tài không đáp ứng nỗi nhu cầu khẩn thiết của đất nước. Phật giáo phải đi vào cuộc đời, tích cực xoa dịu thương đau người dân, tiêu trừ tệ trạng dốt nát nghèo đói, và nếu cần, phải đứng lên chống nạn bốc lột kinh tế, lũng đoạn thị trường của những kẻ thiếu lương tâm. Đó là lý do khiến sư đã đứng lên vận động giới tu sĩ Phật giáo trong tỉnh kết hợp thành tổ chức thống nhứt lấy tên Hội Phật Học Kiêm Tế năm 1937 và cho ra đời tạp chí Tiến Hóa hai tháng sau đó. Vì công việc đa đoan sư đã ủy thác tờ báo Tiến Hóa cho sư Pháp Linh và sư Thiện Chiếu đảm trách. Hai vị nầy, một người rất tán đồng lề lối nhập thế của tân tăng Nhựt Bổn, người cảm tình với duy vật biện chứng, nên có luồng dư luận nghi ngờ tờ báo thân Nhựt và thân cộng. Sư đặt trọng tâm vào việc hoằng pháp, phát triển cơ sở Phật giáo và đẩy mạnh công tác xã hội từ thiện: tổ chức cứu trợ nạn nhân bão lụt năm Đinh Sửu, đẩy mạnh phong trào bình dân

giáo dục và phòng thuốc phước thiện, có đông y chẩn bệnh, có nơi tạm trú cho bệnh nhân ở xa… Sư cũng chánh thức thành lập Viện Mồ Côi đặt tại Rạch Giá và dự trù thành lập Viện dưỡng lão tại Tam Bảo Từ Tôn, Hòn Quéo.

Công việc đa đoan, nhưng sư vẫn dành thời giờ tổ chức lễ tưởng niệm người anh hùng dân tộc, và buổi lễ, may mắn đã diễn ra êm đẹp, không bị phá hoại như những nguồn tin dọa nạt lúc đầu. Điều đáng tiếc lại xảy ra trong nội bộ. Một biên tập viên Tiến Hóa xuyên tạc buổi lễ, chỉ trích cố lãnh binh Nguyễn Trung Trực là tay sai phong kiến nên không đáng được đề cao. Sự kiện nầy thúc đẩy sư đi đến quyết định chấn chỉnh nhân sự tờ báo, một quyết định sư đã manh nha khi nhận thấy tờ báo bắt đầu vượt khỏi tầm kiểm soát, bài vở quá khích có thể gây nguy hại đến kế hoạch hoằng pháp và từ thiện xã hội trường kỳ của sư. Sư Pháp Linh và sư Thiện Chiếu bất mãn bỏ đi. Sư Trí Thiền liền cho người liên lạc với ông cử Võ Ngọc Hoành, một nhân sĩ thuộc phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục đang bị Pháp giam lỏng tại Sa Đéc, để nhờ giới thiệu cây viết khác và bọn mật thám Pháp tại Sa Đéc bắt được tin nầy. Tình hình chính trị thế giới cuối năm 1939 đã xoay chiều. Pháp thua trận nhục nhã tại chánh quốc, và Nhựt đang hùng hổ gây hấn mưu toan bành trướng thế lực tại vùng Đông Nam Á. Bọn cầm quyền Pháp tại Đông Dương buộc lòng ve vãn nhượng bộ Nhựt, không dám công khai đụng chạm đến những phe nhóm chánh trị người bản xứ được Nhựt đỡ đầu. Mặt khác, chúng hiểm độc ra tay đối phó với hiểm họa Nhựt, bằng cách ngấm ngầm bóp chết ngay trong trứng nước các phe nhóm toan móc nối Nhựt. Luận điệu thân Nhựt của tờ Tiến Hóa trùng hợp mối liên lạc mật thiết của sư Trí Thiền và nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục, đã là nguyên nhân thúc đẩy bọn Pháp ra tay hạ độc thủ. Chỉ hai tuần sau vụ lủng củng nội bộ, bọn Mật Thám từ Sa Đéc đã kéo về Rạch Giá hợp với đám địa phương, bao vây chùa Tam Bảo lúc nửa đêm khám xét bắt sư Trí Thiền và người đệ tử là sư chú Thiện Ân, tục danh Trần Văn Thâu đem về sở mật thám khảo tra. Theo biên bản, mật thám khám phá được 40 tạc đạn nội hóa cùng những tài liệu liên quan đến Xứ ủy Nam Kỳ cất giấu tại chùa. Cũng theo biên bản thì hai trái lựu đạn gài nơi bàn vong đã nổ tung trong khi mật thám lục soát làm một người đội tên Xuôi bị thương nhẹ ở tay. Sư chú Thiện Ân bị tra tấn dã man và nhận tội một mình, không khai ai là đồng đảng. Có thể sư chú không chịu nỗi đòn bộng đành nhận tội cho xong, cũng có thể, sư chú hy sinh nhận tội một mình để sư phụ Trí Thiền khỏi bị tra tấn. Điểm mà sư Trí Thiền tin chắc là người đệ tử không dại dột mang những thứ nguy hiểm đó, hơ hỏng lưu giữ tại chùa, nơi mà thiện tín tự do ra vào hành lễ, vừa là nơi làm báo, trường học, bệnh xá chẩn bệnh cho thuốc, viện cô nhi… Chỉ có những kẻ đi bắt người mới đủ

khả năng và điều kiện sản xuất rồi mang tới chùa vu oan giá họa. Họ muốn múa rối, tung hỏa mù, vẽ vời biên bản hại người cách nào chẳng được. Do đó, tuy chụp cho tội ghê gớm là tổ chức vũ trang phá rối trị an, mà ngoài mấy trái lựu đạn thô sơ gài tại bàn vong !!! và lời nhận tội yếu ớt của sư Thiện Ân, thì không còn bằng chứng nào khác; không đồng lỏa, không đoàn viên tham gia, không người sản xuất vũ khí, cũng không hề có các vụ rải truyền đơn, gài lựu đạn phá hoại nào xảy ra tại Rạch Giá cả… Thế nhưng, hồ sơ buộc tội hàm hồ đó lại kết thúc nhanh chóng, nội vụ đưa ra trước tòa Đại Hình Saigon để cuối cùng chúng cũng long trọng tuyên án: Tử hình Trần Văn Thâu tức Thích Thiện Ân và phạt Nguyễn Văn Đồng tức Thích Trí Thiền chung thân khổ sai. Thời gian qua, sư Trí Thiền và đệ tử luôn bị kiểm soát gắt gao, nghiêm cấm liên lạc, giam riêng, nên thầy trò không có cơ hội nào trò chuyện riêng tư cả. Sau khi Tòa đã tuyên án, việc nghiêm cấm không còn nữa, đám tù nhân thành án gom lại một nơi để chờ đợi lên đường về khám lớn, sư Trí Thiền mới có dịp đứng cạnh đệ tử. Thầy trò trầm lặng nhìn nhau, bao nhiêu thương yêu tràn ra trong ánh mắt nhưng chẳng ai thấy cần thiết mở lời. Mãi đến khi sắp giã biệt, sư chú Thiện Ân mới khe khẽ ngâm nga:

Thân xác nào có chủ
Hình hài vốn lai không !
Đem đầu kề gươm bén
Như chém ngọn gió Xuân.[40]
Sư Trí Thiền mỉm cười. Sư cánh cánh thầm lo người đệ tử hiên ngang không sợ chết nầy, không hành nỗi hạnh hỷ xả để rồi cứ mang mang ôm ấp thù hận trong lòng. Bây giờ sư mới an tâm chia tay. Sư sung sướng nghe đệ tử nguyện đón cái chết nhẹ nhàng, mát mẻ như đón ngọn gió xuân…

Trước vành móng ngựa cũng như bao lần bị tra tấn lấy khẩu cung, sư Trí Thiền vẫn giữ được thái độ trầm tỉnh thong dong của bậc chân tu, khiến cho những kẻ hung hăng thô lỗ không còn chút tình người cũng phải sinh tâm kính trọng. Tuy vậy, khi trở về phòng biệt giam, thui thủi một mình sư cũng nghe lòng mình se thắt lại. Sư chẳng vương chút hận thù, chẳng bợn lòng tiếc nuối sự nghiệp bọt bèo tan tác, cũng không đau đớn lo âu thân phận tù tội đọa đày. Thế nhưng, sư lại bâng khuâng vận nước, bồn chồn nhớ nghĩ đến đám dân nghèo mất nơi nương tựa, trẻ con thất học bụi đời, trẻ mồ côi, người bệnh hoạn không tiền thang thuốc… Do đó, khi tọa thiền sư cứ bị phân tâm. Sư chọn phương pháp dụng công giản dị như số tức quán, tức đếm hơi thở, mà cũng bị lầm lộn mãi. Cuối cùng sư phải vận dụng đến pháp môn trì chú. Sư tụng chú đại bị liên tục. Tụng chú thì phải chăm chỉ theo dõi từng

tiếng Phạn trúc trắc khó đọc, nên không còn nhớ nghĩ chuyện gì khác. Nhờ vậy, chỉ trong vòng một tuần lễ, sư cởi bỏ được những nỗi niềm xao xuyến trong tâm, và lần lần cảm thấy thong dong tự tại trong tù ngục.

Đầu thu năm1942, sư bị giải giao bằng tàu ra Côn Đảo. Tù nhân cùm dính chùm hai người với nhau bị tống xuống hầm tàu dồn nén như cá mòi hộp. Khẩu phần được phát một lần, rồi cửa hầm đóng lại. Địa ngục nổi trở nên tối tăm, nóng bức kinh người. Mùi mồ hôi, mùi dầu, mùi mốc, ngột ngạt khiến đầu óc bọn tù choáng váng, ngầy ngật. Ra khơi chừng năm giờ, tàu lại bị sóng to trồi lên sụp xuống, khiến cho bọn tù nhân, vốn bị nóng bức ngột ngạt hành hạ, say sóng lê lết ói mửa, tiêu tiểu bừa lên nhau. Địa ngục nổi vừa là địa ngục lắc lư, địa ngục phẩn tiểu tối tăm, hôi hám, bẩn thỉu, nóng bức ngột ngạt, khổ sở không kể xiết. Sư Trí Thiền là người duy nhất không bị say sóng, có lẽ nhờ sư để bụng đói, sư đã nhường phần ăn của mình cho người bạn tù trẻ. Sư kéo người bạn cồng chung tay ngồi dựa sát bên, sư nâng đầu người khác ngữa lên đùi, vuốt ve an ủi. Sư nhỏ nhẹ khuyên lơn mọi người đừng sợ hãi, đừng chán nản, vì sóng gió nào rồi cũng qua đi. Hốt nhiên sư khám phá rằng hoằng nguyện Quán Thế Âm, xoa dịu thương đau chúng sanh ngày trước của sư, vẫn có thể thực hiện được ngay trong ngục tù, dù với phương tiện hạn hẹp tại chốn nầy. Sư không nhất thiết phải làm thầy, phải tụng kinh, gõ mõ nữa. Sư cứ tùy tiện, tùy duyên mà làm. Ai cần đến sự nâng đỡ của người cha, sư sẽ là người cha bao bọc họ. Ai cần đến sự nâng niu của bà mẹ, sư sẽ là bà mẹ vỗ về an ủi họ. Ai cần đến sự chăm sóc của người con, sư sẽ là đứa con ngoan hiền hiếu thảo phụng dưỡng họ. Trong lặng yên, lòng sư lại hân hoan rộn ràng tiếng ca:

Hốt nhiên trong địa ngục
Chợt khám phá đạo tràng
Thân gông cùng xiềng xích
Hoằng nguyện vẫn thênh thang…
Cuối cùng tàu cũng cập bến Côn Sơn, tù nhân từng cập dắt díu lê lết lên bờ trình diện ban cai ngục trên đảo và liền được lệnh đứng nghiêm để nghe những lệnh lạc mới phải tuân hành. Bọn tù nhân vừa trải qua mấy ngày đường thê thảm, đầu óc lờ khờ, tay chân quờ quạng… ngây dại không thi hành đúng chỉ thị liền bị ngay một trận đòn tối tăm mặt mũi, không hiểu rõ nguyên nhân. Đây là trận đòn khai tâm, dằn mặt bọn tù mới đến, lần nào cũng xảy ra như một cái lệ, vì lý do trừng trị thì lúc nào bọn cai ngục bươi ra cũng có. Sau khi phân loại, sư Trí Thiền với tội danh đầu đảng phản loạn nguy hiểm, liền bị tống vào lao kỹ luật trại số 1, nhằm trừng trị những thành phần ngoan cố: tấn công giám thị, chủ mưu phá ngục, vượt ngục, giết lính

giết bạn tù… Tù nhân bị trừng trị thẳng tay, khẩu phần ăn bị giảm, ngày đêm xiềng xích, mỗi ngày chỉ được phép ra ngoài sưởi nắng một giờ. Tù nhân bị hành hạ dai dẳng, thân tâm kiệt quệ, bại liệt gầy còm, ngây ngây dại dại như một bóng ma nằm cú rũ trong góc phòng u tối để chờ đợi đến giờ ân huệ, vận dụng hết chút hơi tàn còn lại bò lê lết ra ngoài hưởng chút không khí trong lành. Sư mang thông điệp yêu thương tươi mát vào lao kỹ luật. Sư gợi chuyện, thuật những mẫu chuyện đạo nội dung vui tươi, để tạo dựng được những nụ cười làm tan loãng bớt không khí sầu thảm nơi đây. Xây dựng được nhịp cầu cảm thông, sư bắt đầu khuyên họ áp dụng phương pháp niệm Phật tu tâm. Tiếng niệm Phật ngăn chận nỗi niềm nhung nhớ thế giới bên ngoài cùng chuỗi đời quá khứ buồn thương. Tiếng niệm Phật cũng xóa tan đi mối sầu lo cho tương lai mờ mịt. Mỗi tiếng niệm Phật là một bước quay về thế giới Cực Lạc, mỗi tiếng niệm Phật là một niệm an tịnh hiện tiền ngay chốn tù đày. Mỗi ngày ba thời, sau khi sư thỉnh ba tiếng chuông miệng "boong ! boong ! boong !", cả lao đồng nghiêm chỉnh thiết tha cất tiếng niệm "Nam mô A Di Đà Phật". Song song với việc tu tâm, sư khuyên họ cố gắng cử động tay chân, mỗi giờ rủ nhau ngồi lên đứng dậy, xoa bóp tay chân cho máu huyết lưu thông. Trong giờ ra ngoài phơi nắng, tù mạnh dìu tù yếu đi tới đi lui, để tránh tình trạng nằm ủ rũ không cử động như ngày trước. Người tê bại nặng quá, không đủ sức xê dịch nỗi, sư đích thân xoa bóp chân họ, rồi khuyến khích họ cố gắng nhích từng bước như đứa bé mới tập đi. Lao kỹ luật, vốn vang danh là nhà lao chết, đã tràn đầy sinh khí, ẩn hiện trong từng tiếng niệm Phật chân thành, trên từng nét mặt tin yêu, trong thân thể gầy gò, tay chân ngượng ngập…

Đầu năm 1943, sư Trí Thiền được chuyển sang trại số 4, một trại giam chánh trị phạm, trực thuộc sở củi. Qui chế trại tương đối thoải mái: tù nhân mỗi ngày được đưa vào rừng đốn củi, tuy phải làm việc cực khổ nhưng được chút đỉnh tự do, được vận động và thở không khí trong lành. Tù nhân chánh trị có tinh thần vững chãi, biết đoàn kết và có tư cách nên giám thị cũng nể nang. Tù nhân, tùy theo khuynh hướng chánh trị mà kết hợp mật thiết với nhau thành nhiều nhóm, không thân thiện nhau cũng không công khai chống báng nhau. Sư Trí Thiền không gia nhập nhóm vào. Với ai, sư cũng tròn đầy hạnh nguyện Quán Âm, sư xả thân làm cha mẹ, anh em, vợ con, bè bạn… để khuyên lơn, an ủi, đỡ đần họ.

Chỉ trong một thời gian ngắn, sư đã kết thân với hầu hết mọi người, như một gạch nối cho các phe nhóm khác biệt. Trở ngại duy nhất mà sư vấp phải là thái độ chống đối ra mặt của Ba Lợi. Ba Lợi chỉ trích sư thiếu chất "sắt máu", không ngùn ngụt thù hận như kẻ chân chính làm cách mạng, sư là

hiện thân của hạng cầu an cúi đầu trước kẻ thù, mà còn khờ dại tiếp tục sử dụng tôn giáo ru ngủ kẻ khác, vô tình làm công cụ phục vụ cho bọn thực dân phong kiến thống trị nữa. Sư vận dụng mọi cách để gần gũi với Ba Lợi, nhưng tất cả thiện chí dường như vô ích.

Mùa hè năm Quí Mùi, thời tiết Côn Sơn bỗng trở nên độc địa khác thường. Bệnh dịch tả xuất hiện rồi hoành hành dữ dội. Thế chiến thứ hai đang diễn ra khốc liệt, Âu dược cực kỳ khan hiếm, không đủ mức dự trữ cho đám quản trị trại tù và gia đình họ, huống hồ ban phát đầy đủ cho bọn tù nhân. Tù nhân bệnh la liệt, bệnh xá không chỗ chứa, nên chi tù bệnh nặng nhẹ gì cũng chỉ được phát thuốc, và nằm trong trại cốc tự dưỡng bệnh. Tù nhân trại số 4 vẫn phải vào rừng đốn củi, nhưng sư Trí Thiền tình nguyện ở lại chăm sóc người bệnh. Sư thương yêu cưng chiều từng người như bà mẹ lo lắng cho con, kể cả những con bệnh khó tánh như Ba Lợi. Sau cơn ói mửa, Ba Lợi lả người nằm thiêm thiếp, hơi thở yếu ớt tưởng như sắp lìa đời. Thình lình trong cơn mê, hắn mấp máy từng tiếng đứt khoảng:

Thiên Đàng Địa Ngục hai bên
Ai khôn thì nhờ, ai dại thì sa
Thiên Đàng nhớ Chúa tưởng Cha
Đọc kinh cầu nguyện kẻo sa linh hồn…
Linh hồn phải giữ linh hồn
Đến khi gần chết được lên Thiên Đàng…
Đây là bài hát trẻ con trong trò chơi Thiên Đàng Địa Ngục phổ biến trong các họ đạo, mà khi lên năm tuổi, theo phụ thân đến nhà thờ, sư đã có dịp tham dự đôi lần. Thì ra Ba Lợi chẳng phải là kẻ không tôn giáo, những lúc bệnh hoạn khổ sở, hắn vẫn thầm mơ về Chúa. Thật là tội nghiệp ! Hắn đã phải che dấu niềm tin của mình bằng thái độ chống báng tôn giáo quá khích, và giờ đây trong cơn mê mối ẩn ức nằm sâu trong tiềm thức mới tự động tuôn trào. Sư nghĩ Ba Lợi cần được sự nâng đỡ tinh thần và vật chất của vị linh mục sở tại nên nhờ viên giám thị, thông báo với cha có con chiên bệnh nặng chờ chết. Linh mục Jean tức tốc đến nơi. Nhận thấy bệnh trạng của Ba Lợi đã hiểm nghèo, linh mục đưa hắn đi bệnh viện chữa trị ngay.

Ngày xưa khi sư phụ Vĩnh Thùy sắp từ trần, người dặn dò sư giải quyết công án thiên đàng địa ngục của tổ Trí Tạng: "Một vị cư sĩ hỏi tổ Trí Tạng:

- Có thiên đàng, có địa ngục chăng ?

Tổ đáp:

- Có

- Có tam bảo: Phật, Pháp, Tăng chăng ?

- Có

- Hòa thượng lầm rồi ! Con đã hỏi hòa thượng Cảnh Sơn, Ngài nói tất cả đều không kia mà !

- Người có vợ chăng ?

- Có !

- Hòa thượng Cảnh Sơn có vợ chăng ?

- Không !

- Hòa thượng Cảnh Sơn nói không là phải !"

Công án thoạt nghe tương tợ như công án "có Phật tánh" và "không Phật tánh" của tổ Triệu Châu[41], nhưng khi nhìn sâu vào thì dường như có nét biến chuyển chập chùng kỳ bí. Thuở ấy, sư quá bận bịu với công cuộc hoằng dương đạo pháp, nên chỉ hiếu kỳ tham cứu một thời gian rồi bỏ quên lửng. Nay vô tình nghe Ba Lợi thều thào bài hát Thiên Đàng Địa Ngục, công án năm xưa bỗng trỗi dậy mãnh liệt trong tâm, rồi mối nghi tình lo lớn chụp phủ xuống không có chỗ nào tránh thoát. Dẫu sư đi, đứng, nằm, ngồi, săn sóc bệnh nhân, trò chuyện với người, hay làm bất cứ động tác nào thì công án cũng bám cứng trong tâm, không phương cách gì tách rời ra khỏi… Sư cảm giác như Tổ Trí Tạng đang đối thoại với chính sư. Đối thoại đó lập lại như một điệp khúc tiếp nối triền miên, mà âm diệu thì mỗi lần mỗi khác. Cũng tiếng đáp "có và không" đôi khi sư nghe như dồn dập khẩn thiết, khi thì nghiêm trang cổ quái, lúc lại đượm về mỉa mai, trêu cợt, khinh đời. Sư bị bức bách trong trạng thái lạ lùng nầy, một mình mình biết, một mình mình chịu, chẳng có thầy bạn ở gần giải bày tâm ý. Trại giam nóng bức, chật nứt người mà sư lại cảm giác như đang cô đơn thất thiểu trong vùng Bắc cực buốt giá, mắt trao tráo nhìn tảng băng công án chình ình nằm cản lối, tai lại nghe dồn dập tiếng ca "Thiên đàng địa ngục hai bên. Ai khôn thì nhờ, ai dại thì sa !". Ôi ! đó là trò chơi thuở bé hay là trò chơi suốt cả cuộc đời: mải miết quay cuồng với phải trái, thịnh suy, khôn dại… để chìm nổi theo địa ngục thiên đàng.

Nạn dịch tả giảm dần, trại giam trở lại nếp sống thường nhựt. Ba Lợi hoàn toàn bình phục, hắn trở lại đạo, và được vị linh mục ưu ái thăm nom săn sóc. Hắn được chuyển thành tù áo trắng, không phải đi đốn củi nữa, mà hàng ngày lãnh nhiệm vụ quét dọn, chăm sóc cây kiểng tại nhà thờ, tối mới về trại ngủ. Tuy nhiên, mối giao tình của Ba Lợi và nhóm thân hữu của hắn có vẻ gượng gạo. Họ cố tình tránh né hắn, hắn cuống quít vồn vã, thì họ lại càng xa lánh. Dường như họ nghi ngờ, lo lắng y sẽ tiết lộ những bí mật phe nhóm. Sư Trí Thiền thoáng thấy điểm đó, và dự định khuyên Ba Lợi, nên nhờ uy thế của vị linh mục để chuyển sang trại khác. Thế nhưng, sư lại đang điên đầu với công án thiên đàng địa ngục, sư thở vào, thở ra, cưa cây xẻ củi, cũng đeo công án dính cứng không gỡ thoát được, nên chuyện hiểm nguy của Ba Lợi sư chỉ thoáng nghĩ rồi bỏ qua tức khắc.

Đêm đến sư ngồi tọa thiền, mối nghi càng mãnh liệt, công án lồ lộ trước mắt, bao nhiêu tâm ý đặt vào đó, không mảy may vướng bận chuyện bên ngoài. Sáng hôm sau vừa xả thiền, sư nghe cả trại nhốn nháo tin Ba Lợi bị đâm chết. Ba Lợi giận dỗi đám thân hữu bỏ sang nằm cạnh sư, sư chẳng hay biết gì cả mới thật là kỳ lạ. Nội vụ được thông báo ngay cho ban giám thị và cả trại bị giữ lại để điều tra. Chúng cật vấn từng tù nhân, dụ dỗ, dọa nạt từng người vẫn không tìm ra manh mối. Cuối cùng chúng đưa biện pháp trừng phạt cả trại bằng cách cho tù ăn cơm không, không có muối và thực phẩm nào khác. Chỉ trong năm ngày thiếu chất muối, bọn tù kiệt sức nằm rên rĩ, có kẻ điên loạn cào cấu cả mặt mày. Thế nhưng ai cũng tuân phục nguyên tắc không nghe, không thấy, không biết… nên khổ sở cùng cực mà chẳng chịu hở môi.

Sư Trí Thiền đã phát hoằng thệ nguyện hành hạnh Quán Âm, do đó, tuy sư đang thao thức mong giải quyết công án "thiên đàng địa ngục", mà hạnh nguyện ban vui cứu khổ vẫn không quên được. Sư đứng ra nhận tội một mình. Ngay sau đó, biện pháp trừng trị trại số 4 được giải tỏa, riêng sư được chuyển sang chuồng cọp biệt giam, chờ viên thiếu tá Chúa Đảo kiêm Giám Đốc Khám Đường xử lý. Tình hình chính trị cuối năm 1943 trong đất liền rất rối ren, viên Chúa Đảo không muốn bận tâm chở phạm nhân vô ra Saigon để Tòa Đại Hình xét xử theo thủ tục bình thường. Hắn xử trí những vụ sát nhân trong đảo theo đường lối riêng: cho toán lính tin cậy đưa tù nhân đến bãi biển Tây Nam rồi bắn sau lưng tù nhân, đoạn lập biên bản xác nhận tù nhân bị hạ sát trên đường vượt ngục toan lội biển trốn sang hòn Bà.

Phòng biệt giam rất thuận tiện cho việc tọa thiền. Sư lại biết ngày chết của mình đã gần kề, nên bao nhiêu tâm lực sư dốc hết vào việc giải quyết công

án. Điều trớ trêu là càng hấp tấp thì càng đổ vỡ, mối đại nghi mà đôi lúc sư tưởng như đã đạt đến đầu mé bỗng ì ra không xê dịch thêm gì được. Đến nửa đêm, sư xả thiền, xoa bóp tay chân, bước tới lui mươi phút cho giãn gân cốt, rồi tiếp tục tọa thiền lại. Một chút thất vọng lóe lên khiến sư phân tâm, động niệm chuyện xa gần. Một niềm vui len lén đến với sư khi sư chợt nhớ đến hoằng nguyện xả thân cho dân tộc và đạo pháp của mình, niềm vui đó bỗng đổi thành chút xót xa khi sư nghĩ đến bọn ngoại nhân xâm lược vẫn còn đang dày xéo nước nhà. Hốt nhiên, sư chợt khám phá rằng trong niệm đầu sư còn lơ lửng ở chốn thiên đàng mà niệm kế tiếp, thì sư đã bị lôi tuột xuống địa ngục rồi. Sư lại bị trì kéo giữa thiên đàng địa ngục hai bên, lại phải đối đầu với công án có vợ có thiên đàng địa ngục, không vợ không thiên đàng địa ngục nữa rồi ! Kẻ có vợ chắc đã thực nghiệm đủ mọi trò mật ngọt đắng cay của tình yêu, họ bị sợi dây tình ái lôi kéo chằng chịt giữa thiên đàng địa ngục, đó là sự thật hiển nhiên rồi. Sư không vợ cũng như tổ Cảnh Sơn, thế sao sư lại bị trôi lăn chốn thiên đàng địa ngục ? Sợi dây nào đã lôi kéo sư đây ? Câu trả lời bỗng hiện ra như một tia chớp. Sư tự khám phá mình cũng bị ràng buộc bởi dây tình ái, thứ tình không thô kệch như tình chồng vợ, mà ẩn hiện vi tế cao đẹp khó thấy như tình dân tộc, tình đạo pháp… Còn tình nhiễm thì còn bị xâu vào xích của mười hai nhân duyên luân hồi sanh tử. Còn tình nhiễm là còn phân biệt đúng sai, khôn dại, vinh nhục…, còn mảy may thương ghét, còn xoay tít trong vòng địa ngục thiên đàng. Thế rồi, những ý niệm về biên giới, màu da, chủng tộc, thiện ác, đúng sai… bỗng nhiên tan biến không còn tung tích. Sư chợt thấy lòng nhẹ nhỏm, thênh thang, tình yêu bình đẳng lồng lộng ngút ngàn.

Trong chớp mắt khối nghi dằng dặc đè nặng bỗng vỡ tan thành mảnh vụn, một niềm an lạc kỳ diệu bao trùm thân tâm sư. Cả sơn hà đại địa, một toàn thể chiếu diệu, trong suốt, trạm nhiên, vắng lặng… lồ lộ hiện bày, không còn gì để nghi ngờ, không còn gì để mô tả nữa.

Sư lắng chìm trong trạng thái kỳ bí nầy cho đến khi cửa phòng giam mở, và viên giám thị lên tiếng giục:

- Đi nhanh lên ! lão già !

Sư từ hòa đáp:

- Cảm tạ chú nhắc nhở ! đúng vậy, đã tới lúc ta nên ra đi rồi !

Người cai ngục không ngờ tên sát nhân đến lúc sắp đền tội vẫn điềm tỉnh nhường ấy. Lạ nhứt là giọng nói của lão sao hiền hậu quá, giống như người

cha già thân thương tâm sự với con. Mắt quen dần bóng tối, anh hiếu kỳ quan sát lão tù nhân già, hai chân tréo nhau ngồi dưới đất, mặt rạng rỡ, đang nhìn anh mỉm miệng cười. Bỗng nhiên anh cảm giác một niềm vui kỳ diệu từ người tù nhân già trao đến. Anh quyến luyến nhìn lão già thêm một lúc, rồi bồi hồi lên tiếng:

- Ông lão đi nỗi không ? tôi đỡ ông lão đi nhé !

- Chú dễ thương quá ! Xin chú khỏi bận tâm. Ta đi mình "ênh" được rồi !

Nói xong lão già nhắm mắt lại, môi lão không động đậy mà người cai ngục nghe văng vẳng như có tiếng ca:

Không đúng sai khôn dại
Hết địa ngục thiên đàng
Dạo chơi nơi huyễn cảnh
Tùy duyên lập đạo tràng…
Người cai ngục cảm thấy lòng xao xuyến, anh ta linh cảm có điều bất ổn, vội tiến tới sờ mũi, sờ ngực thì mới hay lão tù nhân già đã vĩnh viễn ra đi rồi.

---o0o---
Hết

---

[1] Chôlchnam : lễ Vào năm mới của người Việt gốc Miên, nhằm vào mùa trăng giữa tháng tư dương lịch.
[2] Truyện cổ tích Phật giáo về vua Assaka của người Việt gốc Miên không rõ phát xuất từ kinh sách nào. Trong quyển sách "Người Việt gốc Miên" của Lê Hương có ghi chuyện Vua Assaka và hoàng hậu Ubbari, nhưng chi tiết có vài khác biệt với chuyện tác giả nghe được.
[3] Người Việt gốc Miên theo tục lệ hỏa táng nên cổ quan của giới bình dân thường chỉ dùng gỗ tạp, quàng từ một đến ba ngày thì đưa ra nhà thiêu xác (pachha). Đối với các vị sư sãi, hoàng thân hay những gia đình giàu sang, người ta có thể chọn loại cổ quan đặc biệt là đỉnh. Cổ quan nầy hình trụ, nắp hình nón chắc chắn nên có thể quàng cả năm, rồi mới đưa đi thiêu.
[4] Acha : vị bô lão thông hiểu phong tục tập quán kinh điển, thường được dân làng kính trọng thỉnh làm chủ lễ cúng dường, tang ma, hỉ sự.

[5] Uraga Jãtaka : Đây là chuyện tiền thân Đức Phật ghi lại trong bộ Túc Sanh Truyện, nội dung tạm tóm lược như sau : Gia đình người nông dân có người con bị rắn cắn chết. Cả nhà họp lại hỏa táng người vắn số, nhưng không hề khóc than sầu não. Vị Trời Đế Thích ngạc nhiên, hóa hiện để hỏi rõ từng người nguyên nhân nầy :
Người cha giải đáp : "Con người rời bỏ cái vỏ mỏng manh nầy khi đời sống trôi qua, cũng như con rắn lột da cũ bỏ đi. Không lời ta thán nào làm động lòng đống tro tàn người quá cố. Vậy sao tôi phải phiền muộn ?"
Người mẹ đáp : "Không ai mời mọc nó đã đến. Không ai đuổi xô nó vội ra đi. Có gì mà tôi phải âu sầu phiền muộn, khi con tôi hoàn tất đoạn đường đã đi…"
Người em gái đáp : "Dầu tôi có nhịn ăn và khóc than cả ngày, điều đó có đem lợi ích nào không ? Than ôi ! nó chỉ làm thân bằng quyến thuộc thêm bất hạnh…"
Người dâu đáp : "Than khóc cái chết của người thân yêu cũng giống như trẻ con khóc đòi chụp lấy mặt trăng…"
Người tớ gái đáp : "Một lọ đất đã bể, ai có thể ráp lại như cũ ? Than khóc người chết chỉ hoài công…"
[6] Kinh Giáo hóa người bệnh (Trung A Hàm số 28, Tăng Nhất A Hàm số 51, Hán tạng tương đương với Kinh Giáo Giới Cấp Cô Độc, số 143. Trung A Hàm, tạng Pali), nội dung ghi lại lời thuyết pháp của Ngài Xá Lợi Phất cho Ông Cấp Cô Độc khi vị nầy bị bệnh nặng hành hạ khổ sở. Ngài Xá Lợi Phất khuyên cư sĩ quán niệm về mắt : "Mắt này không phải là tôi, tôi không kẹt vào con mắt nầy"… Tiếp đến cư sĩ được dạy quán niệm lần lượt đến tai, mũi, lưỡi, thân và ý, rồi sang đến sáu đối tượng giác quan, sáu thức, sáu yếu tố, năm uẩn, và ba thời : quá khứ, hiện tại, vị lai. Đoạn Ngài Xá Lợi Phất chỉ dạy rằng các pháp đều do nhân duyên sanh khởi và do nhân duyên mà hoại diệt; nên thật ra, tự tính của các pháp là không sanh cũng không diệt, không tới cũng không đi. Bài pháp đã được thầy Nhất Hạnh trích dẫn và phổ nhạc dước nhan đề "Không đến không đi"
[7] Chùa Trấn Quốc khởi dựng từ triều Lý Nam Đếm tại bãi An Hoa, giáp sông Hồng Hà, với tên Khai Quốc. Chùa phải đổi danh hiệu là Trấn Quốc vào thời Hậu Lý. Năm 1615, đất chùa bị lở sụp nên phải dời về địa điểm ngày nay. Vào triều Nguyễn, Hà thành không còn là kinh đô, danh hiệu Trấn Quốc ngấm ngầm gợi đến triều đại cũ, nên lại bị dèm siểm. Vua Thiệu Trị ra lệnh đổi tên chùa là Trấn Bắc, bảng hiệu chánh thức sửa đổi, nhưng dân chúng vẫn thích gọi tên chùa là Trấn Quốc như cũ. Chùa Trấn Quốc phong cảnh thanh lịch, nên đôi khi bị các vị Vua Chúa sử dụng làm chốn ăn chơi tiêu khiển; lầu chuông, nhà thủy tạ trở thành địa điểm đờn địch xướng ca, và

những vị tu sĩ đôi khi cũng phải chạy theo kẻ quyền thế bợ đỡ để sống còn… Có lẽ đó là lý do mà Bà Huyện Thanh Quan, nhân khi viếng cảnh chùa Trấn Quốc, đề thơ vịnh cảnh đã buông lời mỉa mai giới tu sĩ. Chùa Trấn Quốc
Ngoài cửa hành cung cỏ dãi dầu
Chạnh niềm cố quốc nghĩ mà đau
Một tòa sen tỏa mùi hương ngự
Năm thức mây phong, nếp áo chầu.
Lớp sóng phế hưng coi đã rộng
Hồi chuông kim cổ, lắng càng mau.
Người xưa cảnh cũ đâu đâu tá !
Khéo ngẩn ngơ thay lũ trọc đầu !

[8] Tại Huế, cũng có một trường hợp tương tự xảy ra cách nay vài mươi năm trước. Vị lão hòa thượng, trụ trì chùa TT, là một tu sĩ giới hạnh nghiêm minh, khi lâm chung, lại dặn dò đệ tử tìm đến nhà gia đình nông dân nghèo ngụ cách chùa không xa, để xin mảnh quần đen của cô bé 15 tuổi về đắp mặt Ôn khi liệm, hầu giúp Ôn siêu thoát !!!…. Tác giả tin tưởng rằng câu chuyện nầy chỉ là một phương tiện mà tổ sử dụng nhằm răn dạy chư đệ tử xa lìa nữ sắc mà thôi.

[9] Câu ca dao tương tợ cũng xuất hiện tại Huế, chỉ có khác tên chùa mà thôi :
Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương

[10] Kệ của ngài Úc sơn chủ tại Đồ Lăng. Nguyên văn :
Ngã hữu thần châu nhất lõa
Cửu bị trần lao cơ tỏa
Kim triêu trần lận quang sinh
Chiếu kiến sơn hà vạn đóa.

Bài kệ đắc đạo của sơn chủ phát xuất từ câu chuyện như sau :
Một hôm sơn chủ hỏi một thầy tăng về lời dạy của tổ sư Dương Kỳ, vị tăng đó đáp :
- Tổ sư tôi thường hỏi môn đệ : "Có một thầy tăng hỏi Pháp Đăng : Trăm thước đầu gậy làm sao bước tới ? Pháp Đăng chỉ đáp : Á… "
(Trăm thước đầu gậy phát xuất từ bài kệ của Tổ Trường Sơn Cảnh Sầm :
Gậy đầu nghìn thước chẳng lung lay
Dù đã lên đây chưa thật đây
Chót gậy nghìn tầm còn bước nữa
Mười phương thế giới thiệt thân nầy)
Người đã lên đến chót vót đầu gậy làm sao bước tới nữa, đó là một nghi vấn ám ảnh Úc sơn chủ ngày đêm.

Một hôm, sơn chủ cỡi lừa đi ngang qua cầu, lừa kẹt chân vào một cái lỗ, hất sơn chủ té nhào. Sơn chủ bất giác la lên "Á", rồi hốt nhiên ngộ đạo, nhân đó đã làm bài kệ ghi trên.

[11] Trong Tăng Chi Bộ Kinh, Đức Phật dạy có ba hạng người :
- Hạng người như chữ khắc trên đá
- Hạng người như chữ viết trên đất
- Hạng người như chữ viết trên nước
(trích từ Nhặt Lá Bồ Đề, Hòa thượng Thanh Từ)

[12] Kệ của Sơ Tổ Trúc Lâm (Vua Trần Nhân Tông), nguyên văn chữ Hán:
"Cư Trần Lạc Đạo thả tùy duyên.
Cơ tắc xan hề khốn tắc miên.
Gia trung hữu bảo hư tầm mích,
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền."

[13] Tiếng lóng mỗi nơi mỗi khác. Những chữ ghi trong truyện nầy xuất hiện tại Houston và Dallas (Texas). Tác giả không rõ tại tiểu bang khác, những tiếng lóng nầy có thông dụng không ?

[14] Mít ướt là loại mít múi mỏng cơm và nhão, được sử dụng theo nghĩa bóng để chỉ những kẻ mềm lòng, mau nước mắt…

[15] Đức Phật dạy : "Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành"

[16] Giai thoại về câu hỏi "Phật là ai" có rất nhiều trong thiền sử. Xin đơn cử vài trường hợp điển hình :

a. Linh Huấn, đệ tử của Tri Thường, một hôm hỏi thầy :
- Phật là ai ?
- Ta sẽ nói cho ngươi, nhưng ngươi có tin không ?
- Dĩ nhiên là con tin.
- Phật chính là ngươi đó !

b. Một tăng sĩ hỏi Đại Long Tri Hồng :
- Phật là ai ?
- Phật là ngươi !
- Làm sao con hiểu ?
- Ngươi sợ bình bát không có quai à ?

c. Huệ Siêu hỏi Pháp Nhãn :
- Phật là ai ?
- Chính ngươi ! tức là Huệ Siêu đó !

Tuyết Đậu thiền sư, tác giả Bích Nham Lục, có bài tụng luận bàn như sau :

Giang Quốc xuân phong xuy bất khởi
Chả cô đề tại thâm hoa lý
Tam cấp lãng cao ngư hóa long
Si nhân do đậu dạ đường thủy.

Việt dịch của hòa thượng Mãn Giác :
Giang Quốc gió xuân thổi không lên,
Chim sáo hót trong bụi hoa sâu.
Ba bực sóng cao cá hóa rồng,
Kẻ mê vẫn múc nước hồ đêm.
(trích Bích Nham Lục)
Tác giả cũng xin phỏng dịch :
Gió xuân lặng tại xứ Giang
Thâm sâu hoa lý, hót vang sáo nhồng
Vượt sóng cao, cá hóa rồng
Người ngu lẩn thẩn tát sông tìm cầu !
Tác giả cũng xin góp chút thiển ý : Cá hóa long mà chưa nhận chân được mình là rồng, thì đâu thể lồng lộng bay cao, chỉ lúc thúc cam phận cá chui rúc trong giòng nước đục nổi trôi :
Là cá hóa long tự thuở giờ
Mê mờ nước đục, dập dờ nổi trôi…
[17] Hưng Thiền Đại Đăng quốc sư (Doto, 1282-1337), tổ khai sáng Đại Đức tự ở Nhật, thuộc dòng thiền Lâm Tế, pháp tự là Tôn Phong Diệu Siêu. Tương truyền tổ dành một phần ba cuộc đời, sống chung với những người nghèo hèn ăn xin trú tại gầm cầu Gojo. Tổ cũng đi ăn xin và làm những công việc hèn hạ, hầu tạo sự gần gũi và niềm cảm thông nơi kẻ bần cùng mà tế độ họ, bất chấp những cái nhìn miệt thị của giới phong lưu, giới tu sĩ hưởng thụ đương thời. (Trích theo Thiền Luận, bộ thượng, bản dịch Trúc Thiên).
[18] Trung Đình Hòa Thượng : Ngài là nhân vật lịch sử không lưu lại tên họ, xuất hiện vào thời chúa Nguyễn Phúc Thuần (1765-1777). Ngài mang ba bị, khất thực trong làng được đồ chay đựng một bị cho Ngài dùng, bị thứ hai đựng đồ mặn dành cho kẻ ăn xin khác và bị lớn, dùng để treo lên mái đình mà ngồi. Vì vậy Ngài mang hai bí danh là Ông Ba Bị và Trung Đình Hòa Thượng. Tu hành đắc đạo, Ngài quyết định tự thiêu trên hỏa đàn dựng tại chùa Thiên Mụ. Tín thí thỉnh cầu Ngài lưu lại chút di thể, Ngài đưa lên một ngón tay. Khi lửa bừng lên, gió thổi lệch mũ Quan Âm, Ngài lấy tay sửa lại cho ngay ngắn, rồi chấp tay niệm kinh cho đến khi tịch. Ngón tay nguyên vẹn lưu lại, tro và xá lợi đặt trong tháp thờ bên chùa Thiên Mụ. (Theo Việt Nam Phật Giáo Sử Lược, T. T. Mật Thể).
[19] Ca sa chưa mặc than nhiều việc
Được mặc ca sa việc lại nhiều.
4. tri huyện thời mạt Trần
[20] tri huyện thời mạt Trần
[21] tổng trấn

[22] Đệ nhất tổ phái Trúc Lâm là Điều-Ngự Giác-Hoàng, tức vua Trần Nhân Tông.
[23] Chùa Thầy tức chùa thờ thiền sư Từ Đạo Hạnh. Tương truyền thiền sư Từ Đạo Hạnh dựng am Bổ Đà trước cửa hang Cắc Cớ, núi Sài Sơn tu hành đắc quả và thác hóa chốn nầy. Vua Lý Nhân Tông sắc đổi tên hang là Thanh Hóa, dựng am thành chùa Phật Tích. Tại làng Láng tức làng Yên Lãng, ngoại thành Hà Nội, cũng có chùa Thầy, thờ thiền sư Từ Đạo Hạnh. Hội chùa Thầy, tức giỗ tổ Từ Đạo Hạnh, nhằm ngày mùng 7 tháng ba, từ làng Láng kéo dài đền Sài Sơn, theo như câu ca dao :
Nhớ ngày mùng bẩy tháng ba
Trở vào hội Làng, trở ra hội Thầy.
[24] dáng nằm của Đức Phật khi tịch diệt.
[25] tinh nghịch.
[26] Xương rồng Saguaro là loại xương rồng khổng lồ, hình dáng như cột đình, với những hàng gai tua tủa, đặc biệt chỉ sinh sôi trong lãnh thổ tiểu bang Arizona. Cây có thể cao đến 50 feet, nặng 3 ngàn pounds và sống lâu hằng hai thế kỷ. Xương rồng lớn tương đối chậm : một tuổi chỉ cao 1 phân, 20 tuổi cở 1 thước, 30 tuổi chừng 2 thước. Bắt đầu từ khoảng năm 35 tuổi, xương rồng trổ bông trắng, nhụy vàng và kết thành những chùm trái chín đỏ, thơm và ngọt ngào. Trái xương rồng là một nguồn cung cấp thực phẩm quan trọng của vài bộ lạc da đỏ thuở xưa. Khi đã thành lão niên, khoảng 75 tuổi cây mọc nhánh, được gọi là những cánh tay, tạo thành những hình thù đặc biệt.
[27] Tân ước, LUKE, chapter 11 : "… Lord, teach us to pray, as John also taught his disciples. Anh he said unto them. When ye pray, say, Our Father which art in heaven. Hallowed be thy name. Thy kingdom come. Thy will be done, as in heaven, so in earth. Give us day by day our daily bread. And forgive us for sins; for we also forgive every one that is indebted to us. Anh lead us not into temptation; but deliver us from evil…"
[28] Bồ Tát Di Lặc, người Nam Ấn, thuộc gia đình Bà La Môn, sau theo Phật xuất gia tu hành, và từ trần trước khi Phật nhập Niết bàn. Phật cho biết Bồ Tát Di Lặc thọ sanh về cung trời Đâu Suất trụ bốn ngàn muôn năm, sau đó hạ sanh về thế giới ta bà, tu tại vườn Hoa Lâm, dưới cội cây Long Hoa, thành Phật hiệu là Di Lặc. Đức Phật Di Lặc sẽ thuyết pháp ba kỳ nơi cội cây Long Hoa, độ vô số chúng sanh. Tính theo quyển Phật tổ thống ký, thời gian từ lúc Đức Phật Thích Ca nhập diệt cho đến khi Đức Di Lặc hạ sanh tính ra là tám triệu mười vạn tám ngàn năm (8.108.000) năm. Chư Đại Bồ Tát thường phân thân khắp mười phương thế giới để thuyết pháp độ sanh, nhưng Bồ Tát hóa thân chân chính xuất hiện âm thầm hoằng dương chánh pháp, chỉ

để lại bài kệ tiết lộ tông tích mình khi sắp tịch diệt. Đó là trường hợp của Bồ Tát Di Lặc, mà theo sử liệu Trung Hoa tin tưởng, thì Ngài đã hóa thân tại Song Lâm, với tên là Phó Đại Sĩ, và tại Nhạc Lâm, nước Lương, với pháp hiệu là Bố Đại hòa thượng. Tượng Di Lặc, có đám trẻ con quấy nhiễu đã tạc dựa trên sự tích của Bố Đại hòa thượng. Ngài ăn mặc xốc xếch, mang bị lớn, ai cho chi cũng dồn vào bị, rồi đem phân phát cho trẻ con. Ngài vui tươi chơi đùa với trẻ nên chúng rất thích, thường bu quanh Ngài phá khuấy.

Hạnh nguyện hỷ xả của Ngài thể hiện qua những mẫu đối thoại sau đây :

Một hôm hòa thượng Bạch Lộc hỏi : "Thế nào gọi là : cái túi vải ?". Ngài nghe hỏi liền bỏ túi xuống đứng khoanh tay. Bạch Lộc hỏi thêm : "Công việc của túi vải ra làm sao ?". Ngài liền mang túi vải mà đi, không nói một lời nào cả.

Lại một lần khác, hòa thượng Bảo Phước thỉnh ý Ngài : "Đại ý Phật Pháp như thế nào ?".

Ngài buông bị lớn rơi xuống đất, đứng thẳng khoanh tay.

Bảo Phước hỏi tiếp : "Chỉ như vậy hay có gì hướng thiện không ?".

Ngài mang bị vải lên vai mà đi…

Một vị khác, Trần cư sĩ hỏi Ngài :

- Bạch hòa thượng ! Ngài có pháp hiệu hay không ?

Ngài đọc bài kệ trả lời :

Ta có cái tủi vải,
Rỗng rang không quái ngại,
Mở ra khắp mười phương,
Thâu vào Quán tự tại.

Trần cư sĩ lại hỏi :

- Hòa thượng vân du có mang theo hành lý chi không ?

Hòa thượng lại đọc kệ :

Bình bát cơm ngàn nhà
Thân chơi muôn dặm xa,
Mắt xanh xem người thế,
Mây trắng hỏi đường qua.

Trần cư sĩ thỉnh Ngài ở nhà một đêm để cúng dường. Sáng lại Ngài ra đi, lưu lại bài kệ dán nơi cánh cửa :

Ta có một thân Phật,
Có ai đặng tường tất,
Chẳng vẽ cũng chẳng tô.
Không chạm cũng không khắc,
Chẳng có chút đất bùn.
Không phải màu thể sắc;

Thợ vẽ, vẽ không xong,
Kẻ trộm, trộm chẳng mất,
Thể tướng vốn tự nhiên,
Thanh tịnh trong vằng vặc;
Tuy là có một thân,
Phân đến ngàn trăm ức.
Khi sắp tịch Ngài để lại bài kệ :
Di Lặc thật Di Lặc,
Phân thân trăm ngàn ức;
Luôn luôn chỉ người đời,
Người đời tự chẳng biết.
Kể từ đó, người Trung Hoa tạc tượng Bồ Tát Di Lặc dựa theo hình dáng Bố Đại hòa thượng, chung quanh có năm, sáu hoặc mười tám đứa trẻ bu quanh chọc phá. Sáu đứa nhỏ tức lục tặc (sáu tên giặc) tượng trưng cho sáu căn : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Vì sáu căn tiếp xúc với ngoại cảnh, đắm nhiễm vọng động mà muôn điều tội lỗi phát sanh, nên đối với kẻ tu hành sáu căn cũng là sáu giặc. Bố Tát cũng mở rộng sáu căn tiếp xúc ngoại cảnh, nhưng không đắm nhiễm nên được an nhiên tự tại. Còn 18 đứa con nít là tượng trưng cho 6 căn + 6 trần + 6 thức; tượng năm đứa con nít, có lẽ chủ trương chỉ tạo hình ảnh tượng trưng của năm căn thô, còn ý căn không lộ ra ngoài nên đứa nhỏ thứ sáu cũng ẩn dạng.
(trích dẫn dựa theo Thâm ý qua hình tượng Phật, Bồ Tát của hòa thượng Thanh Từ và Sự tích Đức Di Lặc Bồ Tát trong Từ bi Âm).

[29] Phóng hạ đồ đao lập địa thành Phật, sự tích của đồ tể Quảng Ngạch, quăng dao mổ heo, liền tại đó ngộ đạo.

[30] Giặt tiền (money luandering) : Giặt tiền là loại dịch vụ nhằm xóa sạch dấu vết tiền bạc thu được. Có hai dịch vụ giặt tiền hoàn toàn khác nhau :
- tiền mặt trong các vụ buôn bán bất hợp pháp như xì ke, ma túy… chuyển vào ngân hàng trực tiếp hay gián tiếp qua các loại tiệm thực dụng, cây xăng, food to go…, để biến thành tiền hợp pháp an toàn trong các chương mục ngân hàng.
- tiền chi phiếu của các văn phòng dịch vụ nhận được (thường từ các hãng bảo hiểm), phối trí cho cá nhân lãnh thành tiền mặt, để mất dấu khỏi lập hồ sơ khai thuế. Loại nầy chính là loại được đề cập trong truyện ngắn này.

[31] Câu chuyện niệm Quán Âm nầy là chuyện thật 100%, do người bạn tín nhiệm chứng nghiệm kể. Tác giả ghi lại diễn tiến nội vụ, kể cả những cảm nghĩ trung thực của người trong cuộc và cho vào chuyện ngắn nầy. Bạn đọc có thể tin trường hợp nầy là sự kiện nhiệm mầu hay coi đây chỉ là một sự

trùng hợp vô tình. Điều duy nhất mà tác giả có thể đoan chắc với quý vị là vụ thoát nạn nầy là một câu chuyện có thật.

[32] Lông rùa và sừng thỏ là một thuật ngữ Phật giáo dùng để chỉ chuyện vô lý, không thực có.

[33] Một ông tăng hỏi Triệu Châu: "Kinh nói muôn vật trở về cái một, vậy cái một trở về gì ?". Tổ đáp: "Khi tôi ở Thanh Châu có may cái áo nặng bảy cân". (trích Thiền Luận, bộ thượng, bản dịch Trúc Thiên, trang 463).

Tác giả xin góp lời bàn tầm ruồng như sau: áo nặng đến bảy cân, có lẽ là loại áo lông đặc biệt, dệt bằng lông rùa. Áo nghiệp cũng dệt bằng lông rùa, do mỗi người tự tạo vật liệu, tự may, tự trồng vào. Tổ sư là bậc "Tùy duyên tiêu cựu nghiệp. Nhậm vận trước xiêm y", mà khi xả thân độ đời, khoác áo nghiệp vào, trong tự tại vẫn cảm giác áo lông rùa trĩu nặng đến bảy cân. Kẻ phàm phu, dẫu có huênh hoang hý luận nghiệp bản chất không, nhưng chiếc áo lông rùa nầy chắc hẳn nặng cả ngàn cân, đè bẹp hành giả, không vùng vẫy gì được, là chuyện bình thường !

[34] hưỡn: rảnh rang, nhàn nhã.

[35] Tà Niên là địa danh xưa, nay thuộc xã Vĩnh Hòa Hiệp, Kiên Giang. Hai câu ca dao tác giả nghe được có phần thô tục, tác giả đã thay đổi 3 chữ cho nhẹ bớt, tuy kém phần dí dỏm nhưng vẫn giữ nguyên ý khen gái Tà Niên khéo tay, nơi kín đáo nào cũng thêu thùa làm đẹp và trai An Hòa cần cù nên giống gì cũng đem xỏ xâu làm khô cả. Tác giả có lời xin lỗi về hành vi tự tiện nầy.

[36] Cụ Nguyễn Trung Trực tên thật là Nguyễn Văn Lịch, người làng Bình Đức, huyện Bến Lức, Long An. Cụ là vị anh hùng kháng Pháp lừng lẫy với 2 chiến công oanh liệt: đốt tàu Espérance tại Nhựt Tảo và tiêu diệt đồn binh Săn Đá tại Rạch Giá:

Hỏa hồng Nhựt Tảo, oanh thiên địa
Kiếm bạt Kiên Giang khắp quỉ thần.
(thơ của cụ Huỳnh Mẫn Đạt)

Khi Pháp xâm chiếm ba tỉnh miền Đông, cụ đã đứng lên hô hào thanh niên tụ hợp dưới cờ để kháng địch. Ngày 10.12.1861, nghĩa quân đã bắt thần tấn công thiêu hủy tàu Espérance của Pháp neo tại lòng sông Nhật Tảo, thuộc ấp Nhựt Minh, quận Tân Trụ và tiêu diệt trọn ổ lính Pháp. Một tiểu hạm khác, neo tại sông Tra cũng bị nghĩa quân phá hủy 16.12.1862.

Khi Pháp lại đem quân thôn tính ba tỉnh miền Tây, cụ Nguyễn Trung Trực được vua Tự Đức phái vào miền Tây tiếp tục chiến đấu. Người về Sân Chim, huyện An Biên chiêu mộ anh tài, kết nạp nhóm Ông Lâm Quang Ky, rồi đưa quân đột ngột hạ thành sân đá Rạch Giá hạ sát 73 sĩ quan binh sĩ người Pháp, đoạt được 100 súng đủ loại.

Khi Pháp kéo đại quân phản công, nghĩa quân thế yếu phải rút về Hòn Chông, rồi dong thuyền ra Phú Quốc lập căn cứ chiến đấu. Bọn Pháp vây đánh không được, phải đem bọn Việt gian Huỳnh Công Tấn, Trần Bá Lộc ra Phú Quốc, sử dụng phương pháp khủng bố đê tiện: bắt giam mẹ cụ Nguyễn và bắt dân lành bỏ đói phơi nắng để làm áp lực buộc cụ Nguyễn ra đầu thú. Lực lượng đã kiệt quệ, nghĩ mình trốn lánh chỉ tội nghiệp dân lành, cụ Nguyễn ra trình diện nhận chịu án trảm quyết tại chợ Rạch Giá ngày 27.10.1868, nhằm ngày 12.09 âm lịch năm Mậu Thìn.
Tương truyền, trước khi bị hành quyết cụ đã sang sảng ngâm bài thơ tuyệt mệnh:
Thư kiếm tùng nhưng tự thiếu niên,
Yêu gian đàm khí hữu long tuyền,
Anh hùng nhược ngộ vô dung địa.
Bảo hận thâm cừu bất đái thiên.
Thi sĩ Đông Hồ đã dịch nôm:
Theo việc binh nhưng thuở trẻ trai,
Phong trần hăng hái tuốt gươm mài.
Anh hùng gặp phải hồi không đất,
Thù hận chang chang chẳng đội trời.

[37] Cù lao Giêng (người địa phương gọi là cù lao Gieng): cù lao trên sông Hậu Giang, thuộc xã Tấn Mỹ, quận Chợ Mới, An Giang.

[38] Kinh Thánh, Tân Ước, sách Luke, chương 15, từ câu 11 đến 32. Con thưa cùng cha rằng: Cha ơi ! tôi đã đặng tội với trời và với cha, chẳng còn đáng gọi là con cha nữa. Nhưng người cha bảo đầy tớ rằng: Hãy mau mau lấy áo tốt nhứt mặc cho nó; đeo nhẫn vào ngón tay, mang giày vào chơn. Hãy bắt con bò mập làm thịt đi. Chúng ta hãy ăn mừng, vì con ta đây đã chết mà bây giờ lại sống, đã mất mà bây giờ lại thấy được. Đoạn, họ khởi sự vui mừng (trích nguyên văn các câu 21, 22 và 23).

[39] Thiền sư Trí Thiền tục danh Nguyễn Văn Đồng, sanh năm 1882 tại Rạch Giá, con của cụ Nguyễn Văn Trinh và bà Nguyễn Thị Trường ấu niên xuất gia với hòa thượng Vĩnh Thùy, tại chùa Sắc tứ Tam Bảo, Rạch Giá. Năm 32 tuổi, sư tiếp nhận trụ trì chùa Tam Bảo và khởi công đại tu bổ ngôi cổ tự nầy. Sau đó, sư tiếp tục sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh, tạo dựng thêm 9 ngôi chùa rải rách khắp tỉnh Rạch Giá: Tam Bảo Hòa Thạnh tự Vĩnh Hiệp, Vĩnh Phước tự Tà Niên, Bửu Hưng tự Gò Đất, Phước Hưng tự Ngăn Gừa, Tam Bảo Từ Tôn Sóc Xoài, Tam Bảo Kỳ Viên hòn Quéo và Tam Bảo Long Sơn hòn Đất. Song song với sự nghiệp hoằng pháp, sư chủ trương đem đạo Phật vào cuộc đời để xoa dịu thương đau của người dân nghèo khốn khổ. Sư tổ chức Bình Dân học vụ dạy trẻ em nghèo thất học, mở phòng khám bệnh

Đông Y chẩn bệnh và phát thuốc miễn phí, tổ chức cứu trợ nạn nhân bão lụt, lập cô nhi viện, xây dựng cầu cho dân đi lại (cầu dài 100 nhịp từ bán đảo hòn Me ra tới hòn Quéo) và chuẩn bị lập dưỡng lão viện. Ưu tư với sự tồn vong của đạo pháp và dân tộc, sư quyết tâm lập Hội Phật giáo Kiêm Tế và cho xuất bản tạp chí Tiến Hóa để phổ biến tư tưởng Phật giáo nhập thế của mình. Tờ báo được giao cho sư Pháp Linh tục danh Phan Thành Hòa làm chủ bút, với sự phụ tá của sư Thiện Chiếu tục danh Nguyễn Văn Sáng. Hai vị nầy một người thán phục Nhựt, một người cảm tình chủ nghĩa duy vật biện chứng, do đó, tờ báo bị nghi ngờ thân Nhựt và thân Cộng.

Cuối năm 1938, mật thám Sa Đéc hợp với mật thám Rạch Giá lục soát và bắt giữ sư Trí Thiền và người đệ tử pháp danh Thiện Ân, biên bản ghi nhận khám phá quả tang tàng trữ 40 quả lựu đạn nội hóa để làm việc phản loạn, khi lục soát hai trái lựu đạn đã nổ làm người đội tên Xuôi bị thương. Tòa Đại hình Saigon xử tử hình thầy Thiện Ân và phạt thiền sư Trí Thiền chung thân khổ sai, lưu đày Côn Đảo. Sư đã từ trần ngày 26.6.1943, nhằm ngày 24.05 âm lịch năm Quí Mùi, sau một thời gian dài tuyệt thực thiền định.

Dù chánh quyền Pháp rêu rao bắt sư Trí Thiền có bằng chứng rõ rệt, nhưng trên thực tế nội vụ có rất nhiều nghi vấn:

- Sư Trí Thiền là người làm việc thận trọng và tế nhị, sư đã mời viên chánh tỉnh Dufour làm hội trưởng danh dự hội Kiêm Tế, lập ban chấp hành với thành phần viên chức thân chánh quyền có uy tín như: Đốc phủ Tôn Quang Huy, Đốc phủ Đỗ Kiết Triệu, Đốc học Huỳnh Văn Yến…, thương gia, địa chủ như Đỗ Khuôn Mậu, Nguyễn Đức Huê, Nguyễn Văn Phụng, Giang Minh Xinh… Sư không khờ khạo tin tưởng với 40 quả lựu đạn nội hóa làm bằng hộp lon nổ không chết ai, mà có thể tổ chức được lực lượng võ trang chống Pháp; huống chi chùa Tam Bảo tấp nập kẻ vô ra như cái chợ, ai đến cũng được, ai xin ngủ nhờ cũng không từ chối. Chùa lại vừa là trường bình dân giáo dục, bệnh xá, phòng chẩn bệnh phát thuốc, cô nhi viện… đâu phải là nơi lý tưởng để chứa chấp vũ khí. Điểm nực cười hơn nữa, ban đêm trong chùa lại gài sẵn lựu đạn: để bảo vệ cái gì và để hại ai đây ?!!!. Vả chăng, nếu chuẩn bị tích trữ vũ khí thì ít nhứt cũng đã có một số cán bộ cán bộ nồng cốt, vận động truyền, thành lập đội ngũ, chớ chứa vũ khí mà chỉ có hai ông thầy chùa thì làm sao khơi khơi ôm mấy quả lựu đạn tấn công đồn bót được ?

Vụ bắt bớ, lập biên bản chỉ là cách chụp mũ hai người của chánh quyền Pháp đương thời, và nguyên nhân, như tác giả đặt giả thuyết và viết trong truyện ngắn, vì chúng lo ngại nhóm Tiến Hóa sẽ móc nối với Nhựt qua trung gian của ông cử Võ Ngọc Hoành, một nhà nho thuộc nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục, bị Pháp chỉ định cư trú tại Sa Đéc. Chính vì vậy mà chủ động vụ bắt bớ là mật thám Sa Đéc, mật thám Rạch Giá chỉ đóng vai hỗ trợ, và họ

đã nhắm vào sư Trí Thiền và người đệ tử, chớ không cố ý bắt sư Thiện Chiếu, người thực sự có khuynh hướng thân cộng. (Sư Thiện Chiếu, sư Pháp Linh, thầy giáo Nguyễn Văn Quảng, Đông y sĩ Trần Xuân Vân, chủ nhiệm Tiến Hóa Đốc phủ Đỗ Kiến Triệu, đều được thoát nạn).

[40] Nguyên tác chữ Hán như sau:

Tứ đại chi vô chủ
Ngũ ấm vốn lai không !
Tương đầu lâm bạch nhẫn
Du tợ trảm xuân phong !

Tương truyền khi thiền sư Tăng Triệu, bị đưa ra pháp trường xử tử tình, sư đã coi cái chết như không thực có, coi như đao phủ thủ chém gió xuân, chớ không dính líu gì với cái "không sanh không diệt" cả. Sư đã bình thản ngâm bài thơ trên.

[41] Có người hỏi tổ Triệu Châu:

- Con chó có Phật tánh không ?
- Không !

Lại có người hỏi tổ:

- Con chó có Phật tánh không ?
- Có !